

Số: **6132**/QĐ - BYTHà Nội, ngày **10** tháng **10** năm 2018**QUYẾT ĐỊNH****Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn
đối với Bệnh viện đa khoa An Sinh****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ - CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013;

Xét Công văn số 3955/SYT-NVY ngày 20/8/2018; Biên bản họp Hội đồng kỹ thuật Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh thẩm định bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Bệnh viện đa khoa An Sinh ngày 01/8/2018;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh – Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép Bệnh viện đa khoa An Sinh (địa chỉ: 10 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh) thực hiện bổ sung 5444 kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT - BYT ngày 11/12/2013 và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.**Điều 2.** Bệnh viện đa khoa An Sinh phải thực hiện đúng quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.**Điều 4.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế; Giám đốc Bệnh viện đa khoa An Sinh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để báo cáo);
- SYT TP. Hồ Chí Minh (để thực hiện);
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Viết Tiến

**PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN SINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6132/QĐ-BYT ngày 19 tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật đối với
Bệnh viện đa khoa An Sinh)*

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. TUẦN HOÀN
1.	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
2.	11	Chăm sóc catheter động mạch
		B. HỒ HẤP
3.	88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù
4.	119	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên thành ở người bệnh thở máy
		D. THẬN KINH
5.	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ
6.	213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ
7.	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ
		D. TIÊU HÓA
8.	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
9.	223	Đặt ống thông hậu môn
10.	226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ
11.	227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ
12.	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
13.	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
14.	238	Đo áp lực ổ bụng
		E. TOÀN THÂN
15.	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
16.	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
17.	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu
18.	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
19.	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
20.	253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn

21.	255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ
22.	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch
23.	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch
24.	258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ
25.	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)
26.	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)
27.	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường
28.	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh
29.	264	Tắm cho người bệnh tại giường
30.	266	Xoa bóp phòng chống loét
31.	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
32.	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
33.	272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ
34.	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
35.	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
36.	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
37.	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
		G. XÉT NGHIỆM
38.	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
39.	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
40.	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm
41.	284	Định nhóm máu tại giường
42.	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường
43.	286	Đo các chất khí trong máu
44.	287	Đo lactat trong máu
45.	288	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần
46.	289	Định tính chất độc bằng sắc ký lớp mỏng – một lần
47.	290	Xét nghiệm cặn trong hơi thở
48.	295	Định lượng chất độc bằng phương pháp khác – một lần
49.	296	Phát hiện opiat bằng naloxone
50.	297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
51.	298	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
52.	299	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
53.	300	Định lượng nhanh myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
54.	301	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
55.	302	Xác định nhanh INR/PT/ Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay
		I. HỒ HẤP
56.	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy

57.	307	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc
58.	309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở
59.	310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
60.	311	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
K. TIM MẠCH		
61.	317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm
62.	320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm
63.	323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm
64.	325	Đo và theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm qua cổng đo áp lực trên máy theo dõi
L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU		
65.	333	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu
66.	334	Chăm sóc ống thông bàng quang
67.	335	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc
68.	336	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc
M. THẦN KINH		
69.	345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc
O. TIÊU HÓA		
70.	356	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp
71.	357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu
P. CHỐNG ĐỘC		
72.	363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu
73.	364	Điều trị thái độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu
74.	366	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi
75.	367	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc
76.	368	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất
77.	369	Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu
78.	380	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)
79.	382	Điều trị giảm nồng độ natri máu ở bệnh nhân bị rạn cấp nia cần

II. NỘI KHOA

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. HỒ HẤP

80.	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
81.	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
82.	7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
83.	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
84.	14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter
85.	25	Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi
86.	26	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục
87.	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
88.	32	Khí dung thuốc giãn phế quản
89.	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
90.	38	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi
91.	39	Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc/ hóa chất
92.	58	Nghiệm pháp hồi phục phế quản với thuốc giãn phế quản
93.	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút
94.	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
95.	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu
96.	64	Sinh thiết màng phổi mù
97.	67	Thay canuyn mở khí quản
B. TIM MẠCH		
98.	95	Holter điện tâm đồ
99.	96	Holter huyết áp
100.	97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
101.	109	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ
102.	111	Nghiệm pháp atropin
103.	112	Siêu âm Doppler mạch máu
104.	113	Siêu âm Doppler tim
105.	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
106.	121	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh
C. THẦN KINH		
107.	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
108.	129	Chọc dò dịch não tủy
109.	130	Điều trị đau rễ thần kinh thắt lưng - cùng bằng tiêm ngoài màng cứng
110.	131	Điều trị đau rễ thần kinh bằng phong bế đám rối
111.	140	Điều trị trạng thái động kinh
112.	145	Ghi điện não thường quy
113.	149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
114.	150	Hút đờm hầu họng
115.	156	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường
116.	157	Tắm cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
117.	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
118.	164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
119.	165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường
120.	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)

		D. THẬN TIẾT NIỆU	
121.	167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	
122.	168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận/lần	
123.	169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu	
124.	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	
125.	171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	
126.	172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	
127.	173	Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	
128.	177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	
129.	185	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cánh trong để lọc máu	
130.	186	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	
131.	187	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	
132.	188	Đặt sonde bàng quang	
133.	191	Đặt catheter tĩnh mạch cánh để lọc máu cấp cứu	
134.	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	
135.	196	Đo áp lực đồ bàng quang thủ công	
136.	201	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)	
137.	227	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	
138.	228	Rút sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận	
139.	229	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang	
140.	230	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang	
141.	231	Rút catheter đường hầm	
142.	232	Rửa bàng quang lấy máu cục	
143.	233	Rửa bàng quang	
		Đ. TIÊU HÓA	
144.	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	
145.	242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	
146.	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	
147.	244	Đặt ống thông dạ dày	
148.	247	Đặt ống thông hậu môn	
149.	249	Đo áp lực ổ bụng gián tiếp qua ống thông dẫn lưu bàng quang	
150.	256	Nội soi trực tràng ống mềm	
151.	257	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	
152.	258	Nội soi trực tràng ống cứng	
153.	273	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	
154.	292	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su	
155.	293	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	
156.	297	Nội soi hậu môn ống cứng	
157.	300	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dải tần hẹp (NBI)	
158.	305	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	
159.	308	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	
160.	309	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	
161.	310	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết	

162.	311	Nội soi trực tràng ống cứng có sinh thiết
163.	313	Rửa dạ dày cấp cứu
164.	314	Siêu âm ổ bụng
165.	315	Siêu âm DOPPLER mạch máu khối u gan
166.	316	Siêu âm DOPPLER mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng
167.	322	Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm
168.	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân
169.	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
170.	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
E. CƠ XƯƠNG KHỚP		
171.	340	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ
172.	341	Chọc hút tế bào xương bằng kim nhỏ
173.	342	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ
174.	343	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm
175.	344	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm
176.	345	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm
177.	346	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm
178.	347	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm
179.	350	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
180.	351	Hút dịch khớp háng
181.	352	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
182.	353	Hút dịch khớp khuỷu
183.	354	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm
184.	355	Hút dịch khớp cổ chân
185.	356	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
186.	357	Hút dịch khớp cổ tay
187.	358	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
188.	359	Hút dịch khớp vai
189.	360	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
190.	361	Hút nang bao hoạt dịch
191.	362	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm
192.	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
193.	364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm
194.	373	Siêu âm khớp (một vị trí)
195.	374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)
196.	375	Sinh thiết tuyến nước bọt
197.	377	Sinh thiết phần mềm bằng kim bắn dưới hướng dẫn của siêu âm
198.	378	Sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm
199.	380	Sinh thiết da bằng kim chuyên dụng (biopsy punch)
200.	381	Tiêm khớp gối
201.	382	Tiêm khớp háng
202.	383	Tiêm khớp cổ chân
203.	384	Tiêm khớp bàn ngón chân

204.	385	Tiêm khớp cổ tay
205.	386	Tiêm khớp bàn ngón tay
206.	387	Tiêm khớp đốt ngón tay
207.	388	Tiêm khớp khuỷu tay
208.	389	Tiêm khớp vai
209.	390	Tiêm khớp ức đòn
210.	391	Tiêm khớp ức - sườn
211.	392	Tiêm khớp đòn- cùng vai
212.	393	Tiêm khớp thái dương hàm
213.	394	Tiêm ngoài màng cứng
214.	395	Tiêm khớp cùng chậu
215.	396	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)
216.	397	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay
217.	398	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối
218.	399	Tiêm hội chứng DeQuervain
219.	400	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay
220.	401	Tiêm gân gấp ngón tay
221.	402	Tiêm gân nhị đầu khớp vai
222.	403	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)
223.	404	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai
224.	405	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)
225.	406	Tiêm gân gót
226.	407	Tiêm cân gan chân
227.	408	Tiêm cạnh cột sống cổ
228.	409	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng
229.	410	Tiêm cạnh cột sống ngực
230.	411	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
231.	412	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
232.	413	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
233.	414	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm
234.	415	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
235.	416	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
236.	417	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
237.	418	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm
238.	419	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
239.	420	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm
240.	421	Tiêm khớp ức - sườn dưới hướng dẫn của siêu âm
241.	422	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm
242.	423	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm
243.	424	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm
244.	425	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
245.	426	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
246.	427	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm

247.	428	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm
248.	429	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm
		H. TIM MẠCH
		K. THẬN TIẾT NIỆU
249.	480	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm chạy thận nhân tạo cấp cứu
250.	481	Rút catheter tĩnh mạch đùi chạy thận nhân tạo cấp cứu
251.	482	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm ở bệnh nhân sau ghép thận
252.	484	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê
253.	485	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng
254.	486	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê
255.	495	Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần)
256.	497	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu HA 130
257.	498	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu
258.	499	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)
		L. TIÊU HÓA
259.	503	Test thở C13 tìm Helicobacterpylori
		N. DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG
260.	585	Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với các dị nguyên hô hấp
261.	586	Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với các dị nguyên thức ăn
262.	587	Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với các dị nguyên sữa
263.	628	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu
264.	629	Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Stevens -Johnson
265.	631	Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Stevens -Johnson
266.	633	Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Stevens - Johnson
267.	637	Nuôi dưỡng người bệnh Stevens - Johnson qua đường miệng
268.	639	Nuôi dưỡng người bệnh Stevens - Johnson qua đường tĩnh mạch
269.	641	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều
270.	642	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều
271.	643	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Hen phế quản
272.	646	Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản
		O. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
273.	653	Chăm sóc da cho người bệnh dị ứng thuốc nặng

III. NHI KHOA (Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

		A. TUẦN HOÀN
274.	19	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ
275.	28	Đặt catheter tĩnh mạch
276.	29	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
277.	44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
278.	46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường
279.	47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
280.	49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
		B. HÔ HẤP
281.	69	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu
282.	76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.
283.	80	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp
284.	87	Theo dõi độ bão hòa oxy (SPO2) liên tục tại giường
285.	89	Khí dung thuốc cấp cứu
286.	91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần
287.	92	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín
288.	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
289.	108	Thở oxy gọng kính
290.	109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
291.	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi
292.	111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
293.	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
		Đ. TIÊU HÓA
294.	156	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu <i>(thực hiện trên bệnh nhi 10 tuổi trở lên)</i>
295.	158	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm <i>(thực hiện trên bệnh nhi 10 tuổi trở lên)</i>
296.	162	Nội soi trực tràng cấp cứu <i>(thực hiện trên bệnh nhi 10 tuổi trở lên)</i>
297.	167	Đặt ống thông dạ dày
298.	168	Rửa dạ dày cấp cứu
299.	171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
300.	175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày
301.	177	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày
302.	178	Đặt sonde hậu môn
303.	179	Thụt tháo phân
304.	180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
		E. TOÀN THÂN
305.	183	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy
306.	187	Kiểm soát đau trong cấp cứu
307.	188A	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh
308.	188B	Siêu âm màu tại giường

309.	189	Chụp X quang cấp cứu tại giường
310.	190	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm khí máu
311.	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
312.	192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng
313.	193	Truyền máu và các chế phẩm máu
314.	194	Tắm cho người bệnh tại giường
315.	196	Gội đầu cho người bệnh tại giường
316.	197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh
317.	198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt
318.	199	Xoa bóp phòng chống loét
319.	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
320.	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
321.	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
322.	204	Vận chuyển người bệnh an toàn
323.	206	Định nhóm máu tại giường
324.	207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê
G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH		
325.	213	Làm test nhanh chẩn đoán ngộ độc cấp
326.	214	Định tính chất độc trong nước tiểu bằng test nhanh
327.	215	Đo các chất khí trong máu
328.	216	Đo lactat trong máu
IX. MẮT		
329.	1602	Phẫu thuật lác thông thường
330.	1603	Phẫu thuật lác có chỉnh chi
331.	1604	Chỉnh chi sau phẫu thuật lác
332.	1621	Phẫu thuật mở rộng khe mi
333.	1622	Phẫu thuật hẹp khe mi
334.	1623	Phẫu thuật Epicanthus
335.	1654	Tập nhược thị
336.	1660	Khâu cò mi, tháo cò
337.	1661	Chích dẫn lưu túi lệ
338.	1663	Khâu da mi
339.	1664	Khâu phục hồi bờ mi
340.	1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
341.	1677	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)
342.	1680	Mỏ quặm bẩm sinh
343.	1682	Tiêm dưới kết mạc
344.	1683	Tiêm cạnh nhãn cầu
345.	1684	Tiêm hậu nhãn cầu
346.	1688	Khâu kết mạc
347.	1689	Lấy calci đông dưới kết mạc
348.	1690	Cắt chỉ khâu kết mạc
349.	1691	Đốt lông xiêu
350.	1692	Bơm rửa lệ đạo

351.	1693	Chích chập, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc
352.	1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
353.	1695	Rửa cùng đồ
354.	1696	Bóc sợi (Viêm giác mạc sợi)
355.	1697	Bóc giả mạc
356.	1698	Rạch áp xe mi
357.	1699	Soi đáy mắt trực tiếp
358.	1700	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
359.	1701	Soi đáy mắt bằng Schepens
360.	1702	Soi góc tiền phòng
361.	1703	Cắt chỉ khâu da
362.	1705	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
363.	1706	Lấy dị vật kết mạc
364.	1707	Khám mắt
		X. RĂNG - HÀM - MẶT
		A. Răng
365.	1726	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.
366.	1727	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
367.	1728	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
368.	1729	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
369.	1731	Phẫu thuật nội nha - chia cắt chân răng
370.	1770	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
371.	1800	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
372.	1801	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
373.	1802	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
374.	1803	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân và chia tách chân
375.	1804	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng
376.	1805	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc
377.	1806	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
378.	1807	Phẫu thuật cắt cuống răng
379.	1808	Cấy chuyển răng
380.	1809	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
381.	1813	Cắt lợi xơ cho răng mọc
382.	1814	Cắt lợi di động để làm hàm giả
383.	1815	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
384.	1816	Phẫu thuật cắt phanh môi
385.	1817	Phẫu thuật cắt phanh má
386.	1818	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng
387.	1819	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
388.	1820	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới

389.	1821	Phẫu thuật nạo túi quanh răng
390.	1822	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi
391.	1823	Phẫu thuật ghép vạt niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính
392.	1824	Phẫu thuật ghép tổ chức liên kết dưới biểu mô làm tăng chiều cao lợi dính
393.	1826	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
394.	1827	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng
395.	1828	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đông khô
396.	1830	Phẫu thuật điều chỉnh xương ổ răng
397.	1831	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt dầy sang bên
398.	1833	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
399.	1835	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser
400.	1836	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
401.	1837	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer
402.	1838	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser
403.	1839	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
404.	1840	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
405.	1844	Veneer Composite trực tiếp
406.	1846	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
407.	1847	Lấy tủy buồng Răng vĩnh viễn
408.	1849	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trầm xoay cầm tay
409.	1850	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trầm xoay máy
410.	1851	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
411.	1853	Điều trị tủy lại
412.	1854	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy
413.	1855	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma
414.	1856	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Laser
415.	1857	Tẩy trắng răng nội tủy
416.	1858	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
417.	1859	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay
418.	1860	Chụp Composite
419.	1864	Cầu nhựa
420.	1865	Cầu thép
421.	1874	Chụp Composite
422.	1877	Chụp sứ - Composite
423.	1892	Đệm hàm giả nhựa dẻo
424.	1895	Tháo chụp răng giả

425.	1898	Máng nâng khớp cắn
426.	1899	Gắn band
427.	1903	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
428.	1910	Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ tháo lắp
429.	1911	Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ tháo lắp
430.	1912	Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ tháo lắp
431.	1913	Điều trị thói quen xấu thở miệng sử dụng khí cụ tháo lắp
432.	1917	Nhổ răng vĩnh viễn
433.	1922	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)
434.	1923	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
435.	1924	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
436.	1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng
437.	1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
438.	1928	Điều trị viêm quanh răng
439.	1936	Tháo chụp răng giả
440.	1943	Lấy tủy buồng răng sữa
441.	1945	Điều trị đóng cuống răng bằng Ca(OH) ₂
442.	1946	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
443.	1947	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
444.	1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam
445.	1952	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite
446.	1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
447.	1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng
448.	1963	Sửa hàm giả gãy
449.	1964	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
450.	1965	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
451.	1966	Đệm hàm giả nhựa thường
452.	1967	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
453.	1970	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenat
454.	1971	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam
455.	1972	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)
456.	1973	Chụp nhựa
457.	1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)
		B. Hàm - mặt
458.	2038	Điều trị u lợi bằng Laser
459.	2069	Nắn sai khớp thái dương hàm
460.	2070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt
461.	2071	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
462.	2074	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
463.	2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
464.	2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
		XI. TAI MŨI HỌNG
		B. Mũi xoang
465.	2148	Nắn sống mũi sau chấn thương

466.	2149	Nhét bắc mũi sau
467.	2150	Nhét bắc mũi trước
468.	2151	Đốt cuốn mũi
469.	2153	Chọc rửa xoang hàm
470.	2154	Làm Proetz
471.	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)
		C. Họng - Thanh quản
472.	2190	Lấy dị vật họng miệng
		D. Cổ - Mặt
473.	2240	Phẫu thuật nạo VA gây mê
474.	2243	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ
		XIII. NỘI KHOA
		A. Thận kinh
475.	2265	Phong bế ngoài màng cứng
		G. Truyền nhiễm
476.	2385	Lấy bệnh phẩm họng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng
477.	2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng

V. DA LIỄU

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. NỘI KHOA
478.	1	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng
479.	3	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm
		B. NGOẠI KHOA
		1. Thủ thuật
480.	5	Điều trị hạt cơm bằng Laser CO ₂
481.	7	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO ₂
482.	8	Điều trị dày sừng da đầu bằng Laser CO ₂
483.	9	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Laser CO ₂
484.	10	Điều trị sần cục bằng Laser CO ₂
485.	23	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da
486.	24	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn
487.	33	Điều trị giãn mạch máu bằng IPL
488.	35	Điều trị chứng rậm lông bằng IPL
489.	36	Điều trị sẹo lồi bằng IPL
490.	39	Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA toàn thân
491.	40	Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA tại chỗ
492.	41	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB toàn thân
493.	42	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB tại chỗ

494.	43	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)
495.	44	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện
496.	45	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện
497.	46	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện
498.	47	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện
499.	48	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện
500.	49	Điều trị sản cục bằng đốt điện
501.	50	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện
502.	51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn
C. ỨNG DỤNG SẢN PHẨM TỬ CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC		
503.	83	Điều trị bệnh trứng cá bằng máy Acthyderm
504.	84	Điều trị lão hóa da bằng máy Acthyderm
505.	85	Điều trị nếp nhăn da bằng máy Acthyderm
506.	86	Điều trị râm má bằng máy Acthyderm
507.	87	Điều trị tàn nhang bằng máy Acthyderm
508.	88	Điều trị viêm da cơ địa bằng máy Acthyderm

VI. TÂM THẦN

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY		
509.	73	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu
510.	74	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu

VII. NỘI TIẾT

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
1. Kỹ thuật chung		
511.	1	Phẫu thuật tuyến nội tiết có sinh thiết tức thì
3. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết bằng dao Ligasure		
512.	70	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
513.	72	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
514.	76	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao ligasure
515.	81	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
5. Phẫu thuật nội soi (PTNS) các tuyến nội tiết bằng dao siêu âm		

516.	132	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
517.	133	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
518.	134	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
519.	135	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm
520.	138	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao siêu âm
521.	139	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao siêu âm
522.	143	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm
523.	154	PTNS cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao siêu âm
524.	155	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm
525.	156	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao siêu âm
526.	158	PTNS cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao siêu âm
		6. Phẫu thuật nội soi các tuyến nội tiết bằng dao Ligasure
527.	160	PTNS cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao ligasure
528.	161	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
529.	162	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
530.	163	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
531.	164	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure
532.	167	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao ligasure
533.	168	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao ligasure
534.	169	PTNS cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao ligasure
535.	170	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow bằng dao ligasure
536.	171	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao ligasure
537.	172	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
538.	173	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
539.	174	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
540.	175	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure

541.	176	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure
542.	177	PTNS nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao ligasure
543.	178	Cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ bằng dao ligasure
544.	179	Cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ bằng dao ligasure
545.	180	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ bằng dao ligasure
546.	181	PTNS cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao ligasure
547.	182	PTNS cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính bằng dao ligasure
548.	183	PTNS cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao ligasure
549.	184	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao ligasure
550.	185	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao ligasure
551.	186	PTNS cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao ligasure
552.	187	PTNS cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao ligasure
553.	188	PTNS đốt hạch giao cảm vùng ngực bằng dao ligasure
7. Phẫu thuật nội soi các tuyến nội tiết bằng dao lưỡng cực		
554.	210	PTNS cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao lưỡng cực
555.	211	PTNS cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính bằng dao lưỡng cực
556.	212	PTNS cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao lưỡng cực
557.	213	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao lưỡng cực
558.	214	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao lưỡng cực
559.	216	PTNS cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao lưỡng cực
8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường		
560.	234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
561.	238	Điều trị vết loét bằng máy hút áp lực âm (giảm áp vết loét) trên người bệnh đái tháo đường
562.	239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
563.	240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân
564.	241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	STT TT43 & TT	DANH MỤC KỸ THUẬT
-----	---------------	-------------------

	21	
		A. CÁC KỸ THUẬT
565.	4	Cải máy thở bằng chế độ thở thông thường
566.	11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong
567.	12	Chăm sóc catheter động mạch
568.	13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
569.	15	Chọc tĩnh mạch cánh ngoài
570.	17	Chọc tĩnh mạch đùi
571.	19	Chọc tủy sống đường bên
572.	20	Chọc tủy sống đường giữa
573.	21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật
574.	22	Chụp X-quang cấp cứu tại giường
575.	28	Đặt catheter tĩnh mạch cánh ngoài
576.	44	Đặt nội khí quản qua mũi
577.	59	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic
578.	60	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương
579.	63	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill
580.	85	Kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng phẫu thuật lấy thai
581.	86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay
582.	87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay
583.	88	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to
584.	89	Kỹ thuật gây tê thần kinh
585.	94	Kỹ thuật gây tê tủy sống phẫu thuật lấy thai
586.	95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân
587.	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
588.	98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quầng dưới da
589.	99	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch
590.	100	Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA
591.	110	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp
592.	117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hayambu trong và sau mê
593.	127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
594.	133	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc
595.	135	Mê tĩnh mạch theo TCI
596.	141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
597.	142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
598.	143	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng
599.	146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)
600.	147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
601.	148	Rửa tay phẫu thuật
602.	149	Rửa tay sát khuẩn
603.	150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu
604.	152	Thăm khám phúc mạc
605.	156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm

606.	166	Theo dõi Hb tại chỗ
607.	167	Theo dõi Hct tại chỗ
608.	171	Theo dõi khí máu tại chỗ
609.	173	Theo dõi SpO ₂
610.	175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy
611.	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
612.	183	Thở oxy gọng kính
613.	184	Thở oxy qua mặt nạ
614.	185	Thở oxy qua mũ kín
615.	186	Thở oxy qua ống chữ T
616.	194	Tiết trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
617.	195	Truyền dịch thường qui
618.	197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui
619.	202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức
620.	204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh
		B. GÂY MÊ
621.	209	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ
622.	227	Gây mê nội soi buồng tử cung can thiệp
623.	228	Gây mê nội soi buồng tử cung chẩn đoán
624.	229	Gây mê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung
625.	230	Gây mê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung
626.	231	Gây mê nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
627.	232	Gây mê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản
628.	233	Gây mê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản
629.	234	Gây mê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
630.	235	Gây mê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
631.	236	Gây mê nội soi nối vòi tử cung
632.	237	Gây mê nội soi nong hẹp thực quản
633.	238	Gây mê nội soi nong niệu quản hẹp
634.	239	Gây mê nội soi ổ bụng chẩn đoán
635.	240	Gây mê nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)
636.	242	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản
637.	243	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
638.	244	Gây mê nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ
639.	245	Gây mê nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận
640.	246	Gây mê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
641.	247	Gây mê nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản
642.	248	Gây mê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi
643.	249	Gây mê phẫu thuật áp xe dưới màng tụy
644.	250	Gây mê phẫu thuật áp xe gan
645.	253	Gây mê phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng
646.	261	Gây mê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lồi

647.	262	Gây mê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài
648.	263	Gây mê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh
649.	264	Gây mê phẫu thuật bàn chân thường
650.	265	Gây mê phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo Duhamel
651.	266	Gây mê phẫu thuật bảo tồn
652.	267	Gây mê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi
653.	269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ
654.	270	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối
655.	271	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa
656.	274	Gây mê phẫu thuật bóc bao áp xe não
657.	277	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung
658.	278	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ vú
659.	281	Gây mê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối
660.	290	Gây mê phẫu thuật bướu tinh hoàn
661.	291	Gây mê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới
662.	292	Gây mê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp
663.	293	Gây mê phẫu thuật cầm niệu quản vào bàng quang
664.	295	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
665.	296	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông
666.	297	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ
667.	298	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông
668.	299	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ
669.	300	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp không lỗ
670.	301	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
671.	302	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
672.	303	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
673.	305	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp không lỗ
674.	306	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân
675.	307	Gây mê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên
676.	308	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ + vét hạch trên bệnh nhân K âm hộ
677.	309	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần
678.	310	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vét hạch bên hai bên
679.	311	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn

680.	313	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
681.	314	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân
682.	315	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
683.	316	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân
684.	317	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hạch vùng đầu mặt cổ
685.	319	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang
686.	320	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
687.	322	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài
688.	325	Gây mê phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mổ D2 tá tràng
689.	326	Gây mê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên
690.	327	Gây mê phẫu thuật cắt bướu thông hỗ trợ qua nội soi
691.	328	Gây mê phẫu thuật cắt các khối u ở phổi
692.	329	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
693.	330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
694.	331	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
695.	332	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
696.	333	Gây mê phẫu thuật cắt chắp có bọc
697.	334	Gây mê phẫu thuật cắt chậu sản miệng, tạo hình
698.	335	Gây mê phẫu thuật cắt chậu sản miệng, tạo hình, vét hạch cổ
699.	336	Gây mê phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư
700.	337	Gây mê phẫu thuật cắt chôm nang gan
701.	338	Gây mê phẫu thuật cắt cổ bàng quang
702.	341	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo
703.	342	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo
704.	343	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng
705.	346	Gây mê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
706.	347	Gây mê phẫu thuật cắt cụt chi
707.	348	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
708.	349	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực
709.	350	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm

710.	351	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt
711.	352	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương
712.	353	Gây mê phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo
713.	354	Gây mê phẫu thuật cắt đoạn chi
714.	355	Gây mê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tủy
715.	356	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ
716.	357	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới
717.	358	Gây mê phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận
718.	359	Gây mê phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ
719.	361	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
720.	362	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
721.	363	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
722.	364	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn
723.	365	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
724.	366	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn
725.	367	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
726.	368	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn
727.	369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm
728.	370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt
729.	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm
730.	372	Gây mê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái
731.	373	Gây mê phẫu thuật cắt lách bán phần
732.	374	Gây mê phẫu thuật cắt lách bệnh lý
733.	375	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương
734.	376	Gây mê phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe
735.	377	Gây mê phẫu thuật cắt lại dạ dày
736.	378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể
737.	379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
738.	380	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể
739.	381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay
740.	384	Gây mê phẫu thuật cắt lồi xương
741.	385	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn
742.	386	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc
743.	387	Gây mê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng
744.	388	Gây mê phẫu thuật cắt màng tim rộng

745.	390	Gây mê phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
746.	391	Gây mê phẫu thuật cắt mào tinh
747.	392	Gây mê phẫu thuật cắt môm thừa trực tràng
748.	393	Gây mê phẫu thuật cắt móng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
749.	394	Gây mê phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư
750.	395	Gây mê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang
751.	396	Gây mê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
752.	397	Gây mê phẫu thuật cắt một phần bàn sống trong hẹp ống sống cổ
753.	398	Gây mê phẫu thuật cắt một phần tụy
754.	399	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
755.	400	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang
756.	401	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
757.	402	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới
758.	403	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên
759.	404	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ
760.	405	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hồng tràng
761.	406	Gây mê phẫu thuật cắt nang tụy
762.	407	Gây mê phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái
763.	408	Gây mê phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
764.	409	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non
765.	410	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thùy
766.	411	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau
767.	412	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước
768.	413	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu quản
769.	415	Gây mê phẫu thuật cắt novi sắc tố vùng hàm mặt
770.	416	Gây mê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột
771.	417	Gây mê phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vét hạch
772.	420	Gây mê phẫu thuật cắt phần thùy gan
773.	421	Gây mê phẫu thuật cắt phần thùy gan, thùy gan
774.	422	Gây mê phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương
775.	423	Gây mê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung
776.	424	Gây mê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau
777.	425	Gây mê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên lâm hậu môn nhân tạo
778.	426	Gây mê phẫu thuật cắt polyp mũi
779.	427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú
780.	428	Gây mê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo
781.	429	Gây mê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm
782.	430	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần

783.	431	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi
784.	432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe
785.	433	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
786.	434	Gây mê phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cát đại tràng
787.	435	Gây mê phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy
788.	436	Gây mê phẫu thuật cắt thận
789.	437	Gây mê phẫu thuật cắt thận bán phần
790.	438	Gây mê phẫu thuật cắt thận đơn thuần
791.	439	Gây mê phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách
792.	440	Gây mê phẫu thuật cắt thận kinh X chọn lọc
793.	441	Gây mê phẫu thuật cắt thận kinh X siêu chọn lọc
794.	442	Gây mê phẫu thuật cắt thận kinh X toàn bộ
795.	443	Gây mê phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi
796.	444	Gây mê phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ
797.	445	Gây mê phẫu thuật cắt thân và đuôi tụy
798.	448	Gây mê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
799.	450	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần
800.	451	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình thực quản
801.	453	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, hạ họng, thanh quản
802.	454	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực
803.	455	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ
804.	456	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực
805.	457	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ
806.	458	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực
807.	460	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng vị phẫu)
808.	461	Gây mê phẫu thuật cắt thủy gan trái
809.	462	Gây mê phẫu thuật cắt thủy gan trái, phải do ung thư
810.	463	Gây mê phẫu thuật cắt thủy hoặc phần thủy phổi do ung thư
811.	464	Gây mê phẫu thuật cắt thủy phổi, phần phổi còn lại
812.	465	Gây mê phẫu thuật cắt thủy tuyến giáp
813.	466	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
814.	467	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn
815.	468	Gây mê phẫu thuật cắt tinh mạc

816.	469	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey
817.	470	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.
818.	471	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cấm niệu quản vào ruột
819.	472	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày
820.	473	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng
821.	474	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng
822.	475	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
823.	476	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
824.	478	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng
825.	479	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non
826.	480	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản
827.	482	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
828.	483	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
829.	485	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
830.	486	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
831.	487	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
832.	488	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ
833.	489	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông
834.	490	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
835.	491	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
836.	493	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
837.	494	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn
838.	495	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản
839.	496	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ
840.	497	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng
841.	498	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung
842.	499	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng
843.	500	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung
844.	501	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung
845.	502	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung
846.	503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung
847.	504	Gây mê phẫu thuật cắt tử lệ

848.	505	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật
849.	506	Gây mê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản
850.	507	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng
851.	508	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel
852.	509	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo
853.	510	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng
854.	511	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ
855.	512	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản ngực
856.	513	Gây mê phẫu thuật cắt tụy trung tâm
857.	514	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
858.	515	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính
859.	516	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
860.	517	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận I bên
861.	522	Gây mê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên
862.	523	Gây mê phẫu thuật cắt u biểu bì
863.	524	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng
864.	525	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính
865.	526	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu
866.	527	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai
867.	528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
868.	529	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vật da, hay ghép da
869.	530	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi không ghép
870.	532	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi
871.	533	Gây mê phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII
872.	534	Gây mê phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII
873.	539	Gây mê phẫu thuật cắt u hốc mũi
874.	540	Gây mê phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser
875.	543	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vò
876.	544	Gây mê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
877.	545	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)
878.	546	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm
879.	547	Gây mê phẫu thuật cắt u lợi hàm
880.	548	Gây mê phẫu thuật cắt u lưỡi
881.	549	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc nối lớn
882.	550	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột
883.	553	Gây mê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm
884.	554	Gây mê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm
885.	555	Gây mê phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền
886.	560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm

887.	561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
888.	562	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch
889.	563	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn
890.	564	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng
891.	565	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi
892.	566	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp trạng
893.	568	Gây mê phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu
894.	569	Gây mê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser
895.	570	Gây mê phẫu thuật cắt u niêm mạc má
896.	571	Gây mê phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hồng tràng
897.	572	Gây mê phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
898.	573	Gây mê phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi
899.	574	Gây mê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt
900.	575	Gây mê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vết hạch
901.	576	Gây mê phẫu thuật cắt u sau phúc mạc
902.	577	Gây mê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo
903.	578	Gây mê phẫu thuật cắt u tá tràng
904.	580	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt
905.	581	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh
906.	582	Gây mê phẫu thuật cắt u thành âm đạo
907.	583	Gây mê phẫu thuật cắt u thành ngực
908.	586	Gây mê phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cầm máu trong tiểu khung
909.	587	Gây mê phẫu thuật cắt u trực tràng lâm hậu môn nhân tạo
910.	588	Gây mê phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn
911.	591	Gây mê phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin
912.	592	Gây mê phẫu thuật cắt u tụy
913.	593	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm
914.	594	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai
915.	595	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận
916.	596	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên
917.	597	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên
918.	599	Gây mê phẫu thuật cắt u vú lành tính
919.	600	Gây mê phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới
920.	601	Gây mê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng
921.	602	Gây mê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm
922.	603	Gây mê phẫu thuật cắt u xương lành
923.	604	Gây mê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
924.	605	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vết hạch bên 2 bên
925.	606	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát
926.	607	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.
927.	608	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang

928.	609	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.
929.	611	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mí mắt dưới và tạo hình
930.	612	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mí mắt trên và tạo hình
931.	618	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
932.	619	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm
933.	620	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư thận
934.	621	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.
935.	622	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ
936.	623	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu
937.	624	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư túi mật
938.	626	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm đa tạo hình ngay
939.	630	Gây mê phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú
940.	631	Gây mê phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình
941.	632	Gây mê phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn
942.	636	Gây mê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ
943.	637	Gây mê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng
944.	638	Gây mê phẫu thuật chích áp xe gan
945.	639	Gây mê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
946.	640	Gây mê phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống
947.	641	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật
948.	642	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật
949.	644	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm
950.	645	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên
951.	646	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên
952.	647	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên
953.	648	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên
954.	649	Gây mê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật
955.	651	Gây mê phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
956.	653	Gây mê phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ
957.	654	Gây mê phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang
958.	656	Gây mê phẫu thuật chuyển vật đa cân có cuống mạch nuôi
959.	658	Gây mê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy
960.	659	Gây mê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn
961.	661	Gây mê phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vít gãy thân xương cánh tay
962.	662	Gây mê phẫu thuật cố định mảng sườn di động
963.	664	Gây mê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
964.	665	Gây mê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng
965.	668	Gây mê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta
966.	669	Gây mê phẫu thuật đa chấn thương

967.	671	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng
968.	672	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu 2 thận
969.	673	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu
970.	674	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan
971.	676	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên
972.	677	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu thận
973.	678	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu túi mật
974.	679	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu viêm mù khớp, không sai khớp
975.	681	Gây mê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
976.	682	Gây mê phẫu thuật đặt khung định vị u não
977.	686	Gây mê phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi
978.	687	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ bụng
979.	694	Gây mê phẫu thuật dị dạng đường sinh dục
980.	695	Gây mê phẫu thuật dị dạng tử cung
981.	701	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
982.	702	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh lý mù màng phổi
983.	704	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle
984.	705	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới
985.	707	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm
986.	709	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương gò má
987.	710	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới
988.	711	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên
989.	714	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
990.	722	Gây mê phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại
991.	726	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
992.	727	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
993.	728	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
994.	731	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên
995.	732	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên
996.	734	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ
997.	744	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng
998.	745	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn
999.	748	Gây mê phẫu thuật điều trị són tiểu
1000.	749	Gây mê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính
1001.	750	Gây mê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật
1002.	753	Gây mê phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh
1003.	757	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
1004.	758	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
1005.	759	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
1006.	760	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein

1007.	761	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
1008.	762	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
1009.	763	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
1010.	764	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
1011.	765	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)
1012.	766	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành
1013.	767	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản
1014.	768	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
1015.	769	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng
1016.	773	Gây mê phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo
1017.	774	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn bằng quang
1018.	775	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn ruột
1019.	776	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
1020.	777	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
1021.	778	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
1022.	782	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân
1023.	783	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vật có sử dụng vì phẫu thuật
1024.	784	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống
1025.	785	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận
1026.	786	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ
1027.	787	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng
1028.	788	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
1029.	789	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu
1030.	792	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương tim
1031.	794	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
1032.	797	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát
1033.	799	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng
1034.	801	Gây mê phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương
1035.	803	Gây mê phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh
1036.	804	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
1037.	805	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
1038.	806	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
1039.	809	Gây mê phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân
1040.	810	Gây mê phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dẫn tĩnh mạch chân
1041.	811	Gây mê phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo
1042.	812	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)

1043.	813	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp khác
1044.	814	Gây mê phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên
1045.	815	Gây mê phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, băng đường vào phía sau
1046.	816	Gây mê phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang
1047.	817	Gây mê phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo
1048.	819	Gây mê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo
1049.	828	Gây mê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo
1050.	830	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da
1051.	835	Gây mê phẫu thuật đục chồi xương
1052.	836	Gây mê phẫu thuật đục xương sửa trục
1053.	837	Gây mê phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè
1054.	838	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần
1055.	839	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp
1056.	840	Gây mê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
1057.	842	Gây mê phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
1058.	843	Gây mê phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
1059.	844	Gây mê phẫu thuật gan- mật
1060.	845	Gây mê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mí trên điều trị sụp mí
1061.	846	Gây mê phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não
1062.	847	Gây mê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
1063.	848	Gây mê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
1064.	850	Gây mê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
1065.	851	Gây mê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
1066.	856	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay
1067.	859	Gây mê phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật
1068.	876	Gây mê phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)
1069.	878	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)
1070.	887	Gây mê phẫu thuật hạ lại tinh hoàn
1071.	889	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên
1072.	890	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên
1073.	891	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên
1074.	892	Gây mê phẫu thuật hạch ngoại biên
1075.	895	Gây mê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay
1076.	896	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ áp có kết hợp xương
1077.	897	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ gấp không kết hợp xương

1078.	899	Gây mê phẫu thuật khâu da thi II
1079.	900	Gây mê phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành
1080.	901	Gây mê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi
1081.	902	Gây mê phẫu thuật khe thoát vị rốn, hố thành bụng
1082.	903	Gây mê phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mũ dưới màng cứng
1083.	904	Gây mê phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương
1084.	905	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương (KHX) chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
1085.	907	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
1086.	908	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
1087.	909	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế
1088.	910	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế
1089.	911	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chì thép
1090.	912	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim
1091.	913	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu
1092.	914	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chì thép
1093.	915	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
1094.	916	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
1095.	917	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chì thép
1096.	918	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim
1097.	919	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu
1098.	920	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép
1099.	921	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
1100.	922	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
1101.	923	Gây mê phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay
1102.	924	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
1103.	925	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày
1104.	926	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối
1105.	927	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
1106.	928	Gây mê phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay
1107.	929	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ chân

1108.	930	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
1109.	931	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
1110.	932	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
1111.	933	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy đai quay (Gãy cổ xương quay)
1112.	934	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy đai quay phức tạp
1113.	935	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy đai quay
1114.	936	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
1115.	937	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
1116.	938	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ độ II thân xương cánh tay
1117.	939	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ độ II trên và liên lõi cầu xương đùi
1118.	940	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ độ III hai xương cẳng chân
1119.	941	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ độ III thân xương cánh tay
1120.	942	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ độ III trên và liên lõi cầu xương đùi
1121.	943	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ I thân hai xương cẳng tay
1122.	944	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ II thân hai xương cẳng tay
1123.	945	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ III thân hai xương cẳng tay
1124.	946	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy hờ liên lõi cầu xương cánh tay
1125.	947	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi
1126.	948	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu
1127.	949	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy liên lõi cầu xương cánh tay
1128.	950	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy liên máu chuyển xương đùi
1129.	951	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy lõi cầu ngoài xương cánh tay
1130.	952	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy lõi cầu ngoài xương đùi
1131.	953	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy lõi cầu trong xương đùi
1132.	954	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy lõi cầu xương bàn và ngón tay
1133.	955	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy lõi cầu xương khớp ngón tay
1134.	956	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
1135.	957	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
1136.	958	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
1137.	959	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
1138.	960	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài
1139.	961	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong
1140.	962	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy móm khuỷu phức tạp
1141.	963	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy móm khuỷu
1142.	964	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy Monteggia
1143.	965	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
1144.	966	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
1145.	967	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
1146.	968	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần
1147.	969	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
1148.	970	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy phức tạp chòm xương đùi – trật hàng
1149.	971	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu
1150.	972	Gãy mê phẫu thuật KHX gãy Pilon

1151.	973	Gây mê phẫu thuật KHX gây rong rọc xương cánh tay
1152.	974	Gây mê phẫu thuật KHX gây sụn tăng trưởng ở đầu xương
1153.	975	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân
1154.	976	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng tay
1155.	977	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân đốt bàn và ngón tay
1156.	978	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cẳng chân
1157.	979	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay
1158.	980	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
1159.	981	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay phức tạp
1160.	982	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương chày
1161.	983	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương đùi phức tạp
1162.	984	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương đùi
1163.	985	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương cánh tay
1164.	986	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương đùi
1165.	987	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân
1166.	988	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ chân ở trẻ em
1167.	989	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay
1168.	990	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật xương gót
1169.	991	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật xương sên
1170.	992	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
1171.	993	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương cánh tay
1172.	994	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương đùi
1173.	995	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên và liên lõi cầu xương đùi
1174.	996	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bả vai
1175.	997	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bánh chè phức tạp
1176.	998	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bệnh lý
1177.	999	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đòn
1178.	1000	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn ngón tay
1179.	1001	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn và đốt ngón chân
1180.	1002	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương gót
1181.	1003	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương mác đơn thuần
1182.	1004	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
1183.	1005	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương sên và trật khớp
1184.	1006	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
1185.	1007	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn
1186.	1008	Gây mê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
1187.	1009	Gây mê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
1188.	1010	Gây mê phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)
1189.	1011	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân
1190.	1012	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
1191.	1013	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn

1192.	1014	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp đùi sên
1193.	1015	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
1194.	1016	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
1195.	1017	Gây mê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đỉnh xương, nếp vít, ốc, khóa)
1196.	1019	Gây mê phẫu thuật lác người lớn
1197.	1021	Gây mê phẫu thuật lác thông thường
1198.	1023	Gây mê phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo
1199.	1024	Gây mê phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh
1200.	1025	Gây mê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật
1201.	1026	Gây mê phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.
1202.	1027	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em
1203.	1028	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo
1204.	1031	Gây mê phẫu thuật làm thẳng dương vật
1205.	1034	Gây mê phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)
1206.	1037	Gây mê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
1207.	1039	Gây mê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
1208.	1041	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ chóm quay
1209.	1043	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ lõi cầu xương hàm dưới gãy
1210.	1051	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi
1211.	1052	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng
1212.	1057	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trực tràng
1213.	1059	Gây mê phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)
1214.	1061	Gây mê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non
1215.	1062	Gây mê phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên
1216.	1065	Gây mê phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ
1217.	1066	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ bao gan
1218.	1068	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
1219.	1072	Gây mê phẫu thuật lấy mỡ mí mắt trên, dưới và tạo hình 2 mí
1220.	1073	Gây mê phẫu thuật lấy nhân ở tuyến (đi căn tuyến, u tuyến)
1221.	1074	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
1222.	1075	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang
1223.	1076	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang
1224.	1077	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng
1225.	1078	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang
1226.	1079	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
1227.	1080	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận
1228.	1081	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo
1229.	1082	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang

1230.	1083	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần
1231.	1084	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
1232.	1085	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
1233.	1086	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật
1234.	1087	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng
1235.	1088	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm
1236.	1090	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận
1237.	1091	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận da nang
1238.	1092	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận
1239.	1093	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng
1240.	1094	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hồng tràng
1241.	1102	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)
1242.	1103	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu
1243.	1104	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
1244.	1105	Gây mê phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu
1245.	1106	Gây mê phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy
1246.	1107	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
1247.	1108	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
1248.	1109	Gây mê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
1249.	1112	Gây mê phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)
1250.	1113	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo rửa điều trị viêm xương hàm
1251.	1114	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
1252.	1115	Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao
1253.	1116	Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi
1254.	1117	Gây mê phẫu thuật loại 3
1255.	1118	Gây mê phẫu thuật loạn sản tổ chức tiền thiên không lồ (u quái không lồ)
1256.	1119	Gây mê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột
1257.	1123	Gây mê phẫu thuật miless
1258.	1127	Gây mê phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bào tồn từ cung
1259.	1128	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò
1260.	1129	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
1261.	1130	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết
1262.	1131	Gây mê phẫu thuật mở cơ môn vị
1263.	1132	Gây mê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong
1264.	1134	Gây mê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương
1265.	1135	Gây mê phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ
1266.	1136	Gây mê phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
1267.	1138	Gây mê phẫu thuật mở hồng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thăm sát chẩn đoán

1268.	1140	Gây mê phẫu thuật mở màng phổi tối đa
1269.	1141	Gây mê phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
1270.	1145	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
1271.	1146	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
1272.	1147	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
1273.	1151	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo
1274.	1152	Gây mê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)
1275.	1153	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày
1276.	1154	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần
1277.	1155	Gây mê phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Gây mê phẫu thuật mở thông hồi tràng
1278.	1156	Gây mê phẫu thuật mở thông túi mật
1279.	1157	Gây mê phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
1280.	1160	Gây mê phẫu thuật mổ đơn thuần
1281.	1161	Gây mê phẫu thuật mức nội nhãn
1282.	1162	Gây mê phẫu thuật nâng sản hốc mắt
1283.	1163	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch cổ
1284.	1169	Gây mê phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt
1285.	1171	Gây mê phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y
1286.	1172	Gây mê phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày
1287.	1174	Gây mê phẫu thuật nối mật ruột bên - bên
1288.	1175	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày
1289.	1176	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với hồng tràng
1290.	1177	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng
1291.	1178	Gây mê phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng
1292.	1179	Gây mê phẫu thuật nối niệu quản - đài thận
1293.	1180	Gây mê phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản
1294.	1183	Gây mê phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
1295.	1185	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung
1296.	1186	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
1297.	1187	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
1298.	1188	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn
1299.	1189	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản
1300.	1190	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang
1301.	1191	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật
1302.	1193	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi
1303.	1194	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy phổi

1304.	1195	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp + eo giáp
1305.	1196	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
1306.	1197	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
1307.	1198	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp
1308.	1199	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
1309.	1200	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
1310.	1201	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
1311.	1202	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp
1312.	1203	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
1313.	1204	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
1314.	1205	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp
1315.	1206	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1
1316.	1207	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1α
1317.	1208	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1β
1318.	1209	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2
1319.	1210	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3
1320.	1211	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương
1321.	1212	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán sống giải ép trong hẹp ống sống lưng
1322.	1213	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
1323.	1214	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên
1324.	1215	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ
1325.	1216	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi
1326.	1217	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chòm nang gan
1327.	1218	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chòm nang thận sau phúc mạc
1328.	1223	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị
1329.	1224	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản
1330.	1225	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình
1331.	1227	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông
1332.	1228	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang
1333.	1229	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng
1334.	1230	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải
1335.	1231	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái
1336.	1233	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng
1337.	1234	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nối tay
1338.	1235	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
1339.	1236	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng
1340.	1237	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non
1341.	1238	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng
1342.	1239	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm cổ (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)

1343.	1240	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
1344.	1241	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thất lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)
1345.	1242	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa
1346.	1243	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I
1347.	1244	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II
1348.	1245	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III
1349.	1246	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV
1350.	1247	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA
1351.	1248	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB
1352.	1249	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V
1353.	1250	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V
1354.	1251	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI
1355.	1252	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII
1356.	1253	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII
1357.	1254	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII
1358.	1255	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII
1359.	1256	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI
1360.	1257	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình
1361.	1258	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phải
1362.	1259	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau
1363.	1260	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước
1364.	1261	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải
1365.	1262	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái
1366.	1263	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.
1367.	1264	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan trái
1368.	1267	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU
1369.	1268	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm
1370.	1269	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)
1371.	1271	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)
1372.	1272	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi
1373.	1273	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy
1374.	1274	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần
1375.	1275	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ
1376.	1276	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách
1377.	1277	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái (Arthroscopy of the First Metatarsophalangeal Joint)
1378.	1278	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối (Debridement of Articular Cartilage in the Knee)
1379.	1279	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử

1380.	1280	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim (điều trị tràn dịch màng ngoài tim)
1381.	1281	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt manh tràng
1382.	1283	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt môm ruột thừa
1383.	1284	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật
1384.	1285	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang lách
1385.	1286	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột
1386.	1287	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hồng tràng
1387.	1290	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang tụy
1388.	1291	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận
1389.	1292	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp
1390.	1293	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp
1391.	1295	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)
1392.	1296	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bàng đái
1393.	1297	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng
1394.	1298	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng
1395.	1299	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
1396.	1300	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)
1397.	1301	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần
1398.	1302	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản
1399.	1304	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc
1400.	1305	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X
1401.	1306	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc
1402.	1316	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến
1403.	1317	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn
1404.	1318	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày
1405.	1319	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2
1406.	1320	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách
1407.	1321	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2
1408.	1322	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng
1409.	1323	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung
1410.	1324	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách
1411.	1325	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy
1412.	1326	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên
1413.	1327	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
1414.	1328	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
1415.	1329	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.

1416.	1330	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp
1417.	1331	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp
1418.	1332	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng môm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo
1419.	1333	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn
1420.	1334	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tăng sinh môn
1421.	1335	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung
1422.	1336	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật
1423.	1337	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh
1424.	1338	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
1425.	1339	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng
1426.	1340	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
1427.	1341	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng
1428.	1342	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản
1429.	1343	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp
1430.	1344	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận
1431.	1345	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức
1432.	1346	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng
1433.	1347	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng
1434.	1348	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung
1435.	1350	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)
1436.	1356	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng
1437.	1357	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u OMC
1438.	1358	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
1439.	1359	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
1440.	1360	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
1441.	1363	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin
1442.	1364	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tụy
1443.	1365	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên
1444.	1367	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức
1445.	1368	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
1446.	1374	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị ...)
1447.	1375	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
1448.	1376	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
1449.	1377	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
1450.	1378	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan
1451.	1379	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu
1452.	1380	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy
1453.	1381	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm
1454.	1383	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy
1455.	1388	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày
1456.	1390	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa

1457.	1391	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
1458.	1392	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
1459.	1393	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)
1460.	1394	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa
1461.	1395	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khuỷu (Arthroscopic Fracture Management in the Elbow)
1462.	1396	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại
1463.	1397	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương
1464.	1398	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
1465.	1399	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vũng bánh
1466.	1400	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vũng khớp vai theo phương pháp Latarjet
1467.	1401	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vũng khớp vai
1468.	1403	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
1469.	1406	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối
1470.	1407	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau
1471.	1409	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
1472.	1411	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
1473.	1412	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x
1474.	1417	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm cơ rút khớp vai
1475.	1418	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
1476.	1420	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh
1477.	1421	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
1478.	1425	Gây mê phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.
1479.	1428	Gây mê phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
1480.	1429	Gây mê phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm
1481.	1437	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
1482.	1439	Gây mê phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
1483.	1440	Gây mê phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
1484.	1441	Gây mê phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)
1485.	1442	Gây mê phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản
1486.	1445	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng
1487.	1446	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối x
1488.	1450	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
1489.	1455	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu chớp xoay
1490.	1456	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
1491.	1463	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo

1492.	1464	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xi miệng nối đại-trực tràng)
1493.	1466	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)
1494.	1467	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành
1495.	1468	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
1496.	1469	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
1497.	1470	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
1498.	1471	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
1499.	1472	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
1500.	1473	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
1501.	1474	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
1502.	1475	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
1503.	1476	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
1504.	1477	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
1505.	1478	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
1506.	1479	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
1507.	1480	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
1508.	1481	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
1509.	1482	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
1510.	1483	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
1511.	1484	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
1512.	1485	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
1513.	1486	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
1514.	1487	Gây mê phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy
1515.	1488	Gây mê phẫu thuật nội soi khớp bả vai lỏng ngực
1516.	1489	Gây mê phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
1517.	1490	Gây mê phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
1518.	1491	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi
1519.	1492	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
1520.	1495	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đồng
1521.	1497	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống lưng qua lỗ liên hợp
1522.	1498	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bản sống
1523.	1499	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr

1524.	1500	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	
1525.	1501	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	
1526.	1502	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau	
1527.	1515	Gây mê phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da	
1528.	1516	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái	
1529.	1517	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	
1530.	1518	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng	
1531.	1519	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	
1532.	1520	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	
1533.	1521	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da	
1534.	1522	Gây mê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	
1535.	1523	Gây mê phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	
1536.	1524	Gây mê phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	
1537.	1525	Gây mê phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc	
1538.	1526	Gây mê phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc	
1539.	1527	Gây mê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng	
1540.	1528	Gây mê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng	
1541.	1529	Gây mê phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy	
1542.	1530	Gây mê phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng	
1543.	1531	Gây mê phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng	
1544.	1532	Gây mê phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng	
1545.	1533	Gây mê phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng	
1546.	1534	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng	
1547.	1535	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang	
1548.	1536	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non	
1549.	1537	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng	
1550.	1540	Gây mê phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung	
1551.	1542	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	
1552.	1547	Gây mê phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh	
1553.	1549	Gây mê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	
1554.	1550	Gây mê phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày	
1555.	1552	Gây mê phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	
1556.	1554	Gây mê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	
1557.	1555	Gây mê phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	
1558.	1558	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	
1559.	1559	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)	
1560.	1560	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	
1561.	1561	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	

1562.	1562	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)
1563.	1563	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng qua đòn
1564.	1564	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau
1565.	1565	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
1566.	1566	Gây mê phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
1567.	1567	Gây mê phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO
1568.	1569	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
1569.	1570	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình mòm cùng vai (Arthroscopic Subacromial Decompression)
1570.	1571	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
1571.	1585	Gây mê phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai
1572.	1586	Gây mê phẫu thuật nội soi u mạc treo
1573.	1587	Gây mê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
1574.	1588	Gây mê phẫu thuật nội soi vết hạch tiểu khung
1575.	1589	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
1576.	1590	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa
1577.	1593	Gây mê phẫu thuật nội soi xẻ sa lổ lỗ niệu quản
1578.	1594	Gây mê phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán
1579.	1595	Gây mê phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
1580.	1596	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng
1581.	1597	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non
1582.	1599	Gây mê phẫu thuật nối tụy ruột
1583.	1600	Gây mê phẫu thuật nối vị tràng
1584.	1601	Gây mê phẫu thuật nối vòi tử cung
1585.	1602	Gây mê phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập
1586.	1603	Gây mê phẫu thuật nong niệu đạo
1587.	1604	Gây mê phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lồng ngực bẩm sinh (VATS)
1588.	1605	Gây mê phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em
1589.	1606	Gây mê phẫu thuật quặm bẩm sinh
1590.	1607	Gây mê phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)
1591.	1608	Gây mê phẫu thuật sa sinh dục
1592.	1609	Gây mê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tăng sinh môn
1593.	1610	Gây mê phẫu thuật tháo lồng ruột
1594.	1611	Gây mê phẫu thuật ú máu kinh
1595.	1612	Gây mê phẫu thuật vá da tạo hình mí
1596.	1613	Gây mê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mí cầu

1597.	1614	Gây mê phẫu thuật và vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)
1598.	1615	Gây mê phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi
1599.	1616	Gây mê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai
1600.	1617	Gây mê rút sonde JJ do nội khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa
1601.	1618	Gây mê tán sỏi qua da bằng laser
1602.	1619	Gây mê tán sỏi qua da bằng siêu âm
1603.	1620	Gây mê tán sỏi qua da bằng xung hơi
1604.	1621	Gây mê tán sỏi thận qua da
1605.	1623	Gây mê trung phẫu ngực ở trẻ em
		C. HỒI SỨC
1606.	1627	Hồi sức các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ
1607.	1628	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow
1608.	1629	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim
1609.	1630	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu
1610.	1632	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường
1611.	1633	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh
1612.	1634	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu
1613.	1635	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản
1614.	1631	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương
1615.	1636	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELLP
1616.	1638	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus
1617.	1639	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP
1618.	1640	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non
1619.	1641	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cải răng lược
1620.	1643	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu
1621.	1644	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng
1622.	1645	Hồi sức nội soi buồng tử cung can thiệp
1623.	1647	Hồi sức nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung
1624.	1648	Hồi sức nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung
1625.	1649	Hồi sức nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
1626.	1650	Hồi sức nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản
1627.	1651	Hồi sức nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản
1628.	1652	Hồi sức nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
1629.	1653	Hồi sức nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser

1630.	1654	Hỏi sức nội soi nối vòi tử cung	
1631.	1655	Hỏi sức nội soi nông hẹp thực quản	
1632.	1656	Hỏi sức nội soi nông niệu quản hẹp	
1633.	1657	Hỏi sức nội soi ổ bụng chẩn đoán	
1634.	1659	Hỏi sức nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	
1635.	1660	Hỏi sức nội soi tán sỏi niệu quản	
1636.	1661	Hỏi sức nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	
1637.	1662	Hỏi sức nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ	
1638.	1663	Hỏi sức nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận	
1639.	1664	Hỏi sức nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	
1640.	1665	Hỏi sức nội soi xé hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản	
1641.	1666	Hỏi sức nội soi xé lỗ niệu quản lấy sỏi	
1642.	1668	Hỏi sức phẫu thuật áp xe gan	
1643.	1671	Hỏi sức phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng	
1644.	1679	Hỏi sức phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lõm	
1645.	1680	Hỏi sức phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	
1646.	1682	Hỏi sức phẫu thuật bàn chân thường	
1647.	1684	Hỏi sức phẫu thuật bảo tồn	
1648.	1685	Hỏi sức phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	
1649.	1687	Hỏi sức phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	
1650.	1688	Hỏi sức phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối	
1651.	1689	Hỏi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	
1652.	1695	Hỏi sức phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	
1653.	1696	Hỏi sức phẫu thuật bóc nhân xơ vú	
1654.	1697	Hỏi sức phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	
1655.	1699	Hỏi sức phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	
1656.	1704	Hỏi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	
1657.	1705	Hỏi sức phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	
1658.	1706	Hỏi sức phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	
1659.	1707	Hỏi sức phẫu thuật bướu cổ	
1660.	1708	Hỏi sức phẫu thuật bướu tinh hoàn	
1661.	1709	Hỏi sức phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới	
1662.	1710	Hỏi sức phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	
1663.	1711	Hỏi sức phẫu thuật cầm niệu quản vào bàng quang	
1664.	1712	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thùy phổi hoặc phân thùy phổi	
1665.	1713	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	
1666.	1714	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng	

1667.	1715	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ
1668.	1716	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông
1669.	1717	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ
1670.	1718	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
1671.	1719	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
1672.	1720	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
1673.	1721	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
1674.	1722	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow
1675.	1723	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp khổng lồ
1676.	1724	Hỏi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân
1677.	1725	Hỏi sức phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên
1678.	1726	Hỏi sức phẫu thuật cắt âm hộ + vết hạch trên bệnh nhân K âm hộ
1679.	1727	Hỏi sức phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần
1680.	1728	Hỏi sức phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vết hạch bên hai bên
1681.	1729	Hỏi sức phẫu thuật cắt amidan ở người lớn
1682.	1730	Hỏi sức phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em
1683.	1731	Hỏi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
1684.	1732	Hỏi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân
1685.	1733	Hỏi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
1686.	1734	Hỏi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân
1687.	1735	Hỏi sức phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hạch vùng đầu mặt cổ
1688.	1736	Hỏi sức phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột
1689.	1737	Hỏi sức phẫu thuật cắt bàng quang
1690.	1738	Hỏi sức phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
1691.	1739	Hỏi sức phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang
1692.	1740	Hỏi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài
1693.	1741	Hỏi sức phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
1694.	1743	Hỏi sức phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mổ D2 tá tràng
1695.	1744	Hỏi sức phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên

1696.	1747	Hỏi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
1697.	1748	Hỏi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
1698.	1749	Hỏi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
1699.	1750	Hỏi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
1700.	1751	Hỏi sức phẫu thuật cắt cháp có bọc
1701.	1752	Hỏi sức phẫu thuật cắt chậu sản miệng, tạo hình
1702.	1754	Hỏi sức phẫu thuật cắt chi, vết hạch do ung thư
1703.	1755	Hỏi sức phẫu thuật cắt chòm nang gan
1704.	1756	Hỏi sức phẫu thuật cắt cổ bàng quang
1705.	1759	Hỏi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo
1706.	1760	Hỏi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo
1707.	1761	Hỏi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng
1708.	1762	Hỏi sức phẫu thuật cắt cột tủy sống điều trị chứng đau thần kinh
1709.	1764	Hỏi sức phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
1710.	1765	Hỏi sức phẫu thuật cắt cụt chi
1711.	1766	Hỏi sức phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
1712.	1767	Hỏi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực
1713.	1768	Hỏi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm
1714.	1769	Hỏi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt
1715.	1770	Hỏi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương
1716.	1771	Hỏi sức phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo
1717.	1772	Hỏi sức phẫu thuật cắt đoạn chi
1718.	1773	Hỏi sức phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tủy
1719.	1774	Hỏi sức phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ
1720.	1775	Hỏi sức phẫu thuật cắt đường rò môi dưới
1721.	1776	Hỏi sức phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận
1722.	1787	Hỏi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm
1723.	1788	Hỏi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính mí mắt
1724.	1789	Hỏi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm
1725.	1790	Hỏi sức phẫu thuật cắt khối u khẩu cái
1726.	1791	Hỏi sức phẫu thuật cắt lách bán phần
1727.	1792	Hỏi sức phẫu thuật cắt lách bệnh lý
1728.	1793	Hỏi sức phẫu thuật cắt lách do chấn thương
1729.	1794	Hỏi sức phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe
1730.	1795	Hỏi sức phẫu thuật cắt lại dạ dày
1731.	1796	Hỏi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể

1732.	1797	Hỏi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
1733.	1798	Hỏi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể
1734.	1799	Hỏi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay
1735.	1800	Hỏi sức phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan
1736.	1801	Hỏi sức phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời
1737.	1802	Hỏi sức phẫu thuật cắt lõi xương
1738.	1803	Hỏi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn
1739.	1804	Hỏi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc
1740.	1805	Hỏi sức phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng
1741.	1808	Hỏi sức phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
1742.	1809	Hỏi sức phẫu thuật cắt mào tinh
1743.	1810	Hỏi sức phẫu thuật cắt môm thừa trực tràng
1744.	1811	Hỏi sức phẫu thuật cắt mỏng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
1745.	1812	Hỏi sức phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư
1746.	1813	Hỏi sức phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang
1747.	1814	Hỏi sức phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
1748.	1816	Hỏi sức phẫu thuật cắt một phần tụy
1749.	1817	Hỏi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
1750.	1818	Hỏi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang
1751.	1819	Hỏi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
1752.	1820	Hỏi sức phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới
1753.	1821	Hỏi sức phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên
1754.	1822	Hỏi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ
1755.	1823	Hỏi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hồng tràng
1756.	1824	Hỏi sức phẫu thuật cắt nang tụy
1757.	1825	Hỏi sức phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái
1758.	1827	Hỏi sức phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non
1759.	1828	Hỏi sức phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thủy
1760.	1829	Hỏi sức phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau
1761.	1830	Hỏi sức phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước
1762.	1831	Hỏi sức phẫu thuật cắt nối niệu quản
1763.	1834	Hỏi sức phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột
1764.	1835	Hỏi sức phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vết hạch
1765.	1839	Hỏi sức phẫu thuật cắt phân thủy gan, thủy gan
1766.	1840	Hỏi sức phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương
1767.	1841	Hỏi sức phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung
1768.	1842	Hỏi sức phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau

1769.	1843	Hỏi sức phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên lâm hậu môn nhân tạo
1770.	1844	Hỏi sức phẫu thuật cắt polyp mũi
1771.	1845	Hỏi sức phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú
1772.	1846	Hỏi sức phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo
1773.	1847	Hỏi sức phẫu thuật cắt ruột non hình chêm
1774.	1848	Hỏi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần
1775.	1849	Hỏi sức phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi
1776.	1850	Hỏi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe
1777.	1851	Hỏi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
1778.	1852	Hỏi sức phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cắt đại tràng
1779.	1853	Hỏi sức phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy
1780.	1854	Hỏi sức phẫu thuật cắt thận
1781.	1855	Hỏi sức phẫu thuật cắt thận bán phần
1782.	1856	Hỏi sức phẫu thuật cắt thận đơn thuần
1783.	1857	Hỏi sức phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách
1784.	1858	Hỏi sức phẫu thuật cắt thân kính X chọn lọc
1785.	1859	Hỏi sức phẫu thuật cắt thân kính X siêu chọn lọc
1786.	1860	Hỏi sức phẫu thuật cắt thân kính X toàn bộ
1787.	1861	Hỏi sức phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi
1788.	1862	Hỏi sức phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ
1789.	1863	Hỏi sức phẫu thuật cắt thân và đuôi tụy
1790.	1864	Hỏi sức phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ
1791.	1865	Hỏi sức phẫu thuật cắt thể Morgani xoắn
1792.	1866	Hỏi sức phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
1793.	1867	Hỏi sức phẫu thuật cắt thị thần kinh
1794.	1868	Hỏi sức phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần
1795.	1879	Hỏi sức phẫu thuật cắt thùy gan trái
1796.	1880	Hỏi sức phẫu thuật cắt thùy gan trái, phải do ung thư
1797.	1881	Hỏi sức phẫu thuật cắt thùy hoặc phần thùy phổi do ung thư
1798.	1882	Hỏi sức phẫu thuật cắt thùy phổi, phần phổi còn lại
1799.	1883	Hỏi sức phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp
1800.	1884	Hỏi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
1801.	1885	Hỏi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn
1802.	1886	Hỏi sức phẫu thuật cắt tinh mạc
1803.	1890	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày
1804.	1891	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng
1805.	1892	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng

1806.	1893	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
1807.	1894	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
1808.	1895	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ hạ họng - tạo hình thực quản
1809.	1896	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng
1810.	1897	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non
1811.	1898	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản
1812.	1900	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
1813.	1901	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
1814.	1902	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
1815.	1903	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
1816.	1904	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
1817.	1905	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
1818.	1906	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ
1819.	1907	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông
1820.	1908	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
1821.	1909	Hỏi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
1822.	1911	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
1823.	1912	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn
1824.	1913	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản
1825.	1914	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ
1826.	1915	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng
1827.	1916	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung
1828.	1917	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng
1829.	1918	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung
1830.	1919	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung
1831.	1920	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung
1832.	1921	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử cung
1833.	1922	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử lệ
1834.	1923	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử mật
1835.	1924	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử sa niệu quản
1836.	1925	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử thừa đại tràng
1837.	1926	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử thừa Meckel
1838.	1927	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử thừa niệu đạo
1839.	1928	Hỏi sức phẫu thuật cắt tử thừa tá tràng

1840.	1929	Hỏi sức phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ
1841.	1930	Hỏi sức phẫu thuật cắt túi thừa thực quản ngực
1842.	1931	Hỏi sức phẫu thuật cắt tụy trung tâm
1843.	1932	Hỏi sức phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
1844.	1933	Hỏi sức phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính
1845.	1934	Hỏi sức phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
1846.	1935	Hỏi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên
1847.	1936	Hỏi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên
1848.	1937	Hỏi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận
1849.	1938	Hỏi sức phẫu thuật cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức
1850.	1939	Hỏi sức phẫu thuật cắt u bán phần sau
1851.	1940	Hỏi sức phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên
1852.	1941	Hỏi sức phẫu thuật cắt u biểu bì
1853.	1942	Hỏi sức phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng
1854.	1943	Hỏi sức phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính
1855.	1944	Hỏi sức phẫu thuật cắt u da đầu
1856.	1945	Hỏi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai
1857.	1946	Hỏi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
1858.	1947	Hỏi sức phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
1859.	1948	Hỏi sức phẫu thuật cắt u da mi không ghép
1860.	1949	Hỏi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khi quản
1861.	1950	Hỏi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi
1862.	1957	Hỏi sức phẫu thuật cắt u hốc mũi
1863.	1958	Hỏi sức phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser
1864.	1959	Hỏi sức phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
1865.	1960	Hỏi sức phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
1866.	1961	Hỏi sức phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vò
1867.	1962	Hỏi sức phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
1868.	1963	Hỏi sức phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)
1869.	1964	Hỏi sức phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm
1870.	1965	Hỏi sức phẫu thuật cắt u lợi hàm
1871.	1966	Hỏi sức phẫu thuật cắt u lưỡi
1872.	1967	Hỏi sức phẫu thuật cắt u mạc nối lớn
1873.	1968	Hỏi sức phẫu thuật cắt u mạc treo ruột
1874.	1969	Hỏi sức phẫu thuật cắt u màng tim
1875.	1970	Hỏi sức phẫu thuật cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tủy
1876.	1971	Hỏi sức phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm

1877.	1972	Hỏi sức phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm
1878.	1973	Hỏi sức phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền
1879.	1974	Hỏi sức phẫu thuật cắt u mí cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
1880.	1975	Hỏi sức phẫu thuật cắt u mí cả bề dày không ghép
1881.	1976	Hỏi sức phẫu thuật cắt u mí cả bề dày không vá
1882.	1977	Hỏi sức phẫu thuật cắt u mí ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
1883.	1978	Hỏi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
1884.	1979	Hỏi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
1885.	1980	Hỏi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch
1886.	1981	Hỏi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn
1887.	1982	Hỏi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng
1888.	1983	Hỏi sức phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi
1889.	1984	Hỏi sức phẫu thuật cắt u nang giáp trạng
1890.	1985	Hỏi sức phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản
1891.	1986	Hỏi sức phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu
1892.	1987	Hỏi sức phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser
1893.	1988	Hỏi sức phẫu thuật cắt u niêm mạc má
1894.	1989	Hỏi sức phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hồng tràng
1895.	1990	Hỏi sức phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
1896.	1991	Hỏi sức phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi
1897.	1992	Hỏi sức phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt
1898.	1993	Hỏi sức phẫu thuật cắt u sàn miệng, vết hạch
1899.	1994	Hỏi sức phẫu thuật cắt u sau phúc mạc
1900.	1995	Hỏi sức phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo
1901.	1996	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tá tràng
1902.	1997	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương
1903.	1998	Hỏi sức phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt
1904.	1999	Hỏi sức phẫu thuật cắt u thần kinh
1905.	2000	Hỏi sức phẫu thuật cắt u thành âm đạo
1906.	2001	Hỏi sức phẫu thuật cắt u thành ngực
1907.	2002	Hỏi sức phẫu thuật cắt u thực quản
1908.	2003	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tiền phòng
1909.	2004	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cầm máu trong tiểu khung
1910.	2005	Hỏi sức phẫu thuật cắt u trực tràng lâm hậu môn nhân tạo
1911.	2006	Hỏi sức phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn
1912.	2007	Hỏi sức phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu
1913.	2008	Hỏi sức phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực
1914.	2009	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin
1915.	2010	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tụy

1916.	2011	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm
1917.	2012	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai
1918.	2013	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận
1919.	2014	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên
1920.	2015	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên
1921.	2016	Hỏi sức phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ
1922.	2017	Hỏi sức phẫu thuật cắt u vú lành tính
1923.	2018	Hỏi sức phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới
1924.	2019	Hỏi sức phẫu thuật cắt u vùng họng miệng
1925.	2020	Hỏi sức phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm
1926.	2021	Hỏi sức phẫu thuật cắt u xương lành
1927.	2022	Hỏi sức phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
1928.	2023	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vết hạch bên 2 bên
1929.	2024	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát
1930.	2025	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.
1931.	2026	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang
1932.	2027	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.
1933.	2028	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình
1934.	2029	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mí mắt dưới và tạo hình
1935.	2030	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mí mắt trên và tạo hình
1936.	2032	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vật cơ da
1937.	2033	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vật từ xa
1938.	2034	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vét hạch cổ
1939.	2035	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm
1940.	2036	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
1941.	2037	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm
1942.	2038	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư thận
1943.	2039	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.
1944.	2040	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ
1945.	2041	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu
1946.	2042	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư tử mật
1947.	2043	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái
1948.	2044	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay
1949.	2045	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ
1950.	2046	Hỏi sức phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ
1951.	2047	Hỏi sức phẫu thuật cắt và thắt đường rò khí quản - thực quản
1952.	2048	Hỏi sức phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú
1953.	2049	Hỏi sức phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình

1954.	2050	Hồi sức phẫu thuật cắt, nạo vết hạch cổ tiết căn
1955.	2051	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ
1956.	2054	Hồi sức phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ
1957.	2055	Hồi sức phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng
1958.	2056	Hồi sức phẫu thuật chích áp xe gan
1959.	2057	Hồi sức phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
1960.	2058	Hồi sức phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống
1961.	2059	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật
1962.	2060	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật
1963.	2061	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ
1964.	2062	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm
1965.	2063	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên
1966.	2064	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên
1967.	2065	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên
1968.	2066	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên
1969.	2067	Hồi sức phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật
1970.	2069	Hồi sức phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
1971.	2070	Hồi sức phẫu thuật chống khớp sọ, hẹp hộp sọ
1972.	2071	Hồi sức phẫu thuật chứa ngoài dạ con vỡ
1973.	2072	Hồi sức phẫu thuật chứa túi thừa bàng quang
1974.	2073	Hồi sức phẫu thuật chuyển gân điều trị mất hờ mi (2 mắt)
1975.	2074	Hồi sức phẫu thuật chuyển vật da cân có cuống mạch nuôi
1976.	2075	Hồi sức phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
1977.	2076	Hồi sức phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy
1978.	2077	Hồi sức phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn
1979.	2078	Hồi sức phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
1980.	2079	Hồi sức phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vít gãy thân xương cánh tay
1981.	2080	Hồi sức phẫu thuật cố định máng sườn di động
1982.	2081	Hồi sức phẫu thuật cố định máng xương tạo cùng đồ
1983.	2082	Hồi sức phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
1984.	2083	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng
1985.	2084	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực
1986.	2085	Hồi sức phẫu thuật cố sốc
1987.	2086	Hồi sức phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta
1988.	2087	Hồi sức phẫu thuật đa chấn thương
1989.	2089	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng
1990.	2090	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu 2 thận
1991.	2091	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu
1992.	2092	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan
1993.	2093	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
1994.	2094	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên

1995.	2095	Hỏi sức phẫu thuật dẫn lưu thận
1996.	2096	Hỏi sức phẫu thuật dẫn lưu túi mật
1997.	2097	Hỏi sức phẫu thuật dẫn lưu viêm mủ khớp, khớp sai khớp
1998.	2098	Hỏi sức phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt
1999.	2099	Hỏi sức phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
2000.	2100	Hỏi sức phẫu thuật đặt khung định vị u não
2001.	2101	Hỏi sức phẫu thuật đặt ống silicon lệ quán – ống lệ mũi
2002.	2102	Hỏi sức phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm
2003.	2103	Hỏi sức phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)
2004.	2104	Hỏi sức phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi
2005.	2105	Hỏi sức phẫu thuật đặt stent động mạch chủ bụng
2006.	2106	Hỏi sức phẫu thuật đặt stent động mạch chủ ngực
2007.	2107	Hỏi sức phẫu thuật đặt stent động mạch đùi
2008.	2109	Hỏi sức phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt
2009.	2110	Hỏi sức phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thị 2 (không cắt dịch kính)
2010.	2111	Hỏi sức phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
2011.	2112	Hỏi sức phẫu thuật dị dạng đường sinh dục
2012.	2113	Hỏi sức phẫu thuật dị dạng tử cung
2013.	2114	Hỏi sức phẫu thuật di thực hàng lông mi
2014.	2116	Hỏi sức phẫu thuật điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới
2015.	2119	Hỏi sức phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
2016.	2120	Hỏi sức phẫu thuật điều trị bệnh lý mù màng phổi
2017.	2122	Hỏi sức phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle
2018.	2123	Hỏi sức phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới
2019.	2124	Hỏi sức phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil
2020.	2125	Hỏi sức phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm
2021.	2126	Hỏi sức phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
2022.	2127	Hỏi sức phẫu thuật điều trị can sai xương gò má
2023.	2128	Hỏi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới
2024.	2129	Hỏi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên
2025.	2130	Hỏi sức phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa có chẹn và nổi mạch máu
2026.	2131	Hỏi sức phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa không có nổi mạch máu
2027.	2132	Hỏi sức phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
2028.	2133	Hỏi sức phẫu thuật điều trị cơ giật mí, cơ quắp mí, cau máy, nếp nhăn da mí bằng thuốc (botox, dysport...), laser
2029.	2138	Hỏi sức phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)

2030.	2139	Hồi sức phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa
2031.	2140	Hồi sức phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại
2032.	2141	Hồi sức phẫu thuật điều trị hở mi
2033.	2142	Hồi sức phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ
2034.	2143	Hồi sức phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ
2035.	2144	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
2036.	2145	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
2037.	2146	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
2038.	2147	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở chéop mắt hai bên
2039.	2148	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở chéop mắt một bên
2040.	2149	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên
2041.	2150	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên
2042.	2151	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở ngang mắt
2043.	2152	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ
2044.	2153	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ
2045.	2154	Hồi sức phẫu thuật điều trị khuyết hồng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu
2046.	2155	Hồi sức phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
2047.	2156	Hồi sức phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại
2048.	2157	Hồi sức phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
2049.	2158	Hồi sức phẫu thuật điều trị một số bệnh vông mạc bằng laser (bệnh vông mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
2050.	2159	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng động mạch cảnh
2051.	2160	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng và giả phồng động mạch tạng
2052.	2162	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng
2053.	2163	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn
2054.	2166	Hồi sức phẫu thuật điều trị són tiểu
2055.	2167	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính
2056.	2168	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sỏi, dị vật
2057.	2169	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại
2058.	2170	Hồi sức phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn cơ thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)
2059.	2171	Hồi sức phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh
2060.	2172	Hồi sức phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh
2061.	2173	Hồi sức phẫu thuật điều trị teo thực quản
2062.	2174	Hồi sức phẫu thuật điều trị teo, dị dạng quai động mạch chủ
2063.	2175	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
2064.	2176	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
2065.	2177	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
2066.	2178	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein

2067.	2179	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
2068.	2180	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
2069.	2181	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
2070.	2182	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
2071.	2183	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)
2072.	2184	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành
2073.	2185	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản
2074.	2186	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
2075.	2187	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng
2076.	2188	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cánh
2077.	2189	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi
2078.	2190	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thực quản đôi
2079.	2191	Hỏi sức phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo
2080.	2192	Hỏi sức phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn bằng quang
2081.	2193	Hỏi sức phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn ruột
2082.	2194	Hỏi sức phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
2083.	2195	Hỏi sức phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
2084.	2196	Hỏi sức phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
2085.	2197	Hỏi sức phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser
2086.	2198	Hỏi sức phẫu thuật điều trị u máu bằng hóa chất
2087.	2199	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vẹo cổ
2088.	2200	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân
2089.	2201	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vật có sử dụng vi phẫu thuật
2090.	2202	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống
2091.	2203	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận
2092.	2204	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ
2093.	2205	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng
2094.	2206	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
2095.	2207	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu
2096.	2208	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức
2097.	2209	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức
2098.	2210	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương tim
2099.	2211	Hỏi sức phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoá khí
2100.	2212	Hỏi sức phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
2101.	2213	Hỏi sức phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
2102.	2214	Hỏi sức phẫu thuật điều trị viêm mủ màng tim

2103.	2215	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát
2104.	2216	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến
2105.	2217	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng
2106.	2218	Hồi sức phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực
2107.	2219	Hồi sức phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương
2108.	2220	Hồi sức phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
2109.	2221	Hồi sức phẫu thuật đính khớp quay trụ bẩm sinh
2110.	2222	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
2111.	2223	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
2112.	2224	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
2113.	2225	Hồi sức phẫu thuật Doenig
2114.	2226	Hồi sức phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị
2115.	2227	Hồi sức phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân
2116.	2228	Hồi sức phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dẫn tĩnh mạch chân
2117.	2229	Hồi sức phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo
2118.	2230	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)
2119.	2231	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp khác
2120.	2232	Hồi sức phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên
2121.	2233	Hồi sức phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, bằng đường vào phía sau
2122.	2234	Hồi sức phẫu thuật đóng dính nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang
2123.	2235	Hồi sức phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo
2124.	2237	Hồi sức phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo
2125.	2238	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc một thoát vị màng tủy sau phẫu thuật tủy sống
2126.	2239	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm
2127.	2240	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ
2128.	2241	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng
2129.	2242	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán
2130.	2243	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau phẫu thuật các thương tổn nền sọ
2131.	2244	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá
2132.	2245	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ
2133.	2246	Hồi sức phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo
2134.	2247	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ

2135.	2248	Hỏi sức phẫu thuật đóng lỗ mở bằng quang ra da
2136.	2249	Hỏi sức phẫu thuật động mạch chủ bụng
2137.	2253	Hỏi sức phẫu thuật đục chồi xương
2138.	2254	Hỏi sức phẫu thuật đục xương sửa trục
2139.	2255	Hỏi sức phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè
2140.	2256	Hỏi sức phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần
2141.	2257	Hỏi sức phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp
2142.	2258	Hỏi sức phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
2143.	2259	Hỏi sức phẫu thuật Epicanthus
2144.	2260	Hỏi sức phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
2145.	2261	Hỏi sức phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
2146.	2262	Hỏi sức phẫu thuật gan- mật
2147.	2263	Hỏi sức phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
2148.	2264	Hỏi sức phẫu thuật gấp và khếp khớp háng do bại não
2149.	2265	Hỏi sức phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
2150.	2266	Hỏi sức phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
2151.	2267	Hỏi sức phẫu thuật ghép cùng mạc
2152.	2268	Hỏi sức phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
2153.	2269	Hỏi sức phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
2154.	2270	Hỏi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích $> 10\%$
2155.	2271	Hỏi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích $< 5\%$
2156.	2272	Hỏi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích $5-10\%$
2157.	2273	Hỏi sức phẫu thuật ghép da hay vật da điều trị hở mi do sẹo
2158.	2274	Hỏi sức phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay
2159.	2275	Hỏi sức phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể
2160.	2276	Hỏi sức phẫu thuật ghép da tự thân từ $5 - 10\%$ diện tích bỏng cơ thể
2161.	2277	Hỏi sức phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật
2162.	2278	Hỏi sức phẫu thuật ghép giác mạc cỏ vành cùng mạc
2163.	2279	Hỏi sức phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên
2164.	2280	Hỏi sức phẫu thuật ghép giác mạc lớp
2165.	2281	Hỏi sức phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo
2166.	2282	Hỏi sức phẫu thuật ghép giác mạc tự thân
2167.	2283	Hỏi sức phẫu thuật ghép giác mạc xuyên
2168.	2284	Hỏi sức phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu
2169.	2285	Hỏi sức phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
2170.	2288	Hỏi sức phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt

2171.	2292	Hỏi sức phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc
2172.	2293	Hỏi sức phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
2173.	2294	Hỏi sức phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)
2174.	2295	Hỏi sức phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ
2175.	2296	Hỏi sức phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)
2176.	2297	Hỏi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
2177.	2298	Hỏi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
2178.	2299	Hỏi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu
2179.	2300	Hỏi sức phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V
2180.	2301	Hỏi sức phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
2181.	2302	Hỏi sức phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù
2182.	2303	Hỏi sức phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
2183.	2304	Hỏi sức phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
2184.	2305	Hỏi sức phẫu thuật hạ nội nhãn
2185.	2306	Hỏi sức phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)
2186.	2307	Hỏi sức phẫu thuật hạ nội nhãn 1 bên
2187.	2308	Hỏi sức phẫu thuật hạ nội nhãn 2 bên
2188.	2309	Hỏi sức phẫu thuật hạ nội nhãn lệch chỗ 1 bên
2189.	2310	Hỏi sức phẫu thuật hạch ngoại biên
2190.	2311	Hỏi sức phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ
2191.	2312	Hỏi sức phẫu thuật hẹp khe mi
2192.	2313	Hỏi sức phẫu thuật hội chứng ống cổ tay
2193.	2314	Hỏi sức phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ áp có kết hợp xương
2194.	2315	Hỏi sức phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ gấp không kết hợp xương
2195.	2316	Hỏi sức phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi
2196.	2317	Hỏi sức phẫu thuật khâu da thi II
2197.	2318	Hỏi sức phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành
2198.	2319	Hỏi sức phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi
2199.	2320	Hỏi sức phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng
2200.	2321	Hỏi sức phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ máu dưới màng cứng
2201.	2322	Hỏi sức phẫu thuật khớp giả xương chấy bẩm sinh có ghép xương
2202.	2323	Hỏi sức phẫu thuật KHX chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
2203.	2324	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân

2204.	2325	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
2205.	2326	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
2206.	2327	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế
2207.	2328	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế
2208.	2329	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chì thép
2209.	2330	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim
2210.	2331	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu
2211.	2332	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chì thép
2212.	2333	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
2213.	2334	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
2214.	2335	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chì thép
2215.	2336	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim
2216.	2337	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu
2217.	2338	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép
2218.	2339	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
2219.	2340	Hỏi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
2220.	2341	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay
2221.	2342	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
2222.	2343	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày
2223.	2344	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối
2224.	2345	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
2225.	2346	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay
2226.	2347	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy cổ chân
2227.	2348	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
2228.	2349	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
2229.	2350	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
2230.	2351	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)
2231.	2352	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp
2232.	2353	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay
2233.	2354	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)

2234.	2355	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
2235.	2356	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay
2236.	2357	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi
2237.	2358	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân
2238.	2359	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay
2239.	2360	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi
2240.	2361	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay
2241.	2362	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay
2242.	2363	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay
2243.	2364	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay
2244.	2365	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi
2245.	2366	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu
2246.	2367	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay
2247.	2368	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi
2248.	2369	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
2249.	2370	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi
2250.	2371	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi
2251.	2372	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay
2252.	2373	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay
2253.	2374	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
2254.	2375	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
2255.	2376	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
2256.	2377	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy mất cá kèm trật khớp cổ chân
2257.	2378	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy mất cá ngoài
2258.	2379	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy mất cá trong
2259.	2380	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp
2260.	2381	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu
2261.	2382	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy Monteggia
2262.	2383	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
2263.	2384	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
2264.	2385	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
2265.	2386	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần
2266.	2387	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
2267.	2388	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật hàng
2268.	2389	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu
2269.	2390	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy Pilon
2270.	2391	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay
2271.	2392	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương
2272.	2393	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân
2273.	2394	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay
2274.	2395	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay
2275.	2396	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân
2276.	2397	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay

2277.	2398	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
2278.	2399	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp
2279.	2400	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương chày
2280.	2401	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp
2281.	2402	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi
2282.	2403	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay
2283.	2404	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi
2284.	2405	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân
2285.	2406	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em
2286.	2407	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay
2287.	2408	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trật xương gót
2288.	2409	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trật xương sên
2289.	2410	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trên lõi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
2290.	2411	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trên lõi cầu xương cánh tay
2291.	2412	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trên lõi cầu xương đùi
2292.	2413	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy trên và liên lõi cầu xương đùi
2293.	2414	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương bả vai
2294.	2415	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp
2295.	2416	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý
2296.	2417	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương đòn
2297.	2418	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay
2298.	2419	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân
2299.	2420	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương gót
2300.	2421	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần
2301.	2422	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
2302.	2423	Hỏi sức phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp
2303.	2424	Hỏi sức phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
2304.	2425	Hỏi sức phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn
2305.	2426	Hỏi sức phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
2306.	2427	Hỏi sức phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
2307.	2428	Hỏi sức phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)
2308.	2429	Hỏi sức phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân
2309.	2430	Hỏi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
2310.	2431	Hỏi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn
2311.	2432	Hỏi sức phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên
2312.	2433	Hỏi sức phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
2313.	2434	Hỏi sức phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
2314.	2435	Hỏi sức phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đỉnh xương, nếp vit, ốc, khóa)
2315.	2436	Hỏi sức phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
2316.	2437	Hỏi sức phẫu thuật lác người lớn

2317.	2438	Hỏi sức phẫu thuật lác phức tạp (đi thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)
2318.	2439	Hỏi sức phẫu thuật lác thông thường
2319.	2440	Hỏi sức phẫu thuật lách hoặc tụy
2320.	2441	Hỏi sức phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo
2321.	2442	Hỏi sức phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh
2322.	2443	Hỏi sức phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật
2323.	2444	Hỏi sức phẫu thuật lại ung thư, gờ dính.
2324.	2445	Hỏi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em
2325.	2446	Hỏi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo
2326.	2447	Hỏi sức phẫu thuật làm hẹp khe mí, rút ngắn dây chằng mí ngoài, mí trong điều trị hờ mí do liệt dây VII
2327.	2448	Hỏi sức phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình
2328.	2449	Hỏi sức phẫu thuật làm thẳng dương vật
2329.	2450	Hỏi sức phẫu thuật lạnh đông điều trị K võng mạc
2330.	2451	Hỏi sức phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc
2331.	2452	Hỏi sức phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)
2332.	2453	Hỏi sức phẫu thuật laser điều trị u máu mí, kết mạc, hốc mắt
2333.	2454	Hỏi sức phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc
2334.	2455	Hỏi sức phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
2335.	2456	Hỏi sức phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
2336.	2457	Hỏi sức phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
2337.	2458	Hỏi sức phẫu thuật laser mở bao sau đục
2338.	2459	Hỏi sức phẫu thuật lấy bỏ chòm quay
2339.	2460	Hỏi sức phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da
2340.	2461	Hỏi sức phẫu thuật lấy bỏ lõi cầu xương hàm dưới gãy
2341.	2462	Hỏi sức phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium
2342.	2463	Hỏi sức phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương
2343.	2464	Hỏi sức phẫu thuật lấy da mí sa (mí trên, mí dưới, 2 mí) có hoặc không lấy mỡ dưới da mí
2344.	2466	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu
2345.	2467	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt
2346.	2468	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm
2347.	2469	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi
2348.	2470	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng
2349.	2471	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ
2350.	2472	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực
2351.	2473	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng
2352.	2474	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc
2353.	2475	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật trực tràng
2354.	2476	Hỏi sức phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt

2355.	2477	Hỏi sức phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)
2356.	2478	Hỏi sức phẫu thuật lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn
2357.	2479	Hỏi sức phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non
2358.	2480	Hỏi sức phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên
2359.	2481	Hỏi sức phẫu thuật lấy hạch cuống gan
2360.	2482	Hỏi sức phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa
2361.	2483	Hỏi sức phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ
2362.	2484	Hỏi sức phẫu thuật lấy máu tụ bao gan
2363.	2485	Hỏi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
2364.	2486	Hỏi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
2365.	2487	Hỏi sức phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
2366.	2488	Hỏi sức phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
2367.	2489	Hỏi sức phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất
2368.	2490	Hỏi sức phẫu thuật lấy mỡ mí mắt trên, dưới và tạo hình 2 mí
2369.	2491	Hỏi sức phẫu thuật lấy nhân ở tụy (dĩ căn tụy, u tụy)
2370.	2492	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
2371.	2493	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang
2372.	2494	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang
2373.	2495	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng
2374.	2496	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang
2375.	2497	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
2376.	2498	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận
2377.	2499	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo
2378.	2500	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
2379.	2501	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần
2380.	2502	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
2381.	2503	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
2382.	2504	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật
2383.	2505	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng
2384.	2506	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm
2385.	2507	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt
2386.	2508	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi san hô thận
2387.	2509	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang
2388.	2510	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi thận
2389.	2511	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nổi túi mật tá tràng
2390.	2512	Hỏi sức phẫu thuật lấy sỏi, nổi tụy hồng trắng
2391.	2513	Hỏi sức phẫu thuật lấy thai ở sản phụ không có các bệnh kèm theo
2392.	2514	Hỏi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL. trên mắt đục nhất

2393.	2515	Hỏi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
2394.	2516	Hỏi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
2395.	2517	Hỏi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
2396.	2518	Hỏi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất
2397.	2519	Hỏi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng
2398.	2520	Hỏi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)
2399.	2521	Hỏi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu
2400.	2522	Hỏi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
2401.	2523	Hỏi sức phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu
2402.	2524	Hỏi sức phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy
2403.	2525	Hỏi sức phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
2404.	2526	Hỏi sức phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
2405.	2527	Hỏi sức phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
2406.	2528	Hỏi sức phẫu thuật lấy u cơ, xơ...thực quản đường cổ hoặc đường bụng
2407.	2529	Hỏi sức phẫu thuật lấy u cơ, xơ...thực quản đường ngực
2408.	2530	Hỏi sức phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)
2409.	2531	Hỏi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm
2410.	2532	Hỏi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
2411.	2533	Hỏi sức phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao
2412.	2534	Hỏi sức phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Maggi
2413.	2535	Hỏi sức phẫu thuật loại 3
2414.	2536	Hỏi sức phẫu thuật loạn sản tổ chức tiền thiên không lồ (u quái không lồ)
2415.	2537	Hỏi sức phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột
2416.	2538	Hỏi sức phẫu thuật lùi cơ nâng mi
2417.	2539	Hỏi sức phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)
2418.	2541	Hỏi sức phẫu thuật milless
2419.	2542	Hỏi sức phẫu thuật mở bao sau
2420.	2543	Hỏi sức phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser
2421.	2544	Hỏi sức phẫu thuật mở bẻ có hoặc không cắt bẻ
2422.	2545	Hỏi sức phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bào tồn từ cung
2423.	2546	Hỏi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò
2424.	2547	Hỏi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
2425.	2548	Hỏi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết
2426.	2549	Hỏi sức phẫu thuật mở cơ môn vị
2427.	2550	Hỏi sức phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong
2428.	2551	Hỏi sức phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mòm khớp dưới

2429.	2552	Hỏi sức phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương
2430.	2553	Hỏi sức phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ
2431.	2554	Hỏi sức phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
2432.	2555	Hỏi sức phẫu thuật mở góc tiền phòng
2433.	2556	Hỏi sức phẫu thuật mở hồng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán
2434.	2557	Hỏi sức phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết
2435.	2558	Hỏi sức phẫu thuật mở màng phổi tối đa
2436.	2559	Hỏi sức phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
2437.	2560	Hỏi sức phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương
2438.	2561	Hỏi sức phẫu thuật mở ngực thăm dò
2439.	2562	Hỏi sức phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi
2440.	2563	Hỏi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
2441.	2564	Hỏi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
2442.	2565	Hỏi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
2443.	2566	Hỏi sức phẫu thuật mở rộng điểm lệ
2444.	2567	Hỏi sức phẫu thuật mở rộng khe mi
2445.	2568	Hỏi sức phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ
2446.	2569	Hỏi sức phẫu thuật mở rộng lỗ sáo
2447.	2570	Hỏi sức phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)
2448.	2571	Hỏi sức phẫu thuật mở thông dạ dày
2449.	2572	Hỏi sức phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần
2450.	2573	Hỏi sức phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Hỏi sức phẫu thuật mở thông hồi tràng
2451.	2574	Hỏi sức phẫu thuật mở thông túi mật
2452.	2575	Hỏi sức phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
2453.	2576	Hỏi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
2454.	2577	Hỏi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
2455.	2578	Hỏi sức phẫu thuật mộng đơn thuần
2456.	2579	Hỏi sức phẫu thuật mức nội nhãn
2457.	2580	Hỏi sức phẫu thuật nâng sản hốc mắt
2458.	2581	Hỏi sức phẫu thuật nạo vét hạch cổ
2459.	2582	Hỏi sức phẫu thuật nạo vét hạch D1
2460.	2583	Hỏi sức phẫu thuật nạo vét hạch D2
2461.	2584	Hỏi sức phẫu thuật nạo vét hạch D3
2462.	2585	Hỏi sức phẫu thuật nạo vét hạch D4

2463.	2587	Hỏi sức phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt
2464.	2588	Hỏi sức phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
2465.	2589	Hỏi sức phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y
2466.	2590	Hỏi sức phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày
2467.	2591	Hỏi sức phẫu thuật nội kẹp ống động mạch
2468.	2592	Hỏi sức phẫu thuật nối mật ruột bên - bên
2469.	2593	Hỏi sức phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày
2470.	2594	Hỏi sức phẫu thuật nối nang tụy với hồng tràng
2471.	2595	Hỏi sức phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng
2472.	2596	Hỏi sức phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng
2473.	2597	Hỏi sức phẫu thuật nối niệu quản - đài thận
2474.	2598	Hỏi sức phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản
2475.	2599	Hỏi sức phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi
2476.	2600	Hỏi sức phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy
2477.	2601	Hỏi sức phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
2478.	2602	Hỏi sức phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi
2479.	2603	Hỏi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung
2480.	2604	Hỏi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
2481.	2605	Hỏi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
2482.	2606	Hỏi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn
2483.	2607	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản
2484.	2608	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang
2485.	2609	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật
2486.	2610	Hỏi sức phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ
2487.	2611	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi
2488.	2612	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy phổi
2489.	2613	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp
2490.	2614	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
2491.	2615	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
2492.	2616	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp
2493.	2617	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
2494.	2618	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
2495.	2619	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
2496.	2620	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp
2497.	2621	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
2498.	2622	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
2499.	2623	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp
2500.	2624	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1

2501.	2625	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1a
2502.	2626	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1β
2503.	2627	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2
2504.	2628	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3
2505.	2629	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương
2506.	2630	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán sống giải ép trong hẹp ống sống lưng
2507.	2631	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
2508.	2632	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên
2509.	2633	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ
2510.	2634	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi
2511.	2635	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chòm nang gan
2512.	2636	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chòm nang thận sau phúc mạc
2513.	2637	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
2514.	2638	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
2515.	2639	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
2516.	2640	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
2517.	2641	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị
2518.	2642	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản
2519.	2643	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình
2520.	2644	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dạ dày kiểu tay áo
2521.	2645	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông
2522.	2646	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang
2523.	2647	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng
2524.	2648	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải
2525.	2649	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái
2526.	2650	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu
2527.	2651	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng
2528.	2652	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nối tay
2529.	2653	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
2530.	2654	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng
2531.	2655	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non
2532.	2656	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng
2533.	2657	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm cổ (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
2534.	2658	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
2535.	2659	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thắt lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)
2536.	2660	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa

2537.	2661	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I
2538.	2662	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II
2539.	2663	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III
2540.	2664	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV
2541.	2665	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA
2542.	2666	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB
2543.	2667	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V
2544.	2668	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V
2545.	2669	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI
2546.	2670	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII
2547.	2671	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII
2548.	2672	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII
2549.	2673	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII
2550.	2674	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI
2551.	2675	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình
2552.	2676	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phải
2553.	2677	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau
2554.	2678	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước
2555.	2679	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải
2556.	2680	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái
2557.	2681	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.
2558.	2682	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan trái
2559.	2683	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm
2560.	2684	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gan và đường mật
2561.	2685	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt gốc tử cung ở bệnh nhân GEU
2562.	2686	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm
2563.	2687	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)
2564.	2688	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng (Arthroscopic Synovectomy of the hip)
2565.	2689	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)
2566.	2690	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi
2567.	2691	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy
2568.	2692	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần
2569.	2693	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ
2570.	2694	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt lách
2571.	2695	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái (Arthroscopy of the First Metatarsophalangeal Joint)
2572.	2696	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối (Debridement of Articular Cartilage in the Knee)
2573.	2697	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử

2574.	2698	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim (điều trị tràn dịch màng ngoài tim)
2575.	2699	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt manh tràng
2576.	2700	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt máu răng C2 (mòm nha) qua miệng
2577.	2701	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt mòm ruột thừa
2578.	2702	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật
2579.	2703	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang lách
2580.	2704	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột
2581.	2705	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hồng tràng
2582.	2706	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x
2583.	2707	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang trung thất
2584.	2708	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang tụy
2585.	2709	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận
2586.	2710	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp
2587.	2711	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp
2588.	2712	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nối phình động mạch chủ bụng
2589.	2713	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)
2590.	2714	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bóng dái
2591.	2715	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng
2592.	2716	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng
2593.	2717	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
2594.	2718	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)
2595.	2719	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần
2596.	2720	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản
2597.	2721	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận dư sỏi
2598.	2722	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận kinh X chọn lọc
2599.	2723	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận kinh X
2600.	2724	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc
2601.	2725	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy + cắt lách
2602.	2726	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy
2603.	2727	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản
2604.	2728	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực phải
2605.	2729	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực trái
2606.	2730	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản ngực phải
2607.	2734	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến
2608.	2735	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn
2609.	2736	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày
2610.	2737	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2
2611.	2738	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách
2612.	2739	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2

2613.	2740	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng
2614.	2741	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung
2615.	2742	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử + cắt lách
2616.	2744	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên
2617.	2745	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
2618.	2746	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
2619.	2747	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.
2620.	2748	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp
2621.	2749	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp
2622.	2750	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng móm cột trực tràng, mở hậu môn nhân tạo
2623.	2751	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn
2624.	2752	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tăng sinh môn
2625.	2753	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung
2626.	2754	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi mật
2627.	2755	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh
2628.	2756	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
2629.	2757	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng
2630.	2758	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
2631.	2759	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng
2632.	2760	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản
2633.	2761	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp
2634.	2762	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận
2635.	2763	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức
2636.	2764	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng
2637.	2765	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng
2638.	2766	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung
2639.	2767	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời
2640.	2768	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)
2641.	2769	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u lành thực quản ngực phải
2642.	2770	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non
2643.	2771	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột
2644.	2772	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u màng tim
2645.	2773	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim
2646.	2774	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng
2647.	2775	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u OMC
2648.	2776	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc

2649.	2777	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
2650.	2778	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
2651.	2779	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u thực quản
2652.	2780	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
2653.	2781	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin
2654.	2782	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy
2655.	2783	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên
2656.	2784	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên
2657.	2785	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức
2658.	2786	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
2659.	2787	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em
2660.	2788	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thoát lồng ngực)
2661.	2789	Hỏi sức phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực
2662.	2790	Hỏi sức phẫu thuật nội soi chữa ngoài tử cung
2663.	2791	Hỏi sức phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo
2664.	2792	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị ...)
2665.	2793	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
2666.	2794	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
2667.	2795	Hỏi sức phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
2668.	2796	Hỏi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan
2669.	2797	Hỏi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu
2670.	2798	Hỏi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy
2671.	2799	Hỏi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm
2672.	2800	Hỏi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim
2673.	2801	Hỏi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy
2674.	2802	Hỏi sức phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc
2675.	2803	Hỏi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)
2676.	2804	Hỏi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)
2677.	2805	Hỏi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc
2678.	2806	Hỏi sức phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt da dày
2679.	2807	Hỏi sức phẫu thuật nội soi dị dạng mạch máu thần kinh số V
2680.	2808	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa
2681.	2809	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
2682.	2810	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
2683.	2811	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)
2684.	2812	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa
2685.	2813	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khuỷu (Arthroscopic Fracture Management in the Elbow)
2686.	2814	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại
2687.	2815	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương

2688.	2816	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
2689.	2817	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh
2690.	2818	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet
2691.	2819	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai
2692.	2820	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi
2693.	2821	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
2694.	2822	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị ổ cận màng phổi
2695.	2823	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận
2696.	2824	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viển ổ cối
2697.	2825	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viển trên từ trước ra sau
2698.	2826	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
2699.	2827	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
2700.	2828	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ
2701.	2829	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
2702.	2830	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x
2703.	2831	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ
2704.	2832	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn
2705.	2833	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác
2706.	2834	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản
2707.	2835	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm cơ rút khớp vai
2708.	2836	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
2709.	2837	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm móm trên lõi cầu ngoài
2710.	2838	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh
2711.	2839	Hỏi sức phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
2712.	2840	Hỏi sức phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu
2713.	2841	Hỏi sức phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
2714.	2843	Hỏi sức phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.
2715.	2844	Hỏi sức phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn
2716.	2845	Hỏi sức phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi
2717.	2846	Hỏi sức phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
2718.	2847	Hỏi sức phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm
2719.	2848	Hỏi sức phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân
2720.	2849	Hỏi sức phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt
2721.	2850	Hỏi sức phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ
2722.	2851	Hỏi sức phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay
2723.	2852	Hỏi sức phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
2724.	2853	Hỏi sức phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
2725.	2854	Hỏi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi
2726.	2855	Hỏi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột

2727.	2856	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý màng phổi
2728.	2857	Hồi sức phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
2729.	2858	Hồi sức phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
2730.	2859	Hồi sức phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)
2731.	2860	Hồi sức phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản
2732.	2861	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất
2733.	2862	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim
2734.	2863	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng
2735.	2864	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối x
2736.	2865	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chòm xương đùi bằng khoan giải áp
2737.	2866	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch
2738.	2867	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình
2739.	2868	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
2740.	2869	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não
2741.	2870	Hồi sức phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch
2742.	2871	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách
2743.	2872	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan
2744.	2873	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu chớp xoay
2745.	2874	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
2746.	2875	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)
2747.	2876	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
2748.	2877	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
2749.	2878	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
2750.	2879	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
2751.	2880	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chớp xoay (Arthroscopic Rotator Interval Closure)
2752.	2881	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
2753.	2882	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xi miệng nối đại-trực tràng)
2754.	2883	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực
2755.	2884	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)
2756.	2885	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành

2757.	2886	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
2758.	2887	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
2759.	2888	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
2760.	2889	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
2761.	2890	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
2762.	2891	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
2763.	2892	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
2764.	2893	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
2765.	2894	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
2766.	2895	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
2767.	2896	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
2768.	2897	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
2769.	2898	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
2770.	2899	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
2771.	2900	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
2772.	2901	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
2773.	2902	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
2774.	2903	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
2775.	2904	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
2776.	2905	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy
2777.	2906	Hỏi sức phẫu thuật nội soi khớp bả vai lỏng ngực
2778.	2907	Hỏi sức phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
2779.	2908	Hỏi sức phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
2780.	2909	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi
2781.	2910	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
2782.	2911	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường trước-ở trong vẹo cột sống
2783.	2912	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất
2784.	2913	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông
2785.	2914	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy máu tụ
2786.	2915	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống lưng qua lỗ liên hợp
2787.	2916	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống lưng qua đường liên bản sống
2788.	2917	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr
2789.	2918	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản

2790.	2919	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
2791.	2920	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau
2792.	2921	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều
2793.	2922	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy u não thất
2794.	2923	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ
2795.	2924	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ
2796.	2925	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực
2797.	2926	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lấy u vùng bẹn lẻ chằm cổ qua miệng
2798.	2927	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu
2799.	2928	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi
2800.	2929	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu
2801.	2930	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán
2802.	2931	Hỏi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi
2803.	2932	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim-màng phổi
2804.	2933	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da
2805.	2934	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái
2806.	2935	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật
2807.	2936	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng
2808.	2937	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
2809.	2938	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
2810.	2939	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da
2811.	2940	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở sàng hàm
2812.	2941	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da
2813.	2942	Hỏi sức phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt
2814.	2943	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc
2815.	2944	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc
2816.	2945	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng
2817.	2946	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng
2818.	2947	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy
2819.	2948	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng
2820.	2949	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng
2821.	2950	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng
2822.	2951	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng
2823.	2952	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng
2824.	2953	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang
2825.	2954	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non
2826.	2955	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng
2827.	2956	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi
2828.	2957	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng
2829.	2958	Hỏi sức phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung
2830.	2959	Hỏi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán

2831.	2960	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
2832.	2961	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận
2833.	2962	Hồi sức phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy
2834.	2963	Hồi sức phẫu thuật nội soi phá thông sản não thất III
2835.	2964	Hồi sức phẫu thuật nội soi phá thông sản não thất và sinh thiết u não thất
2836.	2965	Hồi sức phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh
2837.	2966	Hồi sức phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng
2838.	2967	Hồi sức phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng
2839.	2968	Hồi sức phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày
2840.	2969	Hồi sức phẫu thuật nội soi Robotigae
2841.	2970	Hồi sức phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
2842.	2971	Hồi sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
2843.	2972	Hồi sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
2844.	2973	Hồi sức phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
2845.	2974	Hồi sức phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất
2846.	2975	Hồi sức phẫu thuật nội soi sửa van hai lá
2847.	2976	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau
2848.	2977	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)
2849.	2978	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng
2850.	2979	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu
2851.	2980	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)
2852.	2981	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn
2853.	2982	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau
2854.	2983	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
2855.	2984	Hồi sức phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
2856.	2985	Hồi sức phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO
2857.	2986	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình cống não
2858.	2987	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
2859.	2988	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình mỏm cùng vai (Arthroscopic Subacromial Decompression)
2860.	2989	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
2861.	2990	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor
2862.	2991	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
2863.	2992	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen
2864.	2993	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet
2865.	2994	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản

2866.	2995	Hỏi sức phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan
2867.	2996	Hỏi sức phẫu thuật nội soi thắt động mạch hãm trong
2868.	2997	Hỏi sức phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trị dò bạch huyết)
2869.	2998	Hỏi sức phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ
2870.	2999	Hỏi sức phẫu thuật nội soi thay van hai lá
2871.	3000	Hỏi sức phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận
2872.	3001	Hỏi sức phẫu thuật nội soi tùy sống
2873.	3002	Hỏi sức phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
2874.	3003	Hỏi sức phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai
2875.	3004	Hỏi sức phẫu thuật nội soi u mạc treo
2876.	3005	Hỏi sức phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
2877.	3006	Hỏi sức phẫu thuật nội soi vết hạch tiểu khung
2878.	3007	Hỏi sức phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
2879.	3008	Hỏi sức phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa
2880.	3009	Hỏi sức phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng
2881.	3010	Hỏi sức phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
2882.	3011	Hỏi sức phẫu thuật nội soi xé sa lổ lỗ niệu quản
2883.	3012	Hỏi sức phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán
2884.	3013	Hỏi sức phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
2885.	3014	Hỏi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng
2886.	3015	Hỏi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non
2887.	3016	Hỏi sức phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
2888.	3017	Hỏi sức phẫu thuật nối tụy ruột
2889.	3018	Hỏi sức phẫu thuật nối vị tràng
2890.	3019	Hỏi sức phẫu thuật nối vòi tử cung
2891.	3020	Hỏi sức phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập
2892.	3021	Hỏi sức phẫu thuật nong niệu đạo
2893.	3022	Hỏi sức phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lồng ngực bẩm sinh (VATS)
2894.	3023	Hỏi sức phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em
2895.	3024	Hỏi sức phẫu thuật quặm bẩm sinh
2896.	3025	Hỏi sức phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)
2897.	3026	Hỏi sức phẫu thuật sa sinh dục
2898.	3027	Hỏi sức phẫu thuật tạo hình âm đạo + tăng sinh môn
2899.	3028	Hỏi sức phẫu thuật tháo lồng ruột
2900.	3029	Hỏi sức phẫu thuật ứ máu kinh
2901.	3030	Hỏi sức phẫu thuật vá da tạo hình mí
2902.	3031	Hỏi sức phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mí cầu

2903.	3032	Hồi sức phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)
2904.	3034	Hồi sức phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai
2905.	3035	Hồi sức rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa
2906.	3036	Hồi sức tán sỏi qua da bằng laser
2907.	3037	Hồi sức tán sỏi qua da bằng siêu âm
2908.	3038	Hồi sức tán sỏi qua da bằng xung hơi
2909.	3039	Hồi sức tán sỏi thận qua da
2910.	3041	Hồi sức trung phẫu ngực ở trẻ em
		D. GÂY TẾ
2911.	3042	Gây tê áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt trẻ em
2912.	3043	Gây tê áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc trẻ em
2913.	3044	Gây tê bóc nội mạc động mạch cảnh
2914.	3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ
2915.	3046	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP
2916.	3047	Gây tê nội soi buồng tử cung can thiệp
2917.	3048	Gây tê nội soi buồng tử cung chẩn đoán
2918.	3049	Gây tê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung
2919.	3050	Gây tê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung
2920.	3051	Gây tê nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
2921.	3052	Gây tê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản
2922.	3053	Gây tê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản
2923.	3054	Gây tê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
2924.	3055	Gây tê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
2925.	3056	Gây tê nội soi nối vòi tử cung
2926.	3057	Gây tê nội soi nong hẹp thực quản
2927.	3058	Gây tê nội soi nong niệu quản hẹp
2928.	3059	Gây tê nội soi ổ bụng chẩn đoán
2929.	3060	Gây tê nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)
2930.	3061	Gây tê nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán
2931.	3062	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản
2932.	3063	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
2933.	3064	Gây tê nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ
2934.	3065	Gây tê nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận
2935.	3066	Gây tê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
2936.	3067	Gây tê nội soi xé hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản
2937.	3068	Gây tê nội soi xé lỗ niệu quản lấy sỏi
2938.	3069	Gây tê phẫu thuật áp xe dưới màng tụy
2939.	3070	Gây tê phẫu thuật áp xe gan
2940.	3071	Gây tê phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ
2941.	3072	Gây tê phẫu thuật áp xe não
2942.	3073	Gây tê phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng
2943.	3081	Gây tê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lõm

2944.	3082	Gây tê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	
2945.	3083	Gây tê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	
2946.	3084	Gây tê phẫu thuật bàn chân thường	
2947.	3085	Gây tê phẫu thuật bảng quang lộ ngoài bằng nổi bằng quang với trục trắng theo Duhamel	
2948.	3086	Gây tê phẫu thuật bảo tồn	
2949.	3087	Gây tê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	
2950.	3088	Gây tê phẫu thuật bệnh lý van hai lá trẻ em	
2951.	3089	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	
2952.	3090	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối	
2953.	3091	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	
2954.	3092	Gây tê phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh không tim có và không tuần hoàn ngoài cơ thể của trẻ em	
2955.	3093	Gây tê phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non	
2956.	3094	Gây tê phẫu thuật bóc bao áp xe não	
2957.	3095	Gây tê phẫu thuật bóc biểu mô GM (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik	
2958.	3096	Gây tê phẫu thuật bóc kén màng phổi (như mô phổi)	
2959.	3097	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ từ cung	
2960.	3098	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ vù	
2961.	3099	Gây tê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	
2962.	3100	Gây tê phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM	
2963.	3101	Gây tê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	
2964.	3102	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc tái phát	
2965.	3103	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính diễn	
2966.	3104	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù	
2967.	3105	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	
2968.	3106	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	
2969.	3107	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	
2970.	3108	Gây tê phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	
2971.	3109	Gây tê phẫu thuật bướu cổ	
2972.	3110	Gây tê phẫu thuật bướu tinh hoàn	
2973.	3111	Gây tê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới	
2974.	3112	Gây tê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	
2975.	3113	Gây tê phẫu thuật cầm niệu quản vào bàng quang	
2976.	3114	Gây tê phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thủy phổi hoặc phân thủy phổi	
2977.	3115	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	

2978.	3116	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng
2979.	3117	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
2980.	3118	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thòng
2981.	3119	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ
2982.	3120	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
2983.	3121	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
2984.	3122	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
2985.	3123	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
2986.	3124	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow
2987.	3125	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp khổng lồ
2988.	3126	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân
2989.	3127	Gây tê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên
2990.	3128	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ + vết hạch trên bệnh nhân K âm hộ
2991.	3129	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần
2992.	3130	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vết hạch bên hai bên
2993.	3131	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn
2994.	3132	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em
2995.	3133	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
2996.	3134	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân
2997.	3135	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
2998.	3136	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân
2999.	3137	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hạch vùng đầu mặt cổ
3000.	3138	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột
3001.	3139	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang
3002.	3140	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
3003.	3141	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang
3004.	3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài
3005.	3143	Gây tê phẫu thuật cắt bẻ cụt giác mạc (Trabeculectomy)
3006.	3144	Gây tê phẫu thuật cắt bẻ sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất anti VEGF

3007.	3145	Gây tê phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mổ D2 tá tràng
3008.	3146	Gây tê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên
3009.	3147	Gây tê phẫu thuật cắt bướu thông hỗ trợ qua nội soi
3010.	3148	Gây tê phẫu thuật cắt các khối u ở phổi
3011.	3149	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
3012.	3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
3013.	3151	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
3014.	3152	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
3015.	3153	Gây tê phẫu thuật cắt cháp có bọc
3016.	3154	Gây tê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình
3017.	3155	Gây tê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình, vét hạch cổ
3018.	3156	Gây tê phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư
3019.	3157	Gây tê phẫu thuật cắt chòm nang gan
3020.	3158	Gây tê phẫu thuật cắt cổ bàng quang
3021.	3159	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mí điều trị hờ mí
3022.	3160	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller
3023.	3161	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo
3024.	3162	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo
3025.	3163	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng
3026.	3164	Gây tê phẫu thuật cắt cột tủy sống điều trị chứng đau thần kinh
3027.	3165	Gây tê phẫu thuật cắt cùng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
3028.	3166	Gây tê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
3029.	3167	Gây tê phẫu thuật cắt cụt chi
3030.	3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
3031.	3169	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực
3032.	3170	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm
3033.	3171	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt
3034.	3172	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương
3035.	3173	Gây tê phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo
3036.	3174	Gây tê phẫu thuật cắt đoạn chi
3037.	3175	Gây tê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tụy
3038.	3176	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ
3039.	3177	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới
3040.	3178	Gây tê phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận

3041.	3179	Gây tê phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ
3042.	3180	Gây tê phẫu thuật cắt hạ họng thanh quản toàn phần
3043.	3181	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn
3044.	3182	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
3045.	3183	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
3046.	3184	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn
3047.	3185	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
3048.	3186	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn
3049.	3187	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
3050.	3188	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn
3051.	3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm
3052.	3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt
3053.	3191	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm
3054.	3192	Gây tê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái
3055.	3193	Gây tê phẫu thuật cắt lách bán phần
3056.	3194	Gây tê phẫu thuật cắt lách bệnh lý
3057.	3195	Gây tê phẫu thuật cắt lách do chấn thương
3058.	3196	Gây tê phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe
3059.	3197	Gây tê phẫu thuật cắt lại dạ dày
3060.	3198	Gây tê phẫu thuật cắt loét da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể
3061.	3199	Gây tê phẫu thuật cắt loét da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
3062.	3200	Gây tê phẫu thuật cắt loét da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể
3063.	3201	Gây tê phẫu thuật cắt loét đơn thuần vết thương bàn tay
3064.	3202	Gây tê phẫu thuật cắt loét nhu mô gan
3065.	3203	Gây tê phẫu thuật cắt loét vết thương gãy xương hở, nằm chỉnh và cố định tạm thời
3066.	3204	Gây tê phẫu thuật cắt lõi xương
3067.	3205	Gây tê phẫu thuật cắt mạc nối lớn
3068.	3206	Gây tê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc
3069.	3207	Gây tê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng
3070.	3208	Gây tê phẫu thuật cắt màng tim rộng
3071.	3209	Gây tê phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
3072.	3210	Gây tê phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
3073.	3211	Gây tê phẫu thuật cắt mào tinh
3074.	3212	Gây tê phẫu thuật cắt môm thừa trực tràng

3075.	3213	Gây tê phẫu thuật cắt móng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
3076.	3214	Gây tê phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư
3077.	3215	Gây tê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang
3078.	3216	Gây tê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
3079.	3217	Gây tê phẫu thuật cắt một phần bán sống trong hẹp ống sống cổ
3080.	3218	Gây tê phẫu thuật cắt một phần tụy
3081.	3219	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
3082.	3220	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang
3083.	3221	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
3084.	3222	Gây tê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới
3085.	3223	Gây tê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên
3086.	3224	Gây tê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ
3087.	3225	Gây tê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hồng tràng
3088.	3226	Gây tê phẫu thuật cắt nang tụy
3089.	3227	Gây tê phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái
3090.	3228	Gây tê phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
3091.	3229	Gây tê phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non
3092.	3230	Gây tê phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thủy
3093.	3231	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau
3094.	3232	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước
3095.	3233	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu quản
3096.	3234	Gây tê phẫu thuật cắt nối thực quản
3097.	3235	Gây tê phẫu thuật cắt novri sắc tổ vùng hàm mặt
3098.	3236	Gây tê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bàng đoạn ruột
3099.	3237	Gây tê phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vét hạch
3100.	3238	Gây tê phẫu thuật cắt nửa xương hàm trên hoặc dưới
3101.	3239	Gây tê phẫu thuật cắt ống động mạch
3102.	3240	Gây tê phẫu thuật cắt phân thủy gan
3103.	3241	Gây tê phẫu thuật cắt phân thủy gan, thủy gan
3104.	3242	Gây tê phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương
3105.	3243	Gây tê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung
3106.	3244	Gây tê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau
3107.	3245	Gây tê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo
3108.	3246	Gây tê phẫu thuật cắt polyp mũi
3109.	3247	Gây tê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú
3110.	3248	Gây tê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo
3111.	3249	Gây tê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm
3112.	3250	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần

3113.	3251	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi
3114.	3252	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp-xe
3115.	3253	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
3116.	3254	Gây tê phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cắt đại tràng
3117.	3255	Gây tê phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy
3118.	3256	Gây tê phẫu thuật cắt thận
3119.	3257	Gây tê phẫu thuật cắt thận bán phần
3120.	3258	Gây tê phẫu thuật cắt thận đơn thuần
3121.	3259	Gây tê phẫu thuật cắt thân dưới tụy kèm cắt lách
3122.	3260	Gây tê phẫu thuật cắt thân kinh X chọn lọc
3123.	3261	Gây tê phẫu thuật cắt thân kinh X siêu chọn lọc
3124.	3262	Gây tê phẫu thuật cắt thân kinh X toàn bộ
3125.	3263	Gây tê phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi
3126.	3264	Gây tê phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ
3127.	3265	Gây tê phẫu thuật cắt thân và đuôi tụy
3128.	3266	Gây tê phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ
3129.	3267	Gây tê phẫu thuật cắt thể Morgani xoắn
3130.	3268	Gây tê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
3131.	3269	Gây tê phẫu thuật cắt thị thần kinh
3132.	3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần
3133.	3271	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình thực quản
3134.	3272	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non
3135.	3273	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, hạ họng, thanh quản
3136.	3274	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực
3137.	3275	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ
3138.	3276	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực
3139.	3277	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ
3140.	3278	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực
3141.	3280	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng vi phẫu)
3142.	3281	Gây tê phẫu thuật cắt thủy gan trái
3143.	3282	Gây tê phẫu thuật cắt thủy gan trái, phải do ung thư
3144.	3283	Gây tê phẫu thuật cắt thủy hoặc phần thủy phổi do ung thư
3145.	3284	Gây tê phẫu thuật cắt thủy phổi, phần phổi còn lại

3146.	3285	Gây tê phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp
3147.	3286	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
3148.	3287	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn
3149.	3288	Gây tê phẫu thuật cắt tinh mạc
3150.	3289	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey
3151.	3290	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.
3152.	3291	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cấm niệu quản vào ruột
3153.	3292	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày
3154.	3293	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng
3155.	3294	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng
3156.	3295	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
3157.	3296	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
3158.	3298	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng
3159.	3299	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non
3160.	3300	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản
3161.	3301	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tụy
3162.	3302	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp
3163.	3303	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp
3164.	3304	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow
3165.	3305	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
3166.	3306	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
3167.	3307	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ
3168.	3308	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ
3169.	3309	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông
3170.	3310	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp
3171.	3311	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
3172.	3312	Gây tê phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư
3173.	3313	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
3174.	3314	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn
3175.	3315	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản
3176.	3316	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ
3177.	3317	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng
3178.	3318	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung
3179.	3319	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chứa trứng

3180.	3320	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung
3181.	3321	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung
3182.	3322	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung
3183.	3323	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung
3184.	3324	Gây tê phẫu thuật cắt tử lệ
3185.	3325	Gây tê phẫu thuật cắt tử mật
3186.	3326	Gây tê phẫu thuật cắt tử sa niệu quản
3187.	3327	Gây tê phẫu thuật cắt tử thừa đại tràng
3188.	3328	Gây tê phẫu thuật cắt tử thừa Meckel
3189.	3329	Gây tê phẫu thuật cắt tử thừa niệu đạo
3190.	3330	Gây tê phẫu thuật cắt tử thừa tá tràng
3191.	3331	Gây tê phẫu thuật cắt tử thừa thực quản cổ
3192.	3332	Gây tê phẫu thuật cắt tử thừa thực quản ngực
3193.	3333	Gây tê phẫu thuật cắt tụy trung tâm
3194.	3334	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp
3195.	3335	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính
3196.	3336	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
3197.	3337	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên
3198.	3338	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên
3199.	3339	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận
3200.	3340	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức
3201.	3341	Gây tê phẫu thuật cắt u bán phần sau
3202.	3342	Gây tê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên
3203.	3343	Gây tê phẫu thuật cắt u biểu bì
3204.	3344	Gây tê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng
3205.	3345	Gây tê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính
3206.	3346	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu
3207.	3347	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai
3208.	3348	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
3209.	3349	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
3210.	3350	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi không ghép
3211.	3351	Gây tê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mờ khí quản
3212.	3352	Gây tê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi
3213.	3353	Gây tê phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII
3214.	3354	Gây tê phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII
3215.	3360	Gây tê phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser
3216.	3361	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
3217.	3362	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
3218.	3363	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vó

3219.	3364	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
3220.	3365	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)
3221.	3366	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm
3222.	3367	Gây tê phẫu thuật cắt u lợi hàm
3223.	3368	Gây tê phẫu thuật cắt u lưỡi
3224.	3369	Gây tê phẫu thuật cắt u mạc nối lớn
3225.	3370	Gây tê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột
3226.	3371	Gây tê phẫu thuật cắt u màng tim
3227.	3372	Gây tê phẫu thuật cắt u máu tùy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ
3228.	3373	Gây tê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm
3229.	3374	Gây tê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm
3230.	3375	Gây tê phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền
3231.	3376	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cá bẻ dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
3232.	3377	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cá bẻ dày không ghép
3233.	3378	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cá bẻ dày không vá
3234.	3379	Gây tê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
3235.	3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
3236.	3381	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
3237.	3382	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch
3238.	3383	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn
3239.	3384	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng
3240.	3385	Gây tê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi
3241.	3386	Gây tê phẫu thuật cắt u nang giáp trạng
3242.	3387	Gây tê phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản
3243.	3388	Gây tê phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu
3244.	3389	Gây tê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser
3245.	3390	Gây tê phẫu thuật cắt u niêm mạc má
3246.	3391	Gây tê phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hồng tràng
3247.	3392	Gây tê phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
3248.	3393	Gây tê phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi
3249.	3394	Gây tê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt
3250.	3395	Gây tê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vết hạch
3251.	3396	Gây tê phẫu thuật cắt u sau phúc mạc
3252.	3397	Gây tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo
3253.	3398	Gây tê phẫu thuật cắt u tá tràng
3254.	3399	Gây tê phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương
3255.	3400	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt
3256.	3401	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh

3257.	3402	Gây tê phẫu thuật cắt u thành âm đạo
3258.	3403	Gây tê phẫu thuật cắt u thành ngực
3259.	3404	Gây tê phẫu thuật cắt u thực quản
3260.	3405	Gây tê phẫu thuật cắt u tiền phòng
3261.	3406	Gây tê phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
3262.	3407	Gây tê phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo
3263.	3408	Gây tê phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn
3264.	3409	Gây tê phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu
3265.	3410	Gây tê phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực
3266.	3411	Gây tê phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin
3267.	3412	Gây tê phẫu thuật cắt u tụy
3268.	3413	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm
3269.	3414	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai
3270.	3415	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận
3271.	3416	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên
3272.	3417	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên
3273.	3418	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ
3274.	3419	Gây tê phẫu thuật cắt u vú lành tính
3275.	3420	Gây tê phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới
3276.	3421	Gây tê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng
3277.	3422	Gây tê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm
3278.	3423	Gây tê phẫu thuật cắt u xương lành
3279.	3424	Gây tê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
3280.	3425	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vết hạch bẹn 2 bên
3281.	3426	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát
3282.	3427	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.
3283.	3428	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang
3284.	3429	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.
3285.	3430	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình
3286.	3431	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
3287.	3432	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
3288.	3433	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng ...
3289.	3434	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vật cơ da
3290.	3435	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vết hạch và tạo hình bằng vật từ xa
3291.	3436	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vết hạch cổ
3292.	3437	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm
3293.	3438	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
3294.	3439	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm

3295.	3440	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư thận
3296.	3441	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến
3297.	3442	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ
3298.	3443	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu
3299.	3444	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư túi mật
3300.	3445	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái
3301.	3446	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay
3302.	3447	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ
3303.	3448	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ
3304.	3449	Gây tê phẫu thuật cắt và thắt đường rò khí quản - thực quản
3305.	3450	Gây tê phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú
3306.	3451	Gây tê phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình
3307.	3452	Gây tê phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiết cân
3308.	3453	Gây tê phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ
3309.	3455	Gây tê phẫu thuật chấn thương sọ não
3310.	3456	Gây tê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ
3311.	3457	Gây tê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng
3312.	3458	Gây tê phẫu thuật chích áp xe gan
3313.	3459	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
3314.	3460	Gây tê phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống
3315.	3461	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật
3316.	3462	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật
3317.	3463	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ
3318.	3464	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm
3319.	3465	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên
3320.	3466	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên
3321.	3467	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên
3322.	3468	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên
3323.	3469	Gây tê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật
3324.	3470	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt dịch kính
3325.	3471	Gây tê phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
3326.	3472	Gây tê phẫu thuật chống khớp sọ, hẹp hộp sọ
3327.	3473	Gây tê phẫu thuật chữa ngoài dạ con vô
3328.	3474	Gây tê phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang
3329.	3475	Gây tê phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hờ mí (2 mắt)
3330.	3476	Gây tê phẫu thuật chuyển vật da cân có cuống mạch nuôi
3331.	3477	Gây tê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo củng đồ dưới
3332.	3478	Gây tê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy
3333.	3479	Gây tê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn
3334.	3480	Gây tê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính

3335.	3481	Gây tê phẫu thuật cố định kết hợp xương nếp vit gây thân xương cánh tay
3336.	3482	Gây tê phẫu thuật cố định màng sườn di động
3337.	3483	Gây tê phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ
3338.	3484	Gây tê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
3339.	3485	Gây tê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng
3340.	3486	Gây tê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực
3341.	3487	Gây tê phẫu thuật có sóc
3342.	3488	Gây tê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta
3343.	3489	Gây tê phẫu thuật đa chấn thương
3344.	3490	Gây tê phẫu thuật đại phẫu ngực ở trẻ em (các khối u trong lồng ngực, các bệnh lý bẩm sinh tim phổi...)
3345.	3491	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng
3346.	3492	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu 2 thận
3347.	3493	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu
3348.	3494	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan
3349.	3495	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
3350.	3496	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên
3351.	3497	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu thận
3352.	3498	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu túi mật
3353.	3499	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp
3354.	3500	Gây tê phẫu thuật đặt bán silicon điều trị lồi mắt
3355.	3501	Gây tê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
3356.	3502	Gây tê phẫu thuật đặt khung định vị u não
3357.	3503	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi
3358.	3504	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm
3359.	3505	Gây tê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)
3360.	3506	Gây tê phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi
3361.	3507	Gây tê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ bụng
3362.	3508	Gây tê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ ngực
3363.	3509	Gây tê phẫu thuật đặt stent động mạch đùi
3364.	3511	Gây tê phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lồi mắt
3365.	3512	Gây tê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
3366.	3513	Gây tê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
3367.	3514	Gây tê phẫu thuật dị dạng đường sinh dục
3368.	3515	Gây tê phẫu thuật dị dạng tử cung
3369.	3516	Gây tê phẫu thuật di thực hàng lông mi
3370.	3518	Gây tê phẫu thuật điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới
3371.	3521	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò sung
3372.	3522	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi
3373.	3523	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi – trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi

3374.	3524	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle
3375.	3526	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil
3376.	3527	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm
3377.	3528	Gây tê phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
3378.	3529	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương gò má
3379.	3530	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới
3380.	3531	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên
3381.	3532	Gây tê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa có chẹn và nổi mạch máu
3382.	3533	Gây tê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa không có nổi mạch máu
3383.	3534	Gây tê phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
3384.	3535	Gây tê phẫu thuật điều trị co giật mí, co quắp mí, cau mày, nếp nhăn da mí bằng thuốc (botox, dysport...), laser
3385.	3536	Gây tê phẫu thuật điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên
3386.	3537	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân
3387.	3538	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế
3388.	3539	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt
3389.	3540	Gây tê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
3390.	3541	Gây tê phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa
3391.	3542	Gây tê phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại
3392.	3543	Gây tê phẫu thuật điều trị hở mí
3393.	3544	Gây tê phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ
3394.	3545	Gây tê phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ
3395.	3546	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
3396.	3547	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
3397.	3548	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
3398.	3549	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên
3399.	3550	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên
3400.	3551	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên
3401.	3552	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên
3402.	3553	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt
3403.	3554	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ
3404.	3555	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ
3405.	3556	Gây tê phẫu thuật điều trị khuyết hồng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu
3406.	3557	Gây tê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
3407.	3558	Gây tê phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại
3408.	3559	Gây tê phẫu thuật điều trị lật mí dưới có hoặc không ghép

3409.	3560	Gây tê phẫu thuật điều trị một số bệnh vồng mạc bằng laser (bệnh vồng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
3410.	3561	Gây tê phẫu thuật điều trị phồng động mạch cánh
3411.	3562	Gây tê phẫu thuật điều trị phồng và giả phồng động mạch tạng
3412.	3563	Gây tê phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi
3413.	3564	Gây tê phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng
3414.	3565	Gây tê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn
3415.	3566	Gây tê phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser
3416.	3567	Gây tê phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao
3417.	3568	Gây tê phẫu thuật điều trị són tiểu
3418.	3569	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính
3419.	3570	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sỏi, dị vật
3420.	3571	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại
3421.	3572	Gây tê phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)
3422.	3573	Gây tê phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh
3423.	3574	Gây tê phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh
3424.	3575	Gây tê phẫu thuật điều trị teo thực quản
3425.	3577	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
3426.	3578	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
3427.	3579	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
3428.	3580	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
3429.	3581	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
3430.	3582	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
3431.	3583	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
3432.	3584	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
3433.	3585	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)
3434.	3586	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành
3435.	3587	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản
3436.	3588	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
3437.	3589	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng
3438.	3590	Gây tê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cánh
3439.	3591	Gây tê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi
3440.	3592	Gây tê phẫu thuật điều trị thực quản đôi
3441.	3593	Gây tê phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo
3442.	3594	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn bằng quang
3443.	3595	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn ruột
3444.	3596	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
3445.	3597	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
3446.	3598	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
3447.	3599	Gây tê phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser

3448.	3600	Gây tê phẫu thuật điều trị u máu bằng hóa chất
3449.	3601	Gây tê phẫu thuật điều trị vẹo cổ
3450.	3602	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân
3451.	3603	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vật có sử dụng vi phẫu thuật
3452.	3604	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống
3453.	3605	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận
3454.	3606	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ
3455.	3607	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng
3456.	3608	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
3457.	3609	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu
3458.	3610	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức
3459.	3611	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức
3460.	3612	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương tim
3461.	3613	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoá khí
3462.	3614	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
3463.	3615	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
3464.	3616	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm núm vú tẩm tím
3465.	3617	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát
3466.	3618	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến
3467.	3619	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng
3468.	3620	Gây tê phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực
3469.	3621	Gây tê phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương
3470.	3622	Gây tê phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
3471.	3623	Gây tê phẫu thuật đính khớp quay trụ bẩm sinh
3472.	3624	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
3473.	3625	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
3474.	3626	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
3475.	3627	Gây tê phẫu thuật Doenig
3476.	3628	Gây tê phẫu thuật độn cứng mạc bằng collagen điều trị cận thị
3477.	3629	Gây tê phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân
3478.	3630	Gây tê phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dẫn tĩnh mạch chân
3479.	3631	Gây tê phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo
3480.	3632	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)
3481.	3633	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp khác
3482.	3634	Gây tê phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên

3483.	3635	Gây tê phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tủy, bằng đường vào phía sau
3484.	3636	Gây tê phẫu thuật đóng đỉnh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sáng
3485.	3637	Gây tê phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo
3486.	3638	Gây tê phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim
3487.	3639	Gây tê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo
3488.	3647	Gây tê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tăng giữa nền sọ qua mỏ nắp sọ
3489.	3648	Gây tê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo
3490.	3649	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ
3491.	3650	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da
3492.	3651	Gây tê phẫu thuật động mạch chủ bụng
3493.	3652	Gây tê phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên có thay van động mạch chủ (PT Bental)
3494.	3653	Gây tê phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên
3495.	3654	Gây tê phẫu thuật đóng thông liên nhĩ
3496.	3655	Gây tê phẫu thuật đục chồi xương
3497.	3656	Gây tê phẫu thuật đục xương sửa trục
3498.	3657	Gây tê phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè
3499.	3658	Gây tê phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần
3500.	3659	Gây tê phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp
3501.	3660	Gây tê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
3502.	3661	Gây tê phẫu thuật Epicanthus
3503.	3662	Gây tê phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
3504.	3663	Gây tê phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
3505.	3664	Gây tê phẫu thuật gan- mật
3506.	3665	Gây tê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
3507.	3666	Gây tê phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não
3508.	3667	Gây tê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
3509.	3668	Gây tê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
3510.	3669	Gây tê phẫu thuật ghép củng mạc
3511.	3670	Gây tê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
3512.	3671	Gây tê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu
3513.	3672	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích $> 10\%$
3514.	3673	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích $< 5\%$
3515.	3674	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích 5-10%

3516.	3675	Gây tê phẫu thuật ghép da hay vật da điều trị hờ mí do sẹo
3517.	3676	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay
3518.	3677	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bông cơ thể
3519.	3678	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bông cơ thể
3520.	3679	Gây tê phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vì phẫu thuật
3521.	3680	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc
3522.	3681	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên
3523.	3682	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc lớp
3524.	3683	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo
3525.	3684	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc tự thân
3526.	3685	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc xuyên
3527.	3686	Gây tê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vì phẫu
3528.	3687	Gây tê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
3529.	3688	Gây tê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
3530.	3689	Gây tê phẫu thuật ghép mờ điều trị lồi mắt
3531.	3690	Gây tê phẫu thuật ghép mờ tự thân coleman điều trị lồi mắt
3532.	3691	Gây tê phẫu thuật ghép nội mô giác mạc
3533.	3694	Gây tê phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc
3534.	3695	Gây tê phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
3535.	3696	Gây tê phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)
3536.	3697	Gây tê phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ
3537.	3698	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)
3538.	3699	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
3539.	3700	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
3540.	3701	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vì phẫu
3541.	3702	Gây tê phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V
3542.	3703	Gây tê phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
3543.	3704	Gây tê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù
3544.	3705	Gây tê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
3545.	3706	Gây tê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
3546.	3707	Gây tê phẫu thuật hạ lại tình hoàn
3547.	3708	Gây tê phẫu thuật hạ mí trên (chính chỉ, lùi cơ nâng mí ...)
3548.	3709	Gây tê phẫu thuật hạ tình hoàn 1 bên
3549.	3710	Gây tê phẫu thuật hạ tình hoàn 2 bên
3550.	3711	Gây tê phẫu thuật hạ tình hoàn lạc chỗ 1 bên
3551.	3712	Gây tê phẫu thuật hạch ngoại biên

3552.	3713	Gây tê phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ
3553.	3714	Gây tê phẫu thuật hẹp khe mí
3554.	3715	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay
3555.	3716	Gây tê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ áp có kết hợp xương
3556.	3717	Gây tê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ gấp không kết hợp xương
3557.	3718	Gây tê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mí
3558.	3719	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II
3559.	3720	Gây tê phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành
3560.	3721	Gây tê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi
3561.	3722	Gây tê phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng
3562.	3723	Gây tê phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mũ dưới màng cứng
3563.	3724	Gây tê phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương
3564.	3725	Gây tê phẫu thuật KHX chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
3565.	3726	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân
3566.	3727	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
3567.	3728	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
3568.	3729	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế
3569.	3730	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế
3570.	3731	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chì thép
3571.	3732	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim
3572.	3733	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu
3573.	3734	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chì thép
3574.	3735	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
3575.	3736	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
3576.	3737	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chì thép
3577.	3738	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim
3578.	3739	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu
3579.	3740	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép
3580.	3741	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
3581.	3742	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu

3582.	3743	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay
3583.	3744	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
3584.	3745	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày
3585.	3746	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối
3586.	3747	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
3587.	3748	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay
3588.	3749	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy cổ chân
3589.	3750	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
3590.	3751	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
3591.	3752	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
3592.	3753	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy đai quay (Gãy cổ xương quay)
3593.	3754	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy đai quay phức tạp
3594.	3755	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy đai quay
3595.	3756	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
3596.	3757	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
3597.	3758	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay
3598.	3759	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lõi cầu xương đùi
3599.	3760	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân
3600.	3761	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay
3601.	3762	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lõi cầu xương đùi
3602.	3763	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay
3603.	3764	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay
3604.	3765	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay
3605.	3766	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy hở liên lõi cầu xương cánh tay
3606.	3767	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi
3607.	3768	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu
3608.	3769	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy liên lõi cầu xương cánh tay
3609.	3770	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi
3610.	3771	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy lõi cầu ngoài xương cánh tay
3611.	3772	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy lõi cầu ngoài xương đùi
3612.	3773	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy lõi cầu trong xương đùi
3613.	3774	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy lõi cầu xương bàn và ngón tay
3614.	3775	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy lõi cầu xương khớp ngón tay
3615.	3776	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
3616.	3777	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
3617.	3778	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
3618.	3779	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
3619.	3780	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài
3620.	3781	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong
3621.	3782	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp
3622.	3783	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu
3623.	3784	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy Monteggia
3624.	3785	Gãy tẻ phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)

3625.	3786	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
3626.	3787	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
3627.	3788	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần
3628.	3789	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
3629.	3790	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy phức tạp chòm xương đùi – trật hạng
3630.	3791	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu
3631.	3792	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy Pilon
3632.	3793	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay
3633.	3794	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương
3634.	3795	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân
3635.	3796	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay
3636.	3797	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay
3637.	3798	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân
3638.	3799	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay
3639.	3800	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
3640.	3801	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp
3641.	3802	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân xương chày
3642.	3803	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp
3643.	3804	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi
3644.	3805	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay
3645.	3806	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi
3646.	3807	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân
3647.	3808	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em
3648.	3809	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay
3649.	3810	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trật xương gót
3650.	3811	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trật xương sên
3651.	3812	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trên lõi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
3652.	3813	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trên lõi cầu xương cánh tay
3653.	3814	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trên lõi cầu xương đùi
3654.	3815	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy trên và liên lõi cầu xương đùi
3655.	3816	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương bả vai
3656.	3817	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp
3657.	3818	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý
3658.	3819	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương đòn
3659.	3820	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay
3660.	3821	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân
3661.	3822	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương gót
3662.	3823	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần
3663.	3824	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
3664.	3825	Gãy tê phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp
3665.	3826	Gãy tê phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
3666.	3827	Gãy tê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn

3667.	3828	Gây tê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
3668.	3829	Gây tê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
3669.	3830	Gây tê phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)
3670.	3831	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân
3671.	3832	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
3672.	3833	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn
3673.	3834	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên
3674.	3835	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
3675.	3836	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
3676.	3837	Gây tê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm dính xương, nẹp vít, ốc, khóa)
3677.	3838	Gây tê phẫu thuật lác có chinh chỉ
3678.	3839	Gây tê phẫu thuật lác người lớn
3679.	3840	Gây tê phẫu thuật lác phức tạp (dị thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)
3680.	3841	Gây tê phẫu thuật lác thông thường
3681.	3842	Gây tê phẫu thuật lách hoặc tụy
3682.	3843	Gây tê phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo
3683.	3844	Gây tê phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh
3684.	3845	Gây tê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật
3685.	3846	Gây tê phẫu thuật lại ung thư, gờ dính.
3686.	3847	Gây tê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em
3687.	3848	Gây tê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo
3688.	3849	Gây tê phẫu thuật làm hẹp khe mí, rút ngắn dây chằng mí ngoài, mí trong điều trị hờ mí do liệt dây VII
3689.	3850	Gây tê phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình
3690.	3851	Gây tê phẫu thuật làm thẳng dương vật
3691.	3852	Gây tê phẫu thuật lạnh đông điều trị K vồng mạc
3692.	3853	Gây tê phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong vồng mạc
3693.	3854	Gây tê phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)
3694.	3855	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u máu mí, kết mạc, hốc mắt
3695.	3856	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào vồng mạc
3696.	3857	Gây tê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
3697.	3858	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
3698.	3859	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
3699.	3860	Gây tê phẫu thuật laser mở bao sau đục
3700.	3861	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ chòm quay
3701.	3862	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da
3702.	3863	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ lõi cầu xương hàm dưới gãy
3703.	3864	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow
3704.	3865	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim
3705.	3866	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương

3706.	3867	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân dải tháo đường
3707.	3868	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh
3708.	3869	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu
3709.	3870	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản
3710.	3871	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELP
3711.	3872	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi
3712.	3873	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus
3713.	3874	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non
3714.	3875	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược
3715.	3876	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu
3716.	3877	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu
3717.	3878	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu
3718.	3879	Gây tế phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng
3719.	3880	Gây tế phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium
3720.	3881	Gây tế phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương
3721.	3882	Gây tế phẫu thuật lấy da mí sa (mí trên, mí dưới, 2 mí) có hoặc không lấy mỡ dưới da mí
3722.	3883	Gây tế phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo
3723.	3884	Gây tế phẫu thuật lấy da tạng từ người chết não
3724.	3885	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu
3725.	3886	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt
3726.	3887	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm
3727.	3888	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi
3728.	3889	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng
3729.	3890	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ
3730.	3891	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực
3731.	3892	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng
3732.	3893	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc
3733.	3894	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật trực tràng
3734.	3895	Gây tế phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
3735.	3896	Gây tế phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)
3736.	3897	Gây tế phẫu thuật lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn
3737.	3898	Gây tế phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non
3738.	3899	Gây tế phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên
3739.	3900	Gây tế phẫu thuật lấy hạch cuống gan
3740.	3901	Gây tế phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa
3741.	3902	Gây tế phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ
3742.	3903	Gây tế phẫu thuật lấy máu tụ bao gan
3743.	3904	Gây tế phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính

3744.	3905	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
3745.	3906	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
3746.	3907	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
3747.	3908	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất
3748.	3909	Gây tê phẫu thuật lấy mỡ mí mắt trên, dưới và tạo hình 2 mí
3749.	3910	Gây tê phẫu thuật lấy nhân ở tủy (đi căn tủy, u tủy)
3750.	3911	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
3751.	3912	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang
3752.	3913	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang
3753.	3914	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng
3754.	3915	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mờ bể thận trong xoang
3755.	3916	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mờ bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
3756.	3917	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận
3757.	3918	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo
3758.	3919	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
3759.	3920	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần
3760.	3921	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
3761.	3922	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
3762.	3923	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật
3763.	3924	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng
3764.	3925	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm
3765.	3926	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt
3766.	3927	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận
3767.	3928	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang
3768.	3929	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận
3769.	3930	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng
3770.	3931	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hồng trắng
3771.	3932	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
3772.	3933	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
3773.	3934	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
3774.	3935	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
3775.	3936	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất
3776.	3937	Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng
3777.	3938	Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)
3778.	3939	Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu
3779.	3940	Gây tê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
3780.	3941	Gây tê phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu

3781.	3942	Gây tê phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy
3782.	3943	Gây tê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
3783.	3944	Gây tê phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
3784.	3945	Gây tê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
3785.	3946	Gây tê phẫu thuật lấy u cơ, xơ...thực quản đường cổ hoặc đường bụng
3786.	3947	Gây tê phẫu thuật lấy u cơ, xơ...thực quản đường ngực
3787.	3948	Gây tê phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)
3788.	3949	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo rửa điều trị viêm xương hàm
3789.	3950	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
3790.	3951	Gây tê phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao
3791.	3952	Gây tê phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi
3792.	3953	Gây tê phẫu thuật loại 3
3793.	3954	Gây tê phẫu thuật loạn sản tổ chức tiền thiên không lồ (u quái khổng lồ)
3794.	3955	Gây tê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột
3795.	3956	Gây tê phẫu thuật lùi cơ nâng mí
3796.	3957	Gây tê phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)
3797.	3958	Gây tê phẫu thuật mắt ở trẻ em
3798.	3959	Gây tê phẫu thuật milless
3799.	3960	Gây tê phẫu thuật mở bao sau
3800.	3961	Gây tê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser
3801.	3962	Gây tê phẫu thuật mở bì có hoặc không cắt bì
3802.	3963	Gây tê phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung
3803.	3964	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò
3804.	3965	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
3805.	3966	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết
3806.	3967	Gây tê phẫu thuật mở cơ môn vị
3807.	3968	Gây tê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong
3808.	3969	Gây tê phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ môm khớp dưới
3809.	3970	Gây tê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương
3810.	3971	Gây tê phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ
3811.	3972	Gây tê phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
3812.	3973	Gây tê phẫu thuật mở góc tiền phòng
3813.	3974	Gây tê phẫu thuật mở hồng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thăm sát chẩn đoán
3814.	3975	Gây tê phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết
3815.	3976	Gây tê phẫu thuật mở màng phổi tối đa
3816.	3977	Gây tê phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
3817.	3978	Gây tê phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương

3818.	3979	Gây tê phẫu thuật mở ngực thăm dò
3819.	3980	Gây tê phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi
3820.	3981	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
3821.	3982	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
3822.	3983	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
3823.	3984	Gây tê phẫu thuật mở rộng điểm lệ
3824.	3985	Gây tê phẫu thuật mở rộng khe mí
3825.	3986	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ
3826.	3987	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo
3827.	3988	Gây tê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)
3828.	3989	Gây tê phẫu thuật mở thông dạ dày
3829.	3990	Gây tê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần
3830.	3991	Gây tê phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Gây tê phẫu thuật mở thông hồi tràng
3831.	3992	Gây tê phẫu thuật mở thông túi mật
3832.	3993	Gây tê phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
3833.	3994	Gây tê phẫu thuật mống có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
3834.	3995	Gây tê phẫu thuật mống có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
3835.	3996	Gây tê phẫu thuật mống đơn thuần
3836.	3997	Gây tê phẫu thuật mức nội nhãn
3837.	3998	Gây tê phẫu thuật nâng sản hốc mắt
3838.	3999	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch cổ
3839.	4000	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch D1
3840.	4001	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch D2
3841.	4002	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch D3
3842.	4003	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch D4
3843.	4004	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch trung thất
3844.	4005	Gây tê phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt
3845.	4006	Gây tê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
3846.	4007	Gây tê phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y
3847.	4008	Gây tê phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày
3848.	4009	Gây tê phẫu thuật nối kẹp ống động mạch
3849.	4010	Gây tê phẫu thuật nối mật ruột bên - bên
3850.	4011	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày
3851.	4012	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với hồng tràng
3852.	4013	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng

3853.	4014	Gây tê phẫu thuật nổi ngà ba đường mặt hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng
3854.	4015	Gây tê phẫu thuật nổi niệu quản - đài thận
3855.	4016	Gây tê phẫu thuật nổi ống dẫn tinh sau phẫu thuật đỉnh sản
3856.	4017	Gây tê phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi
3857.	4018	Gây tê phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy
3858.	4019	Gây tê phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
3859.	4020	Gây tê phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi
3860.	4021	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung
3861.	4022	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
3862.	4023	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
3863.	4024	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn
3864.	4025	Gây tê phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản
3865.	4026	Gây tê phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang
3866.	4027	Gây tê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật
3867.	4028	Gây tê phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ
3868.	4029	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi
3869.	4030	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy phổi
3870.	4031	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp
3871.	4032	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
3872.	4033	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
3873.	4034	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp
3874.	4035	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
3875.	4036	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
3876.	4037	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
3877.	4038	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp
3878.	4039	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
3879.	4040	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
3880.	4041	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp
3881.	4042	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1
3882.	4043	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 α
3883.	4044	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 β
3884.	4045	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2
3885.	4046	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3
3886.	4047	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương
3887.	4048	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán sống giải ép trong hẹp ống sống lưng
3888.	4049	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên
3889.	4050	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên
3890.	4051	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ
3891.	4052	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi

3892.	4053	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt chòm nang gan
3893.	4054	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt chòm nang thận sau phúc mạc
3894.	4055	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
3895.	4056	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
3896.	4057	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
3897.	4058	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
3898.	4059	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị
3899.	4060	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản
3900.	4061	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình
3901.	4062	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày kiểu tay áo
3902.	4063	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông
3903.	4064	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang
3904.	4065	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng
3905.	4066	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải
3906.	4067	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái
3907.	4068	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhĩ đầu
3908.	4069	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng
3909.	4070	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nổi tay
3910.	4071	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng
3911.	4072	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng
3912.	4073	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non
3913.	4074	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng
3914.	4075	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm cổ (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
3915.	4076	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)
3916.	4077	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thắt lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)
3917.	4078	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa
3918.	4079	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy I
3919.	4080	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy II
3920.	4081	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy III
3921.	4082	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy IV
3922.	4083	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy IVA
3923.	4084	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy IVB
3924.	4085	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy IV-V
3925.	4086	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy V
3926.	4087	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy VI
3927.	4088	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy VII
3928.	4089	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy VIII
3929.	4090	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thủy VII-VIII

3930.	4091	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII
3931.	4092	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI
3932.	4093	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình
3933.	4094	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan phải
3934.	4095	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau
3935.	4096	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước
3936.	4097	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải
3937.	4098	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái
3938.	4099	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gân toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.
3939.	4100	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan trái
3940.	4101	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm
3941.	4102	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gan và đường mật
3942.	4103	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU
3943.	4104	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm
3944.	4105	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)
3945.	4106	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng (Arthroscopic Synovectomy of the hip)
3946.	4107	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)
3947.	4108	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi
3948.	4109	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy
3949.	4110	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần
3950.	4111	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ
3951.	4112	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lách
3952.	4113	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái (Arthroscopy of the First Metatarsophalangeal Joint)
3953.	4114	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối (Debridement of Articular Cartilage in the Knee)
3954.	4115	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử
3955.	4116	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim (điều trị tràn dịch màng ngoài tim)
3956.	4117	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt manh tràng
3957.	4118	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt máu răng C2 (mòm nha) qua miệng
3958.	4119	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt mòm ruột thừa
3959.	4120	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật
3960.	4121	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang lách
3961.	4122	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột
3962.	4123	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hỗng tràng
3963.	4124	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x
3964.	4125	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang trung thất
3965.	4126	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang tụy

3966.	4127	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận
3967.	4128	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp
3968.	4129	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp
3969.	4130	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nối phình động mạch chủ bụng
3970.	4131	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)
3971.	4132	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ họng
3972.	4133	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng
3973.	4134	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng
3974.	4135	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
3975.	4136	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)
3976.	4137	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần
3977.	4138	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản
3978.	4139	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận dư số
3979.	4140	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc
3980.	4141	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X
3981.	4142	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc
3982.	4143	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy + cắt lách
3983.	4144	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy
3984.	4145	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản
3985.	4152	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến
3986.	4153	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn
3987.	4154	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày
3988.	4155	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2
3989.	4156	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách
3990.	4157	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2
3991.	4158	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng
3992.	4159	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung
3993.	4160	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách
3994.	4161	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy
3995.	4162	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên
3996.	4163	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân
3997.	4164	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc
3998.	4165	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.
3999.	4166	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp
4000.	4167	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp
4001.	4168	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng móm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo
4002.	4169	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn

4003.	4170	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tăng sinh môn
4004.	4171	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung
4005.	4172	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi mật
4006.	4173	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh
4007.	4174	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang
4008.	4175	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng
4009.	4176	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
4010.	4177	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng
4011.	4178	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản
4012.	4179	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp
4013.	4180	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận
4014.	4181	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức
4015.	4182	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng
4016.	4183	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng
4017.	4184	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung
4018.	4185	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời
4019.	4186	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)
4020.	4187	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u lành thực quản ngực phải
4021.	4188	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non
4022.	4189	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột
4023.	4190	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u màng tim
4024.	4191	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim
4025.	4192	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng
4026.	4193	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u OMC
4027.	4194	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
4028.	4195	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
4029.	4196	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
4030.	4197	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u thực quản
4031.	4198	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
4032.	4199	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin
4033.	4200	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tụy
4034.	4201	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên
4035.	4202	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên
4036.	4203	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức
4037.	4204	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
4038.	4205	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em
4039.	4206	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thoát lồng ngực)
4040.	4207	Gây tê phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực
4041.	4208	Gây tê phẫu thuật nội soi chữa ngoài tử cung

4042.	4209	Gây tê phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo
4043.	4210	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị ...)
4044.	4211	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
4045.	4212	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
4046.	4213	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
4047.	4214	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan
4048.	4215	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu
4049.	4216	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy
4050.	4217	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm
4051.	4218	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim
4052.	4219	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy
4053.	4220	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc
4054.	4221	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới ngà tiền phúc mạc (TEP)
4055.	4222	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)
4056.	4223	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc
4057.	4224	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày
4058.	4226	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa
4059.	4227	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan
4060.	4228	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
4061.	4229	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)
4062.	4230	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa
4063.	4231	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khuỷu (Arthroscopic Fracture Management in the Elbow)
4064.	4232	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phi đại
4065.	4233	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chòm xương đùi bằng ghép sụn xương
4066.	4234	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
4067.	4235	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh
4068.	4236	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet
4069.	4237	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai
4070.	4238	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi
4071.	4239	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
4072.	4240	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị ổ cận màng phổi
4073.	4241	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận
4074.	4242	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối
4075.	4243	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau
4076.	4244	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
4077.	4245	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
4078.	4246	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ

4079.	4247	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
4080.	4248	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x
4081.	4249	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ
4082.	4250	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn
4083.	4251	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác
4084.	4252	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản
4085.	4253	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm cơ rút khớp vai
4086.	4254	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
4087.	4255	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị viêm móm trên lõi cầu ngoài
4088.	4256	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh
4089.	4257	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
4090.	4258	Gây tê phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu
4091.	4259	Gây tê phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
4092.	4261	Gây tê phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.
4093.	4262	Gây tê phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn
4094.	4263	Gây tê phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi
4095.	4264	Gây tê phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
4096.	4265	Gây tê phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm
4097.	4266	Gây tê phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân
4098.	4267	Gây tê phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt
4099.	4268	Gây tê phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ
4100.	4269	Gây tê phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay
4101.	4270	Gây tê phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
4102.	4271	Gây tê phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
4103.	4272	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi
4104.	4273	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
4105.	4274	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mũ màng phổi
4106.	4275	Gây tê phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
4107.	4276	Gây tê phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
4108.	4277	Gây tê phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)
4109.	4278	Gây tê phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản
4110.	4279	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất
4111.	4280	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim
4112.	4281	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng
4113.	4282	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối x
4114.	4283	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp
4115.	4284	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch

4116.	4285	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình
4117.	4286	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
4118.	4287	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não
4119.	4288	Gây tê phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch
4120.	4289	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách
4121.	4290	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan
4122.	4291	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu chớp xoay
4123.	4292	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
4124.	4293	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)
4125.	4294	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4126.	4295	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
4127.	4296	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4128.	4297	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
4129.	4298	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chớp xoay (Arthroscopic Rotator Interval Closure)
4130.	4299	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
4131.	4300	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rùa bụng, dẫn lưu (xi miệng nối đại-trực tràng)
4132.	4301	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực
4133.	4302	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)
4134.	4303	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành
4135.	4304	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
4136.	4305	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
4137.	4306	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4138.	4307	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
4139.	4308	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
4140.	4309	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
4141.	4310	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
4142.	4311	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
4143.	4312	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4144.	4313	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
4145.	4314	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
4146.	4315	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
4147.	4316	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng

4148.	4317	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
4149.	4318	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
4150.	4319	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
4151.	4320	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
4152.	4321	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4153.	4322	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
4154.	4323	Gây tê phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy
4155.	4324	Gây tê phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực
4156.	4325	Gây tê phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
4157.	4326	Gây tê phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
4158.	4327	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi
4159.	4328	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
4160.	4329	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường trước trong vẹo cột sống
4161.	4330	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất
4162.	4331	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông
4163.	4332	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy máu tụ
4164.	4333	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống lưng qua lỗ liên hợp
4165.	4334	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bản sống
4166.	4335	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr
4167.	4336	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
4168.	4337	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
4169.	4338	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau
4170.	4343	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực
4171.	4344	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u vùng bán lẻ chấm cổ qua miệng
4172.	4345	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu
4173.	4346	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi
4174.	4347	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu
4175.	4348	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán
4176.	4349	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi
4177.	4350	Gây tê phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim-màng phổi
4178.	4351	Gây tê phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da
4179.	4352	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái
4180.	4353	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật
4181.	4354	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng
4182.	4355	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
4183.	4356	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật

4184.	4357	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da
4185.	4358	Gây tê phẫu thuật nội soi mở sáng hàm
4186.	4359	Gây tê phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da
4187.	4360	Gây tê phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt
4188.	4361	Gây tê phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc
4189.	4362	Gây tê phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc
4190.	4363	Gây tê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng
4191.	4364	Gây tê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng
4192.	4365	Gây tê phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy
4193.	4366	Gây tê phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng
4194.	4367	Gây tê phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng
4195.	4368	Gây tê phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng
4196.	4369	Gây tê phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng
4197.	4370	Gây tê phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng
4198.	4371	Gây tê phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang
4199.	4372	Gây tê phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non
4200.	4373	Gây tê phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng
4201.	4374	Gây tê phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi
4202.	4375	Gây tê phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng
4203.	4376	Gây tê phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung
4204.	4377	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán
4205.	4378	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
4206.	4379	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận
4207.	4380	Gây tê phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy
4208.	4381	Gây tê phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất III
4209.	4382	Gây tê phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não thất
4210.	4383	Gây tê phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh
4211.	4384	Gây tê phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng
4212.	4385	Gây tê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng
4213.	4386	Gây tê phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày
4214.	4387	Gây tê phẫu thuật nội soi Robotigae
4215.	4388	Gây tê phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
4216.	4389	Gây tê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
4217.	4390	Gây tê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
4218.	4391	Gây tê phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
4219.	4392	Gây tê phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất
4220.	4393	Gây tê phẫu thuật nội soi sửa van hai lá
4221.	4394	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau
4222.	4395	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)
4223.	4396	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng

4224.	4397	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu
4225.	4398	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)
4226.	4399	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng qua đòn
4227.	4400	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau
4228.	4401	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
4229.	4402	Gây tê phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
4230.	4403	Gây tê phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO
4231.	4404	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình cống não
4232.	4405	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
4233.	4406	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình móm cùng vai (Arthroscopic Subacromial Decompression)
4234.	4407	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
4235.	4408	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor
4236.	4409	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4237.	4410	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen
4238.	4411	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4239.	4412	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản
4240.	4413	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan
4241.	4414	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong
4242.	4415	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trị dò bạch huyết)
4243.	4416	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ
4244.	4417	Gây tê phẫu thuật nội soi thay van hai lá
4245.	4418	Gây tê phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận
4246.	4419	Gây tê phẫu thuật nội soi tủy sống
4247.	4420	Gây tê phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
4248.	4421	Gây tê phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai
4249.	4422	Gây tê phẫu thuật nội soi u mạc treo
4250.	4423	Gây tê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
4251.	4424	Gây tê phẫu thuật nội soi vết hạch tiểu khung
4252.	4425	Gây tê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
4253.	4426	Gây tê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa
4254.	4427	Gây tê phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng
4255.	4428	Gây tê phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
4256.	4429	Gây tê phẫu thuật nội soi xé sa lõi tử niệu quản
4257.	4430	Gây tê phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán
4258.	4431	Gây tê phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
4259.	4432	Gây tê phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng
4260.	4433	Gây tê phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non

4261.	4434	Gây tê phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	
4262.	4435	Gây tê phẫu thuật nối tụy ruột	
4263.	4436	Gây tê phẫu thuật nối vị tràng	
4264.	4437	Gây tê phẫu thuật nối vòi tử cung	
4265.	4438	Gây tê phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày - ruột non trên ba quai ruột biệt lập	
4266.	4439	Gây tê phẫu thuật nong niệu đạo	
4267.	4440	Gây tê phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lõm ngực bẩm sinh (VATS)	
4268.	4441	Gây tê phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	
4269.	4442	Gây tê phẫu thuật quặm bẩm sinh	
4270.	4443	Gây tê phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	
4271.	4444	Gây tê phẫu thuật sa sinh dục	
4272.	4445	Gây tê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tăng sinh môn	
4273.	4446	Gây tê phẫu thuật tháo lồng ruột	
4274.	4447	Gây tê phẫu thuật ứ máu kinh	
4275.	4448	Gây tê phẫu thuật vá da tạo hình mí	
4276.	4449	Gây tê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mí cầu	
4277.	4450	Gây tê phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)	
4278.	4452	Gây tê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	
4279.	4453	Gây tê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	
4280.	4454	Gây tê tán sỏi qua da bằng laser	
4281.	4455	Gây tê tán sỏi qua da bằng siêu âm	
4282.	4456	Gây tê tán sỏi qua da bằng xung hơi	
4283.	4457	Gây tê tán sỏi thận qua da	
4284.	4459	Gây tê trung phẫu ngực ở trẻ em	
		Đ. AN THẦN	
4285.	4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	
4286.	4461	An thần bệnh nhân nhổ răng	
4287.	4462	An thần bệnh nhân nội soi đường mật	
4288.	4463	An thần bệnh nhân nội soi đường tiêu hóa	
4289.	4464	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản	
4290.	4465	An thần bệnh nhân phẫu thuật nắn xương	
4291.	4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	
4292.	4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	
4293.	4468	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	
4294.	4469	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	
4295.	4470	An thần nội soi buồng tử cung can thiệp	
4296.	4471	An thần nội soi buồng tử cung chẩn đoán	
4297.	4472	An thần nội soi buồng tử cung nạo buồng tử cung	

4298.	4473	An thần nội soi buồng tử cung sinh thiết buồng tử cung
4299.	4474	An thần nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng
4300.	4476	An thần nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản
4301.	4477	An thần nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản
4302.	4478	An thần nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
4303.	4479	An thần nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
4304.	4480	An thần nội soi nông hẹp thực quản
4305.	4481	An thần nội soi nông niệu quản hẹp
4306.	4482	An thần nội soi ổ bụng chẩn đoán
4307.	4483	An thần nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán
4308.	4484	An thần nội soi tán sỏi niệu quản
4309.	4485	An thần nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
4310.	4486	An thần nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận
4311.	4487	An thần nội soi thận ống mềm tán sỏi thận
4312.	4488	An thần nội soi xé lỗ niệu quản lấy sỏi
4313.	4489	An thần phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo
4314.	4490	An thần phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu
4315.	4491	An thần phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân HIV- AID
4316.	4492	An thần phẫu thuật mắt ở trẻ em
4317.	4495	An thần phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy
4318.	4496	An thần phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
4319.	4497	An thần phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi
4320.	4498	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung
4321.	4499	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung
4322.	4500	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype
4323.	4501	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ
4324.	4502	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn
4325.	4503	An thần phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản
4326.	4504	An thần phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang
4327.	4505	An thần phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật
4328.	4506	An thần phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ
4329.	4507	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp + eo giáp
4330.	4508	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân
4331.	4509	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc
4332.	4510	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp
4333.	4511	An thần phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày
4334.	4512	An thần phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày
4335.	4513	An thần phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận
4336.	4514	An thần phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp
4337.	4515	An thần phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương
4338.	4516	An thần phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay
4339.	4517	An thần phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non

4340.	4518	An thần phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột
4341.	4519	An thần phẫu thuật nội soi cắt u màng tim
4342.	4520	An thần phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim
4343.	4521	An thần phẫu thuật nội soi cắt u OMC
4344.	4522	An thần phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc
4345.	4523	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính
4346.	4524	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính
4347.	4525	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thực quản
4348.	4526	An thần phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
4349.	4527	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tụy
4350.	4528	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên
4351.	4529	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên
4352.	4530	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức
4353.	4531	An thần phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi
4354.	4532	An thần phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thoát lồng ngực)
4355.	4533	An thần phẫu thuật nội soi chữa ngoài tử cung
4356.	4534	An thần phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo
4357.	4535	An thần phẫu thuật nội soi cố định dạ dày
4358.	4536	An thần phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng
4359.	4537	An thần phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
4360.	4538	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn lưu
4361.	4539	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tụy
4362.	4540	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan
4363.	4541	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm
4364.	4542	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim
4365.	4543	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy
4366.	4544	An thần phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc
4367.	4545	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới ngà tiền phúc mạc (TEP)
4368.	4546	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)
4369.	4547	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc
4370.	4548	An thần phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày
4371.	4549	An thần phẫu thuật nội soi điều trị chày máu đường mật, cắt gan
4372.	4550	An thần phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân
4373.	4551	An thần phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)
4374.	4552	An thần phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh quệt thừa
4375.	4553	An thần phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khuỷu
4376.	4554	An thần phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chòm xương đùi bằng ghép sụn xương
4377.	4555	An thần phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân
4378.	4556	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vũng bánh chè x

4379.	4557	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet
4380.	4558	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai x
4381.	4559	An thần phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi
4382.	4560	An thần phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
4383.	4561	An thần phẫu thuật nội soi điều trị ổ cận màng phổi
4384.	4562	An thần phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận
4385.	4563	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối x
4386.	4564	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau
4387.	4565	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
4388.	4566	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn
4389.	4567	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ
4390.	4568	An thần phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục
4391.	4569	An thần phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn
4392.	4570	An thần phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ
4393.	4571	An thần phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn
4394.	4572	An thần phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác
4395.	4573	An thần phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản
4396.	4574	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm cơ rút khớp vai x
4397.	4575	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai
4398.	4576	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm môm trên lõi cầu ngoài)
4399.	4577	An thần phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh
4400.	4578	An thần phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày
4401.	4579	An thần phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu
4402.	4580	An thần phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo
4403.	4581	An thần phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ
4404.	4582	An thần phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.
4405.	4583	An thần phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn
4406.	4584	An thần phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi
4407.	4585	An thần phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang
4408.	4586	An thần phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm
4409.	4587	An thần phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân x
4410.	4588	An thần phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt
4411.	4589	An thần phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ
4412.	4590	An thần phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay
4413.	4591	An thần phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II
4414.	4592	An thần phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
4415.	4593	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi
4416.	4594	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
4417.	4595	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mù màng phổi

4418.	4596	An thần phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì
4419.	4597	An thần phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân
4420.	4598	An thần phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên
4421.	4599	An thần phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản
4422.	4600	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất
4423.	4601	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim
4424.	4602	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng
4425.	4603	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối
4426.	4604	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp x
4427.	4605	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch
4428.	4606	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình
4429.	4607	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng
4430.	4608	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não
4431.	4609	An thần phẫu thuật nội soi kẹp túi phình động mạch não
4432.	4610	An thần phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách
4433.	4611	An thần phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan
4434.	4612	An thần phẫu thuật nội soi khâu chớp xoay
4435.	4613	An thần phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành
4436.	4614	An thần phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)
4437.	4615	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4438.	4616	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor
4439.	4617	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4440.	4618	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen
4441.	4619	An thần phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chớp xoay
4442.	4620	An thần phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
4443.	4621	An thần phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xi miệng nối đại-trực tràng)
4444.	4622	An thần phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực
4445.	4623	An thần phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)
4446.	4624	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành
4447.	4625	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
4448.	4626	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
4449.	4627	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng

4450.	4628	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
4451.	4629	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
4452.	4630	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
4453.	4631	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
4454.	4632	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
4455.	4633	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4456.	4634	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng
4457.	4635	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng
4458.	4636	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
4459.	4637	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4460.	4638	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
4461.	4639	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
4462.	4640	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
4463.	4641	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng
4464.	4642	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
4465.	4643	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng
4466.	4644	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng
4467.	4645	An thần phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy (Microfracture technique)
4468.	4646	An thần phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực (Arthroscopic Management of Scapulothoracic Disorders)
4469.	4647	An thần phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị
4470.	4648	An thần phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
4471.	4649	An thần phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi
4472.	4650	An thần phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật
4473.	4651	An thần phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất
4474.	4652	An thần phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông
4475.	4653	An thần phẫu thuật nội soi lấy máu tụ
4476.	4654	An thần phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống lưng qua lỗ liên hợp
4477.	4655	An thần phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bán sống
4478.	4656	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr
4479.	4657	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
4480.	4658	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr
4481.	4659	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều
4482.	4660	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não thất

4483.	4661	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ
4484.	4662	An thần phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ
4485.	4663	An thần phẫu thuật nội soi lấy u sọ hầu qua xoang sang
4486.	4664	An thần phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực
4487.	4665	An thần phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề cằm cổ qua miệng
4488.	4666	An thần phẫu thuật nội soi lấy u
4489.	4667	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu
4490.	4668	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi
4491.	4669	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu
4492.	4670	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán
4493.	4671	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi
4494.	4672	An thần phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim – màng phổi
4495.	4673	An thần phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da
4496.	4674	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái
4497.	4675	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật
4498.	4676	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng
4499.	4677	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi
4500.	4678	An thần phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
4501.	4679	An thần phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da
4502.	4680	An thần phẫu thuật nội soi mở sáng hàm
4503.	4681	An thần phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày
4504.	4682	An thần phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da
4505.	4683	An thần phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt
4506.	4684	An thần phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc
4507.	4685	An thần phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc
4508.	4686	An thần phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng
4509.	4687	An thần phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng
4510.	4688	An thần phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy
4511.	4689	An thần phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng
4512.	4690	An thần phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng
4513.	4691	An thần phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng
4514.	4692	An thần phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng
4515.	4693	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng
4516.	4694	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang
4517.	4695	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non
4518.	4696	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng
4519.	4697	An thần phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng
4520.	4698	An thần phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung
4521.	4699	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán
4522.	4700	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai
4523.	4701	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận

4524.	4702	An thần phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy
4525.	4703	An thần phẫu thuật nội soi phá thông sản não thất III
4526.	4704	An thần phẫu thuật nội soi phá thông sản não thất và sinh thiết u não não thất
4527.	4705	An thần phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh
4528.	4706	An thần phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng
4529.	4707	An thần phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng
4530.	4708	An thần phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày
4531.	4709	An thần phẫu thuật nội soi Robotigae
4532.	4710	An thần phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
4533.	4711	An thần phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận
4534.	4712	An thần phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
4535.	4713	An thần phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
4536.	4714	An thần phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất
4537.	4716	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau)
4538.	4717	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân
4539.	4718	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng x
4540.	4719	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu
4541.	4720	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó
4542.	4721	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng qua đòn
4543.	4722	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau
4544.	4723	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước
4545.	4724	An thần phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr
4546.	4725	An thần phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO
4547.	4726	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình cống não
4548.	4727	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận
4549.	4728	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình móm cùng vai
4550.	4729	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
4551.	4730	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor
4552.	4731	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob
4553.	4732	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen
4554.	4733	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet
4555.	4734	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản
4556.	4735	An thần phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan
4557.	4736	An thần phẫu thuật nội soi thắt động mạch hãm trong
4558.	4737	An thần phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trị dò bạch huyết)
4559.	4738	An thần phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ
4560.	4740	An thần phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận

4561.	4741	An thần phẫu thuật nội soi túi sống
4562.	4742	An thần phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm
4563.	4743	An thần phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai
4564.	4744	An thần phẫu thuật nội soi u mạc treo
4565.	4745	An thần phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng
4566.	4746	An thần phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
4567.	4747	An thần phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng
4568.	4748	An thần phẫu thuật nội soi vùng nền sọ
4569.	4749	An thần phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản
4570.	4750	An thần phẫu thuật nội soi xoang bướm - trán
4571.	4751	An thần phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung
4572.	4752	An thần rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa
4573.	4761	An thần sau phẫu thuật chấn thương sọ não
4574.	4762	An thần sau phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn
4575.	4763	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
4576.	4764	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng dưới lều tiểu não (hồ sau)
4577.	4765	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
4578.	4766	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não
4579.	4767	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
4580.	4768	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất
4581.	4769	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow
4582.	4770	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương
4583.	4771	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh
4584.	4772	An thần tán sỏi qua da bằng laser
4585.	4773	An thần tán sỏi qua da bằng siêu âm
4586.	4774	An thần tán sỏi qua da bằng xung hơi
4587.	4775	An thần tán sỏi thận qua da
4588.	4776	An thần thông tim chẩn đoán và điều trị các bệnh lý tim và mạch ở trẻ em

X. NGOẠI KHOA

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO
		2. Phẫu thuật nhiễm trùng
4589.	38	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ
		16. Thần kinh ngoại biên
4590.	151	Phẫu thuật u thần kinh trên da

		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC	
		6. Lòng ngực	
4591.	278	Phẫu thuật cắt u thành ngực	
4592.	288	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC	
		3. Bàng quang	
4593.	341	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	
4594.	359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	
		4. Niệu đạo	
4595.	374	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	
		5. Sinh dục	
4596.	395	Cắt tinh mạc	
4597.	411	Cắt hẹp bao quy đầu	
		D. TIÊU HÓA	
		1. Thực quản	
		2. Dạ dày	
4598.	453	Nội vị tràng	
4599.	464	Phẫu thuật Newmann	
4600.	465	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	
		5. Ruột thừa- Đại tràng	
4601.	524	Làm hậu môn nhân tạo	
		6. Trục tràng	
4602.	533	Cắt u, polyp trục tràng đường hậu môn	
4603.	546	Các phẫu thuật trục tràng khác	
		7. Tầng sinh môn	
4604.	547	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	
4605.	548	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	
4606.	553	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	
4607.	560	Phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	
4608.	562	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn	
4609.	565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	
		Đ. GAN - MẬT - TỤY	
		2. Mật	
4610.	620	Mở thông túi mật	
		G. CHÂN THƯƠNG – CHÍNH HÌNH	
		2. Vùng cánh tay	
4611.	732	Phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay	
		3. Vùng cẳng tay	
4612.	737	Phẫu thuật KHX gãy đài quay	
		7. Khớp gối	
4613.	772	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè	
		11. Tổn thương phần mềm	
4614.	807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	

		12. Vùng cổ tay - bàn tay
4615.	820	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
4616.	821	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
4617.	827	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay
4618.	833	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
4619.	834	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
4620.	843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
4621.	857	Chỉnh hình bệnh cơ rút nhị đầu và cơ cánh tay trước
4622.	860	Thương tích bàn tay giãn đơn
4623.	862	Phẫu thuật làm mồm cụt ngón và đốt bàn ngón
4624.	863	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
4625.	864	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay
		13. Gãy cổ, bàn chân
4626.	874	Cắt chân thương cổ và bàn chân
4627.	875	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước
4628.	876	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I
4629.	878	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mào bên
4630.	879	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I
		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình
4631.	895	Chuyển vật cân cơ cánh tay trước
4632.	901	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay
4633.	902	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm
		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em
4634.	906	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay
4635.	909	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác
4636.	966	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)
4637.	967	Phẫu thuật lấy bỏ u xương
4638.	969	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo
4639.	970	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm
4640.	971	Lấy u xương (ghép xi măng)
4641.	976	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ
4642.	977	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm ²
4643.	978	Phẫu thuật vá da mỏng
4644.	984	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương
		17. Nắn- Bó bột
4645.	1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn
4646.	1030	Nắn, cố định trật khớp hàm
		I. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC
4647.	1113	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng
		K. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
4648.	1114	Đặt prothese cố định sản chậu vào mồm nhô xương cụt
4649.	1115	Phẫu thuật đặt Stent thực quản

4650.	1116	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/ tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột liền)
4651.	1117	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/ tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột tự cấn)

XI. BÔNG

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông
4652.	16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu
		3. Kỹ thuật khác
4653.	77	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng
4654.	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt
4655.	80	Xử lý tại chỗ ki đầu tổn thương bông
4656.	81	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng
4657.	82	Sơ cấp cứu bông acid
4658.	83	Sơ cấp cứu bông do dòng điện
4659.	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bông
4660.	90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bông
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BÔNG VÀ SAU BÔNG
4661.	102	Khám đi chứng bông
4662.	104	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình

XII. UNG BƯỚU

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		C. HÀM MẬT
4663.	71	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm
4664.	91	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mật đường kính trên 5 cm
4665.	92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mật đường kính dưới 5 cm
		D. TAI - MŨI - HỌNG
4666.	133	Rút ống nông thanh khí quản - cắt tổ chức sùi thanh khí quản
4667.	147	Cắt u amidan
4668.	157	Cắt u nhái sàn miệng
4669.	158	Phẫu thuật mổ u nang sàn mũi
4670.	165	Súc rửa vòm họng trong xạ trị
		E. LÔNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI
4671.	172	Phẫu thuật bóc u thành ngực
		G. TIỂU HÓA - BỤNG

4672.	203	Mở thông dạ dày ra da do ung thư
4673.	205	Cắt toàn bộ đại tràng do ung thư và vết hạch hệ thống
4674.	214	Cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư tiêu hoá
4675.	215	Làm hậu môn nhân tạo
4676.	219	Phẫu thuật lấy bỏ mạc nối lớn, phúc mạc
		H. GAN - MẬT - TUY
4677.	220	Cắt gan phải do ung thư
4678.	221	Cắt gan trái do ung thư
4679.	223	Cắt gan phải mở rộng do ung thư
4680.	224	Cắt gan trái mở rộng do ung thư
4681.	225	Cắt gan không điển hình-Cắt gan lớn do ung thư
4682.	235	Cắt đường mật ngoài gan điều trị ung thư ống mật chủ
4683.	236	Nội mật-Hồng tràng do ung thư
4684.	240	Cắt bỏ khối u tá tụy
		I. TIẾT NIỆU - SINH DỤC
4685.	255	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung
4686.	263	Cắt nang buồng trứng một bên
4687.	264	Cắt nang buồng trứng hai bên
		K. VÚ - PHỤ KHOA
4688.	268	Mổ bóc nhân xơ vú
4689.	269	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú
4690.	283	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ
4691.	284	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
4692.	288	Nạo buồng tử cung chẩn đoán
4693.	289	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung
4694.	293	Phẫu thuật Wertheim- Meig điều trị ung thư cổ tử cung
4695.	294	Phẫu thuật soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc, polip buồng tử cung
4696.	302	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo
4697.	303	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bào tồn tử cung
4698.	309	Bóc nang tuyến Bartholin
		L. PHẦN MỀM - XƯƠNG - KHỚP
4699.	323	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam

XIII. PHỤ SẢN

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		C. SƠ SINH
4700.	181	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch
4701.	187	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)
4702.	190	Truyền máu sơ sinh

4703.	192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
4704.	194	Ep tim ngoài lồng ngực
4705.	196	Khám sơ sinh
4706.	199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
4707.	202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
		D. HỖ TRỢ SINH SẢN
4708.	206	Nuôi cấy noãn chưa trưởng thành
4709.	207	Nuôi cấy phôi
4710.	209	Rã đông phôi, noãn
4711.	210	Trữ lạnh tinh trùng
4712.	211	Rã đông tinh trùng
4713.	213	Phẫu thuật lấy tinh trùng
4714.	214	Tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)
4715.	217	Sinh thiết tinh hoàn, mào tinh
4716.	219	Lọc rửa tinh trùng
		E. PHÁ THAI
4717.	231	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần

XIV. MẮT

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
4718.	12	Tháo dầu Silicon nội nhãn
4719.	24	Tháo đai độn củng mạc
4720.	27	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bề (Trabeculoplasty)
4721.	46	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thị 2 (không cắt dịch kính)
4722.	63	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ
4723.	67	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
4724.	68	Gọt giác mạc đơn thuần
4725.	80	Sinh thiết tổ chức mi
4726.	82	Sinh thiết tổ chức kết mạc
4727.	83	Cắt u da mi không ghép
4728.	88	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
4729.	106	Đóng lỗ dò đường lệ
4730.	110	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
4731.	111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
4732.	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
4733.	113	Chỉnh chỉ sau mổ lác
4734.	115	Sửa sẹo sau mổ lác
4735.	123	Lùi cơ nâng mi
4736.	125	Phẫu thuật tạo hình nếp mi
4737.	126	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi
4738.	127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)

4739.	133	Sửa sẹo xấu vùng quanh mí
4740.	134	Di thực hàng lông mí
4741.	135	Phẫu thuật Epicanthus
4742.	136	Phẫu thuật mở rộng khe mí
4743.	137	Phẫu thuật hẹp khe mí
4744.	138	Lấy da mí sa (mí trên, mí dưới, 2 mí) có hoặc không lấy mỡ dưới da mí
4745.	154	Rút van dẫn lưu, ống Silicon tiền phòng
4746.	161	Tập nhược thị
4747.	162	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)
4748.	163	Rửa mắt nhân tiền phòng
4749.	168	Khâu cò mí, tháo cò
4750.	169	Chích dẫn lưu túi lệ
4751.	170	Phẫu thuật lác người lớn
4752.	175	Khâu phủ kết mạc
4753.	198	Lấy máu làm huyết thanh
4754.	208	Thay băng vô khuẩn
4755.	209	Tra thuốc nhỏ mắt
4756.	213	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)
4757.	214	Bóc giả mạc
4758.	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
4759.	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
4760.	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
4761.	223	Khám lâm sàng mắt
		Tạo hình
4762.	233	Phẫu thuật tạo nếp mí
4763.	237	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xè đôi mí)
		Chẩn đoán hình ảnh
4764.	240	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm
4765.	250	Test thử cảm giác giác mạc
4766.	251	Test phát hiện khô mắt
4767.	252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm
4768.	262	Đo độ lác
4769.	263	Xác định sơ đồ song thị
4770.	264	Đo biên độ điều tiết
4771.	266	Đo độ sâu tiền phòng
4772.	268	Đo độ dày giác mạc
4773.	269	Đếm tế bào nội mô giác mạc
4774.	270	Chụp bản đồ giác mạc
4775.	267	Đo đường kính giác mạc
4776.	275	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm
4777.	276	Đo độ lồi

4778.	277	Test thử nhược cơ
4779.	278	Test kéo cơ cường bức
		1. NỘI KHOA
4780.	288	Test lấy bì
4781.	289	Test nội bì
4782.	290	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt
4783.	291	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch
		3. Các kỹ thuật khác (TTLT 37)
4784.	293	Siêu âm + đo trực nhãn cầu
4785.	294	Chụp Angiography mắt

XV. TAI MŨI HỌNG

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. TAI - TAI THẦN KINH
4786.	27	Mở sào bào
4787.	28	Mở sào bào - thượng nhĩ
4788.	36	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ
4789.	43	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài
4790.	47	Cắt bỏ vành tai thừa
4791.	48	Đặt ống thông khí màng nhĩ
4792.	49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ
4793.	51	Khâu vết rách vành tai
4794.	56	Chọc hút dịch vành tai
4795.	57	Chích nhọt ống tai ngoài
		B. MŨI-XOANG
4796.	64	Phẫu thuật nội soi thắt/ đốt động mạch bướm khẩu cái
4797.	69	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe ổ mắt
4798.	77	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng
4799.	79	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm
4800.	80	Cắt Polyp mũi
4801.	81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi
4802.	83	Phẫu thuật nội soi mở khe giữa
4803.	86	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sản mũi
4804.	94	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng
4805.	99	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi
4806.	102	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang
4807.	103	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi
4808.	104	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa
4809.	105	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới
4810.	106	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
4811.	107	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần (Coblator)

4812.	109	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới
4813.	125	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc
4814.	127	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới
4815.	128	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới
4816.	130	Đốt điện cuốn mũi dưới
4817.	135	Sinh thiết hốc mũi
4818.	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
4819.	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
4820.	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi
C. HỌNG-THANH QUẢN		
4821.	152	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)
4822.	159	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hồ lưỡi thanh thiệt
4823.	162	Phẫu thuật nội soi bơm dây thanh (mỡ/Teflon...)
4824.	194	Phẫu thuật cắt u sàn miệng
4825.	195	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má
4826.	203	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản
4827.	208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA
4828.	209	Cắt phanh lưỡi
4829.	210	Sinh thiết u hạ họng
4830.	211	Sinh thiết u họng miệng
4831.	213	Lấy dị vật hạ họng
4832.	214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng
4833.	220	Thay canuyn
4834.	226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê
4835.	234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
4836.	240	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
D. ĐẦU CỎ		
4837.	288	Phẫu thuật cắt móm trâm theo đường miệng
4838.	290	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe
4839.	300	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ
4840.	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ		
4841.	325	Phẫu thuật cắt bỏ các túi mỡ mí mắt
4842.	326	Phẫu thuật cắt bỏ đa thừa mí mắt
4843.	331	Phẫu thuật cắt u đa vùng mặt
4844.	345	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân
4845.	346	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân
4846.	361	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng
4847.	363	Cắt phanh lưỡi (gây mê)
E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)		
4848.	397	Đo AOE (1 lần)
4849.	398	Đo sức nghe lời
4850.	399	Đo trên ngưỡng

XVI. RĂNG HÀM MẶT

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. RĂNG
4851.	12	Phẫu thuật tăng lợi sùng hóa quanh Implant
4852.	17	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học
4853.	18	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đồng khô
4854.	19	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương
4855.	22	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đồng khô và đặt màng sinh học
4856.	23	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học
4857.	24	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chề chân răng bằng đặt màng sinh học
4858.	25	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chề chân răng bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học
4859.	26	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc
4860.	27	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép vật niêm mạc toàn phần
4861.	28	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép mô liên kết dưới biểu mô
4862.	29	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên
4863.	30	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học
4864.	31	Phẫu thuật vật niêm mạc làm tăng chiều cao lợi đỉnh
4865.	32	Phẫu thuật ghép biểu mô và mô liên kết làm tăng chiều cao lợi đỉnh
4866.	33	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
4867.	34	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng
4868.	35	Phẫu thuật nạo túi lợi
4869.	36	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi
4870.	37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
4871.	38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
4872.	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp
4873.	40	Điều trị áp xe quanh răng mạn
4874.	44	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.
4875.	45	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
4876.	46	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
4877.	47	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
4878.	50	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
4879.	51	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy

4880.	52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay
4881.	53	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay
4882.	54	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay máy
4883.	55	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay máy
4884.	56	Chụp tủy bằng MTA
4885.	57	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
4886.	58	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
4887.	59	Điều trị tủy răng thủng sản bằng MTA
4888.	62	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng
4889.	63	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy
4890.	64	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser
4891.	65	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser
4892.	66	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
4893.	67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
4894.	71	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement
4895.	73	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
4896.	74	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
4897.	75	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser
4898.	78	Veneer Composite trực tiếp
4899.	83	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
4900.	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
4901.	104	Chụp nhựa
4902.	105	Chụp kim loại
4903.	106	Chụp hợp kim thường cần nhựa
4904.	112	Cầu nhựa
4905.	138	Tháo chụp răng giả
4906.	139	Sửa hàm giả gãy
4907.	140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
4908.	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
4909.	142	Đệm hàm nhựa thường
4910.	183	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
4911.	186	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
4912.	189	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi
4913.	190	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
4914.	191	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay
4915.	192	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng
4916.	193	Gắn band
4917.	195	Máng nâng khớp cắn

4918.	196	Mài chỉnh khớp cắn
4919.	197	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
4920.	198	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
4921.	199	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
4922.	200	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
4923.	201	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
4924.	202	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng
4925.	203	Nhổ răng vĩnh viễn
4926.	207	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng
4927.	209	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc
4928.	210	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
4929.	211	Phẫu thuật cắt cuống răng
4930.	212	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
4931.	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc
4932.	214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
4933.	215	Cắt lợi di động để làm hàm giả
4934.	216	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
4935.	218	Phẫu thuật cắt phanh má
4936.	219	Cấy chuyển răng
4937.	220	Cấy lợi răng bị bật khỏi ổ răng
4938.	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
4939.	233	Điều trị đông cuống răng bằng Canxi Hydroxit
4940.	234	Điều trị đông cuống răng bằng MTA
		B. HÀM MẶT
4941.	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
4942.	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
4943.	334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt
4944.	338	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
4945.	339	Điều trị u lợi bằng Laser
4946.	340	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp

XVIII. ĐIỆN QUANG

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
		1. Siêu âm đầu, cổ
4947.	2	Siêu âm các tuyến nước bọt
4948.	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt
4949.	4	Siêu âm hạch vùng cổ
4950.	5	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp
4951.	6	Siêu âm hốc mắt
4952.	8	Siêu âm nhân cầu

4953.	9	Siêu âm Doppler hốc mắt
4954.	10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ
		2. Siêu âm vùng ngực
4955.	11	Siêu âm màng phổi
4956.	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)
		3. Siêu âm ổ bụng
4957.	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới
		6. Siêu âm tim, mạch máu
4958.	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam
4959.	57	Siêu tinh hoàn hai bên
4960.	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên
4961.	59	Siêu âm dương vật
4962.	60	Siêu âm Doppler dương vật
		9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt
4963.	65	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SÔ (CR hoặc DR)
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy
4964.	77	Chụp Xquang Chausse III
4965.	129	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị
4966.	139	Chụp Xquang ống tuyến sữa
4967.	143	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng
4968.	144	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu
		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)
		1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1 - 32 dãy
		Chụp CHT máy từ lực ≥ 1.5 Tesla
4969.	703	Siêu âm tại giường

XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		D. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG
4970.	61	Đặt catheter tenchkoiff qua nội soi ổ bụng
4971.	62	Sửa catheter tenchkoiff qua nội soi ổ bụng

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. TIM MẠCH
4972.	8	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ

		C. THẦN KINH, TÂM THẦN	
4973.	40	Ghi điện não đồ thông thường	
		D. TAI - MŨI - HỌNG	
4974.	58	Đo độ hiệu chỉnh máy trợ thính kỹ thuật số	
4975.	60	Đo thính lực đơn âm	
4976.	64	Đo nhĩ lượng	
4977.	65	Đo phản xạ cơ bản đập	
		E. MẮT	
4978.	71	Đo độ dày giác mạc	
4979.	72	Đếm tế bào nội mô giác mạc	
4980.	73	Đo bán đồ giác mạc	
4981.	74	Siêu âm A/B	
4982.	77	Test thử cảm giác giác mạc	
4983.	78	Test phát hiện khô mắt	
4984.	79	Nghiệm pháp phát hiện glacom	
4985.	80	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	
4986.	81	Đo thị trường chu biên	
4987.	82	Đo sắc giác	
4988.	83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	
4989.	84	Đo khúc xạ máy	
4990.	85	Đo khúc xạ giác mạc Javal	
4991.	86	Thử kính	
4992.	87	Đo độ lác	
4993.	88	Xác định sơ đồ song thị	
4994.	89	Đo độ sâu tiền phòng	
4995.	90	Đo đường kính giác mạc	
4996.	91	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	
4997.	92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	
4998.	93	Đo thị lực	
		G. CƠ XƯƠNG KHỚP	
4999.	99	Test Prick với bệnh mày đay mẩn ngứa (chuyển Dịch-Miền dịch)	
		H. NỘI TIẾT	
5000.	118	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin	
5001.	119	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (50g Glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén	
5002.	120	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	
5003.	121	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g Glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén	

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
-----	------------------------	-------------------

		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU	
5004.	15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	
5005.	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	
5006.	22	Nghiệm pháp dây thắt	
5007.	24	Bán định lượng D-Dimer	
5008.	25	Định lượng AT/AT III (Anti thrombin/ Anti thrombinIII)	
5009.	26	Phát hiện kháng đông nội sinh (Tên khác: Mix test)	
5010.	27	Phát hiện kháng đông ngoại sinh	
5011.	28	Phát hiện kháng đông đường chung	
5012.	29	Định lượng yếu tố đông máu nội sinh VIIIc, IX, XI	
5013.	30	Định lượng yếu tố đông máu ngoại sinh II, V, VII, X	
5014.	32	Định lượng hoạt tính yếu tố Von Willebrand (VWF Activity) (tên khác: định lượng hoạt tính đông yếu tố Ristocetin: VIII: R co)	
5015.	42	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin	
5016.	55	Thời gian phục hồi Canxi	
5017.	56	Định lượng hoạt tính yếu tố V Leiden	
5018.	57	Định lượng Heparin	
5019.	58	Định lượng Plasminogen	
5020.	68	Định lượng antiCardiolipin IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang	
5021.	69	Định lượng antiCardiolipin IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang điện hóa phát quang	
5022.	78	Đo độ quánh máu toàn phần, huyết tương	
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC	
5023.	92	Đo huyết sắc tố niệu	
5024.	94	Định lượng Peptid - C	
5025.	101	Xét nghiệm hồng cầu tự tan	
5026.	112	Định lượng IgG	
5027.	113	Định lượng IgA	
5028.	114	Định lượng IgM	
5029.	115	Định lượng IgE	
		C. TẾ BÀO HỌC	
5030.	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	
5031.	126	Thủ thuật chọc hút tủy lâm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)	
5032.	128	Thủ thuật chọc hút tủy lâm tủy đồ (sử dụng máy khoan cầm tay)	
5033.	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	
5034.	157	Chụp ảnh màu tế bào qua kính hiển vi	
5035.	159	Xử lý bệnh phẩm sinh thiết và chẩn đoán tổ chức học	
5036.	160	Thế tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU	
5037.	256	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	
5038.	257	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	

5039.	258	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
5040.	259	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)
5041.	260	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
5042.	261	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
5043.	262	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22°C, 37°C, kháng globulin người) bằng phương pháp Scangel/Gelcard
5044.	263	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22°C, 37°C, kháng globulin người) bằng phương pháp ống nghiệm
5045.	264	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
5046.	265	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (Kỹ thuật ống nghiệm)
5047.	266	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
5048.	267	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm)
5049.	268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)
5050.	269	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
5051.	270	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
5052.	271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)
5053.	272	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
5054.	273	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
5055.	274	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)
5056.	275	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
5057.	276	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
5058.	277	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
5059.	281	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
5060.	282	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
5061.	294	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn
5062.	295	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
5063.	296	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
5064.	297	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)
5065.	298	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)

5066.	302	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
5067.	305	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn tử trên máy tự động)
5068.	309	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn tử trên máy tự động)
5069.	310	Xác định kháng nguyên H (Kỹ thuật ống nghiệm)
5070.	311	Xác định kháng nguyên H (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
5071.	312	Xác định nhóm máu A1 (Kỹ thuật ống nghiệm)
5072.	313	Xác định nhóm máu A1 (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
		D. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC
5073.	317	Kháng thể kháng histon (anti histon) bằng kỹ thuật ELISA
5074.	320	Kháng thể kháng Sm (anti Sm) bằng kỹ thuật ELISA
5075.	323	Kháng thể kháng nDNA (anti-nDNA) bằng kỹ thuật ELISA
		G. TRUYỀN MÁU
		H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG
5076.	499	Rút máu để điều trị
5077.	509	Chăm sóc catheter cố định
5078.	510	Truyền thuốc chống ung thư đường tĩnh mạch
5079.	511	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng vô trùng
5080.	517	Chẩn đoán trước sinh cho các bệnh máu bẩm sinh
		I. TẾ BÀO GỐC
5081.	522	Phân lập tế bào gốc bằng ly tâm túi dề
5082.	523	Phân lập tế bào gốc bằng phương pháp ly tâm có sử dụng HES
5083.	524	Phân lập tế bào gốc bằng ống Falcon 50 ml, không dùng hóa chất
5084.	526	Phân lập tế bào gốc bằng phương pháp ly tâm có sử dụng Ficoll
5085.	528	Phân lập tế bào gốc bằng hệ thống máy tự động AXP
5086.	535	Phân lập tế bào gốc trung mô
5087.	536	Thu hoạch dịch tủy xương
5088.	549	Vận chuyển mẫu tế bào gốc đông lạnh
5089.	550	Vận chuyển mẫu máu dây rốn đông lạnh
5090.	551	Rã đông mẫu tế bào gốc tạo máu: Phòng thí nghiệm và cạnh giường bệnh
5091.	552	Quy trình rã đông sản phẩm máu dây rốn đông lạnh để truyền
		K. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
5092.	565	Định lượng kháng nguyên antithrombin/ antithrombinIII (AT antigen/ATIII antigen)
5093.	566	Định lượng hoạt tính antithrombin/ antithrombinIII (AT activity/ATIII activity)
5094.	570	Định lượng D-Dimer bằng Kỹ thuật miễn dịch hóa phát quang
		L. TẾ BÀO HỌC
5095.	605	Huyết đồ (bằng hệ thống tự động hoàn toàn)
5096.	617	Xét nghiệm hình dáng-kích thước hồng cầu niệu
		M. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU
5097.	626	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (Kỹ thuật Scangel)

		N. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC
5098.	629	Xét nghiệm kháng thể kháng lao (phương pháp thẩm miễn dịch)
		Q. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG
5099.	682	Truyền khối tế bào gốc tạo máu
		R. TẾ BÀO GỐC
5100.	684	Xử lý tế bào gốc bằng phương pháp thủ công
5101.	685	Rửa sản phẩm tế bào gốc sau bảo quản bằng phương pháp thủ công
5102.	687	Tìm kiếm nguồn tế bào gốc phù hợp cho ghép
5103.	689	Đánh giá tỷ lệ sống của tế bào bằng kỹ thuật nhuộm xanh trypan

XXIII. HÓA SINH

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. MÁU
5104.	6	Định lượng Aldosteron
5105.	12	Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)
5106.	31	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc
5107.	37	Định lượng Carbamazepin
5108.	53	Định lượng Cyclosporin
5109.	54	Định lượng D-Dimer
5110.	57	Định lượng Digitoxin
5111.	73	Định lượng GH (Growth Hormone)
5112.	79	Định lượng Gentamicin
5113.	85	Định lượng HE4
5114.	126	Định lượng Phenobarbital
5115.	137	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide)
5116.	141	Định lượng Renin activity
5117.	144	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)
5118.	155	Định lượng Theophylline
5119.	163	Định lượng Tobramycin
5120.	168	Định lượng Vancomycin
5121.	169	Định lượng Vitamin B12
		B. NƯỚC TIỂU
5122.	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)
5123.	174	Định lượng Amphetamine
5124.	196	Định tính Heroin (test nhanh)
		E. DỊCH CHỌC DỎ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)
5125.	220	Phản ứng Rivalta
5126.	222	Đo tỷ trọng dịch chọc dò
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
5127.	227	C-Peptid
5128.	228	Định lượng CRP

5129.	230	Định lượng p2PSA
5130.	241	Nồng độ rượu trong máu
5131.	254	Hydrocorticosteroid định lượng
5132.	255	Oestrogen toàn phần định lượng
5133.	261	Clo dịch
5134.	262	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...)
5135.	263	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) có đếm số lượng tế bào

XXIV. VI SINH

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. VI KHUẨN
		1. Vi khuẩn chung
5136.	8	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)
5137.	10	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh
5138.	11	Vi khuẩn kháng định
5139.	16	Vi hệ đường ruột
		2. Mycobacteria
5140.	23	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> kháng thuốc hàng 1 môi trường lỏng
5141.	25	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> kháng thuốc hàng 2 môi trường lỏng
5142.	39	<i>Mycobacterium leprae</i> nhuộm soi
		3. Vibrio cholerae
5143.	42	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi
5144.	43	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi
5145.	45	<i>Vibrio cholerae</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
		4. Neisseria gonorrhoeae
5146.	50	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
		5. Neisseria meningitidis
5147.	56	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi
5148.	57	<i>Neisseria meningitidis</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
		6. Các vi khuẩn khác
5149.	62	<i>Chlamydia</i> Ab miễn dịch bán tự động
5150.	63	<i>Chlamydia</i> Ab miễn dịch tự động
5151.	68	<i>Clostridium</i> nuôi cấy, định danh
5152.	70	<i>Clostridium difficile</i> miễn dịch tự động
5153.	72	<i>Helicobacter pylori</i> nhuộm soi
5154.	74	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh
5155.	75	<i>Helicobacter pylori</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
5156.	76	<i>Helicobacter pylori</i> Ab miễn dịch bán tự động

5157.	78	<i>Helicobacter pylori</i> Real-time PCR
5158.	80	<i>Leptospira</i> test nhanh
5159.	82	<i>Mycoplasma pneumoniae</i> Ab miễn dịch bán tự động
5160.	87	<i>Mycoplasma hominis</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
5161.	95	<i>Treponema pallidum</i> soi tươi
5162.	96	<i>Treponema pallidum</i> nhuộm soi
5163.	103	<i>Ureaplasma urealyticum</i> test nhanh
5164.	105	<i>Ureaplasma urealyticum</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc
		B. VIRUS
		1. Virus chung
5165.	108	Virus test nhanh
5166.	109	Virus Ag miễn dịch bán tự động
5167.	110	Virus Ag miễn dịch tự động
5168.	111	Virus Ab miễn dịch bán tự động
5169.	112	Virus Ab miễn dịch tự động
5170.	114	Virus PCR
		2. Hepatitis virus
5171.	118	HBsAg miễn dịch bán tự động
5172.	120	HBsAg kháng định
5173.	121	HBsAg định lượng
5174.	122	HBsAb test nhanh
5175.	123	HBsAb miễn dịch bán tự động
5176.	125	HBe IgM miễn dịch bán tự động
5177.	127	HBeAb test nhanh
5178.	128	HBe total miễn dịch bán tự động
5179.	130	HBeAg test nhanh
5180.	131	HBeAg miễn dịch bán tự động
5181.	133	HBeAb test nhanh
5182.	134	HBeAb miễn dịch bán tự động
5183.	140	HBV genotype Real-time PCR
5184.	142	HBV kháng thuốc Real-time PCR (cho 1 loại thuốc)
5185.	145	HCV Ab miễn dịch bán tự động
5186.	147	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động
5187.	148	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động
5188.	149	HCV Core Ag miễn dịch tự động
5189.	151	HCV đo tải lượng Real-time PCR
5190.	155	HAV Ab test nhanh
5191.	156	HAV IgM miễn dịch bán tự động
5192.	158	HAV total miễn dịch bán tự động
5193.	160	HDV Ag miễn dịch bán tự động
5194.	163	HEV Ab test nhanh
5195.	164	HEV IgM test nhanh
5196.	165	HEV IgM miễn dịch bán tự động
5197.	167	HEV IgG miễn dịch bán tự động

		3. HIV	
5198.	169	HIV Ab test nhanh	
5199.	170	HIV Ag/Ab test nhanh	
5200.	171	HIV Ab miễn dịch bán tự động	
5201.	174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	
5202.	178	HIV DNA Real-time PCR	
5203.	179	HIV đo tải lượng Real-time PCR	
		4. Dengue virus	
5204.	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	
5205.	185	Dengue virus IgA test nhanh	
5206.	186	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	
5207.	191	Dengue virus Real-time PCR	
		5. Herpesviridae	
5208.	193	CMV IgM miễn dịch bán tự động	
5209.	195	CMV IgG miễn dịch bán tự động	
5210.	199	CMV đo tải lượng hệ thống tự động	
5211.	201	HSV 1 IgM miễn dịch bán tự động	
5212.	203	HSV 1 IgG miễn dịch bán tự động	
5213.	205	HSV 2 IgM miễn dịch bán tự động	
5214.	207	HSV 2 IgG miễn dịch bán tự động	
5215.	209	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động	
5216.	211	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động	
5217.	213	HSV Real-time PCR	
5218.	216	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động	
5219.	220	EBV EA-D IgG miễn dịch bán tự động	
		6. Enterovirus	
5220.	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	
5221.	227	EV71 Real-time PCR	
5222.	230	Enterovirus Real-time PCR	
		7. Các virus khác	
5223.	239	HPV Real-time PCR	
5224.	241	HPV genotype PCR hệ thống tự động	
5225.	243	Influenza virus A, B test nhanh	
5226.	247	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động	
5227.	248	Measles virus Ab miễn dịch tự động	
5228.	249	Rotavirus test nhanh	
5229.	250	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động	
5230.	254	Rubella virus Ab test nhanh	
5231.	255	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động	
5232.	257	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động	
5233.	258	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	
5234.	261	Rubella virus Real-time PCR	
		C. KÝ SINH TRÙNG	
		1. Ký sinh trùng trong phân	

5235.	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
5236.	270	<i>Cryptosporidium</i> test nhanh
		2. Ký sinh trùng trong máu
5237.	274	<i>Clonorchis/Opisthorchis</i> (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động
5238.	275	<i>Clonorchis/Opisthorchis</i> (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động
5239.	276	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động
5240.	277	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) Ab miễn dịch tự động
5241.	278	<i>Echinococcus granulosus</i> (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động
5242.	279	<i>Echinococcus granulosus</i> (Sán dây chó) Ab miễn dịch tự động
5243.	280	<i>Entamoeba histolytica</i> (Amip) Ab miễn dịch bán tự động
5244.	281	<i>Entamoeba histolytica</i> (Amip) Ab miễn dịch tự động
5245.	282	<i>Fasciola</i> (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động
5246.	283	<i>Fasciola</i> (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch tự động
5247.	284	<i>Filaria</i> (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi
5248.	285	<i>Gnathostoma</i> (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động
5249.	286	<i>Gnathostoma</i> (Giun đầu gai) Ab miễn dịch tự động
5250.	287	<i>Paragonimus</i> (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động
5251.	288	<i>Paragonimus</i> (Sán lá phổi) Ab miễn dịch tự động
5252.	289	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính
5253.	290	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng
5254.	291	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh
5255.	292	<i>Schistosoma</i> (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động
5256.	293	<i>Schistosoma</i> (Sán máng) Ab miễn dịch tự động
5257.	294	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động
5258.	295	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) Ab miễn dịch tự động
5259.	296	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động
5260.	297	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động
5261.	298	<i>Toxoplasma</i> IgM miễn dịch bán tự động
5262.	299	<i>Toxoplasma</i> IgM miễn dịch tự động
5263.	300	<i>Toxoplasma</i> IgG miễn dịch bán tự động
5264.	301	<i>Toxoplasma</i> IgG miễn dịch tự động
5265.	303	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động
5266.	304	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) Ab miễn dịch tự động
		3. Ký sinh trùng ngoài da
5267.	305	<i>Demodex</i> soi tươi
5268.	306	<i>Demodex</i> nhuộm soi
5269.	307	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi
5270.	308	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi
5271.	309	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghê) soi tươi
5272.	310	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghê) nhuộm soi
		4. Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác
5273.	311	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết
5274.	313	<i>Pneumocystis jirovecii</i> nhuộm soi
5275.	314	<i>Taenia</i> (Sán dây) soi tươi định danh

5276.	315	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết
5277.	316	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết
5278.	317	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi
5279.	318	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi
		D. VI NẤM
5280.	320	Vi nấm test nhanh
5281.	326	Vi nấm kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)
		Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN
5282.	329	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí
5283.	330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay
5284.	331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng
5285.	332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt
5286.	333	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt
5287.	334	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước thải
5288.	335	Vi khuẩn kháng thuốc - Phát hiện người mang
5289.	336	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm
		E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
5290.	340	Vi khuẩn Ag miễn dịch tự động
5291.	342	Vi khuẩn Ab miễn dịch tự động
5292.	344	Ký sinh trùng Ag miễn dịch tự động
5293.	346	Ký sinh trùng Ab miễn dịch tự động
5294.	348	Vi nấm Ag miễn dịch tự động
5295.	350	Vi nấm Ab miễn dịch tự động
5296.	352	Virus genotype Real-time PCR (cho một loại vi sinh vật)
5297.	356	Ký sinh trùng test nhanh
5298.	358	Vi nấm kháng thuốc định tính

XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
5299.	10	Chọc hút kim nhỏ gan không dưới hướng dẫn của siêu âm
5300.	14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt
5301.	17	Chọc hút kim nhỏ tổn thương trong ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm
5302.	18	Chọc hút kim nhỏ các tổn thương hốc mắt
5303.	19	Chọc hút kim nhỏ mô mềm
5304.	20	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim
5305.	22	Tế bào học nước tiểu
5306.	23	Tế bào học đờm
5307.	24	Tế bào học dịch chái phế quản
5308.	25	Tế bào học dịch rửa phế quản
5309.	26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang
5310.	27	Tế bào học dịch rửa ổ bụng

5311.	29	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm tử thi
5312.	30	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm sinh thiết
5313.	31	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học
5314.	37	Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin
5315.	38	Nhuộm ba màu theo phương Nhuộm 3 màu của Masson (1929)
5316.	60	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học
5317.	61	Nhuộm hóa mô miễn dịch cho mỗi một dấu ấn
5318.	73	Lấy bệnh phẩm làm phiến đồ tế bào cổ tử cung – âm đạo
5319.	74	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou
5320.	75	Nhuộm Diff – Quick
5321.	76	Nhuộm Giemsa
5322.	77	Nhuộm May Grunwald – Giemsa
5323.	78	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep
5324.	79	Cell bloc (khối tế bào)
5325.	83	Xét nghiệm PCR
5326.	89	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy

XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. SỌ NÃO - ĐẦU- MẶT- CỔ
		1. Sọ não - Đầu - Mặt
5327.	1	Phẫu thuật nội soi xoang bướm
5328.	2	Phẫu thuật nội soi xoang trán
		D. BỤNG - TIÊU HÓA
		6. Đại tràng
5329.	213	Phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)
		Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC
		1. Thận
5330.	348	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc
		5. Sinh dục, niệu đạo
5331.	403	Phẫu thuật nội soi ổ bụng điều trị vô sinh
5332.	405	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng
5333.	406	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh
5334.	407	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo
		N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)
5335.	518	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang
5336.	519	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)

XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ

STT	STT TT43 & TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ
		1. Vùng xương sọ- da đầu
5337.	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc
5338.	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
5339.	9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
5340.	11	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2cm
5341.	30	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman vùng trán
		2. Vùng mí mắt
5342.	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mí mắt
5343.	35	Khâu phục hồi bờ mí
5344.	36	Khâu cắt lọc vết thương mí
5345.	37	Phẫu thuật ghép da tự thân cho vết thương khuyết da mí
5346.	38	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mí
5347.	44	Phẫu thuật treo mí lên cơ trán điều trị sụp mí
5348.	45	Phẫu thuật hạ mí trên
5349.	48	Phẫu thuật điều trị hờ mí
5350.	49	Ghép da mí hay vạt da điều trị lật mí dưới do sẹo
5351.	50	Khâu cơ kéo mí dưới để điều trị lật mí dưới
5352.	52	Phẫu thuật mở rộng khe mí
5353.	53	Phẫu thuật hẹp khe mí
5354.	54	Phẫu thuật điều trị Epicanthus
5355.	55	Phẫu thuật điều trị trẻ mí dưới
5356.	56	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lấp mắt giả
5357.	57	Phẫu thuật tạo hình khuyết một phần mí mắt
5358.	62	Phẫu thuật giải phóng sẹo bóng mí mắt
5359.	63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mí mắt
5360.	65	Phẫu thuật ghép sụn mí mắt
5361.	66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mí mắt
5362.	68	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt
5363.	69	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì tự thân điều trị lõm mắt
5364.	71	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt
5365.	79	Điều trị chứng cơ mí trên bằng botox
5366.	80	Điều trị chứng cơ giật mí trên bằng botox
		3. Vùng mũi
5367.	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi
5368.	95	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)
5369.	97	Phẫu thuật tạo hình mũi sư tử
5370.	98	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi đơn
5371.	100	Phẫu thuật thu nhỏ đầu mũi

5372.	102	Phẫu thuật hạ thấp sống mũi
5373.	103	Phẫu thuật tạo hình nâng xương chính mũi
5374.	106	Phẫu thuật chỉnh sụn cánh mũi
5375.	109	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân
		4. Vùng môi
5376.	110	Khâu vết thương vùng môi
		5. Vùng tai
5377.	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai
5378.	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai
5379.	138	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời
5380.	140	Phẫu thuật bảo tồn sụn vành tai đứt rời
5381.	149	Phẫu thuật tạo hình vành tai cụp
5382.	152	Phẫu thuật tạo hình lỗ tai ngoài
5383.	155	Phẫu thuật tạo hình dị dạng da tai bằng vật tại chỗ
5384.	157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lõm quá phát vành tai
5385.	158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai
5386.	159	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai
		6. Vùng hàm mặt cổ
5387.	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ
5388.	194	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng ghép mỡ coleman
5389.	196	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng ghép mỡ coleman
5390.	235	Ghép mỡ tự thân coleman
		B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH
5391.	250	Phẫu thuật tái tạo quầng núm vú
5392.	254	Phẫu thuật treo vú sa trễ
5393.	255	Phẫu thuật thu nhỏ vú sa trễ
5394.	264	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú
5395.	265	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ
5396.	266	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa
5397.	268	Phẫu thuật tạo hình dị tật bẩm sinh vú
5398.	269	Phẫu thuật cắt vú to ở đàn ông
5399.	275	Cắt bỏ khối u da lành tính dưới 5cm
		E. THẨM MỸ
5400.	414	Phẫu thuật thu gọn môi dày
5401.	415	Phẫu thuật độn môi
5402.	416	Phẫu thuật điều trị cười hở lợi
5403.	417	Phẫu thuật sa trễ mí trên người già
5404.	419	Phẫu thuật cắt da mí dưới cung mày
5405.	420	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày
5406.	421	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí
5407.	423	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mí dưới
5408.	425	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt
5409.	426	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp
5410.	427	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ

5411.	428	Phẫu thuật nâng, độn các vật liệu sinh học điều trị má hóp
5412.	429	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu độn nhân tạo kết hợp sụn tự thân
5413.	430	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu độn nhân tạo
5414.	431	Phẫu thuật nâng mũi bằng sụn tự thân
5415.	432	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi
5416.	433	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gồ
5417.	434	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch
5418.	435	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng mũi
5419.	436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi
5420.	437	Phẫu thuật nâng gò má thẩm mỹ
5421.	438	Phẫu thuật chỉnh cung thái dương gò má
5422.	451	Hút mỡ vùng cằm
5423.	452	Hút mỡ vùng dưới hàm
5424.	453	Hút mỡ vùng nếp mũi má, má
5425.	461	Hút mỡ vùng lưng
5426.	465	Phẫu thuật cấy mỡ nâng mũi
5427.	466	Phẫu thuật cấy mỡ làm đầy vùng mặt
5428.	467	Phẫu thuật cấy mỡ bàn tay
5429.	482	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng cấy mỡ
5430.	483	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy
5431.	484	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ chỉnh hình cằm
5432.	485	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ
5433.	486	Phẫu thuật thu nhỏ âm đạo
5434.	487	Laser điều trị u da
5435.	488	Laser điều trị nám da
5436.	489	Laser điều trị đồi mồi
5437.	490	Laser điều trị nếp nhăn
5438.	491	Tiêm Botulium điều trị nếp nhăn
5439.	492	Tiêm chất làm đầy xóa nếp nhăn
5440.	493	Tiêm chất làm đầy nâng mũi
5441.	494	Tiêm chất làm đầy độn mô
5442.	495	Ghép mỡ tự thân Coleman vùng trán
5443.	496	Ghép mỡ tự thân Coleman điều trị lõm mắt
5444.	503	Treo cung mày bằng chỉ

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Việt Tiến